# PHỤ LỤC 2. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CỘNG ĐỒNG, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021-2030,TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

[I. CHUYÊN GIA, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN, TỔ CHỨC 4](#_Toc141709128)

[1. Nguyễn Đắc Xuân (Chủ tịch Hội nghiên cứu và phát triển di sản văn hoá Huế) 4](#_Toc141709129)

[2. Nguyễn Văn Cao - Nguyên Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. 6](#_Toc141709130)

[3. Nguyễn Văn Mễ - Nguyên Phó Bí thư TU, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh. 6](#_Toc141709131)

[4. Sở giao thông vận tải 18](#_Toc141709132)

[5. Sở Tài nguyên môi trường (Lê Bá Phúc). 21](#_Toc141709133)

[6. Sở văn hóa và thể thao (Phan Thanh Hải). 24](#_Toc141709134)

[7. Sở ngoại vụ Thừa Thiền Huế (Trần Công Phú). 24](#_Toc141709135)

[8. Giám đốc Sở du lịch Thừa Thiên Huế. 25](#_Toc141709136)

[9. Lãnh đạo huyện Phú Vang. 26](#_Toc141709137)

[10. Lãnh đạo huyện Nam Đông. 26](#_Toc141709138)

[11. Huyện Phong Điền (Võ Văn Vui). 26](#_Toc141709139)

[12. Huyện Quảng Điền (Trần Quốc Thắng). 27](#_Toc141709140)

[13. Ban Quản lý KKT, CN (Lê Văn Tuệ. Trưởng ban Quản lý KKT, CN ). 27](#_Toc141709141)

[14. Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Thừa Thiên Huế (Phan Thắng). 27](#_Toc141709142)

[15. Ban pháp chế HĐMT Tỉnh (Nguyễn Anh Dũng). 27](#_Toc141709143)

[16. Hội Quy hoạch phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế. 28](#_Toc141709144)

[17. Phòng kinh tế và hạ tầng Hải Lăng- Quảng Trị (THS. KTS Lê Đắc Triều). 30](#_Toc141709145)

[18. Bảo hiểm xã hội Tỉnh (Hoàng Trọng Chính). 31](#_Toc141709146)

[19. Công ty điện lực Thừa Thiên Huế (Hoàng Ngọc Toại Quang) 31](#_Toc141709147)

[20. Cung Trọng Cường 53 Nguyễn Huệ, TP Huế. 31](#_Toc141709148)

[21. Nguyễn Huy Ngọc - Số 9, Tố Hữu, Phú Hội, Huế. 32](#_Toc141709149)

[22. Công ty cổ phần cảng Chân Mây (Hồ Hoàng Thi- PTGĐ công ty). 32](#_Toc141709150)

[23. Công ty CP Đầu tư và phát triển BĐS Cotana Capital (Khu đô thị An Dương Vương, TP Huế) 33](#_Toc141709151)

[24. KTS Hồ Viết Vinh (Trường ĐH Kiến trúc TP HCM) 33](#_Toc141709152)

[25. Phạm Trọng Vinh - VP Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế 33](#_Toc141709153)

[26. Vụ quản lý Quy hoạch, Bộ KHĐT (Lê Văn Thụy). 34](#_Toc141709154)

[27. Bùi Tất Thắng - Hội khoa học kinh tế Việt Nam. 35](#_Toc141709155)

[28. TSKH. Ngô Viết Nam Sơn. 38](#_Toc141709156)

[29. Nguyễn Hoàng Hà - Viện Chiến lược phát triển 39](#_Toc141709157)

[30. Nguyễn Thị Lan. Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam. 39](#_Toc141709158)

[31. Nguyễn Xuân Hoa 54](#_Toc141709159)

[II. CÁC SỞ BAN NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH 56](#_Toc141709160)

[1. Sở XD (CV số 867/SXD-QHKT ngày 21/3/2023) 56](#_Toc141709161)

[2. UBND TP Huế (CV số 712 /UBND-TH ngày 13/02/2023) 62](#_Toc141709162)

[3. Sở Tài nguyên và môi trường (CV số 260 /STNMT-QLĐĐ ngày 03/2/2023) 63](#_Toc141709163)

[Mục 6. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng 67](#_Toc141709164)

[4. Sở Công Thương (CV số 149 /SCT-NL ngày 03 tháng 02 năm 2023) 85](#_Toc141709165)

[5. Thị Xã Hương Trà (CV số 257 /UBND-QLĐT ngày 15 tháng 02 năm 2023) 93](#_Toc141709166)

[6. Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Cố Đô Huế (CV số 180/BTDT-DA ngày 17 tháng 02 năm 2023) 94](#_Toc141709167)

[7. Công An Tỉnh Thừa Thiên Huế (CV số 481 /CAT-TM ngày 06 tháng 02 năm 2023) 95](#_Toc141709168)

[8. BCHQS QK 4 (CV số 548/BCH-TM ngày 15/2/2023) 111](#_Toc141709169)

[9. TT Giám định chất lượng xây dựng (CV số 15/GDH-VP ngày 22/2/2023) 112](#_Toc141709170)

[10. Sở Du Lịch (CV số /SDL-QHPTDL ngày tháng 02 năm 2023) 113](#_Toc141709171)

[11. Sở Giáo Dục Và Đào Tạo (CV số 438 /SGD&ĐT-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023) 116](#_Toc141709172)

[12. Sở Khoa Học Và Công Nghệ (CV số 274/SKHCN-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023) 118](#_Toc141709173)

[13. Sở Lao Động (CV số /SLĐTBXH-KHTC, ngày tháng 02 năm 2023) 119](#_Toc141709174)

[14. Sở Nội Vụ (CV số 290 /SNV-XDCQ ngày 21 tháng 02 năm 2023) 123](#_Toc141709175)

[15. Sở Tài Chính (CV số /STC-QLNS ngày tháng năm 2023) 124](#_Toc141709176)

[16. Sở Y Tế (CV số 513 /SYT-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023) 126](#_Toc141709177)

[17. Sở Tư Pháp (CV số 247/STP-XDKTVBQPPL ngày 14 tháng 02 năm 2023) 126](#_Toc141709178)

[18. Sở Thông Tin Và Truyền Thông (CV số 299/STTTT- BCVT ngày 15 tháng 2 năm 2023) 128](#_Toc141709179)

[19. Sở Nông Nghiệp Và PTNT (CV số 169 /SNNPTNT-XD ngày 03 tháng 02 năm 2023) 134](#_Toc141709180)

[20. Huyện Phú Lộc (CV số 503/UBND-QH ngày 21 tháng 02 năm 2023) 134](#_Toc141709181)

[21. Huyện Nam Đông (CV số 184 /UBND-KTHT ngày 14 tháng 02 năm 2023) 136](#_Toc141709182)

[22. Huyện Phú Vang (CV số 168/UBND - TCKH, ngày 15 tháng 02 năm 2023) 144](#_Toc141709183)

[23. Huyện Quảng Điền (CV số 155/UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023) 147](#_Toc141709184)

[24. Công ty CP cấp nước Thừa Thiên Huế (CV số 239/HWS-TK ngày 28/3/2023) 149](#_Toc141709185)

[25. UBMT Tổ quốc (CV số 239/HWS-TK ngày 28/3/2023) 151](#_Toc141709186)

# CHUYÊN GIA, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN, TỔ CHỨC

## Nguyễn Đắc Xuân (Chủ tịch Hội nghiên cứu và phát triển di sản văn hoá Huế)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | 1. Tỉnh Thừa Thiên Huế có Thành phố Huế là thành phố di sản văn hóa. Vì thế vấn đề di sản văn hóa phải đặt lên hàng đầu trong quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó muốn quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế tốt nhất phải có một hội thảo khoa học xác định Thành phố Huế di sản cụ thể hiện nay như thế nào, khảo sát, đánh giá và bảo vệ các di sản văn hóa trên đất Thừa Thiên Huế ra sao, nếu không thì nhiều di sản sẽ bị vi phạm. Cho đến nay thành phố Huế đã được quy hoạch nhiều lần, vì không hiểu cụ thể nên nhiều di tích có giá trị không được quan tâm cho nên đã xóa đi nhiều di tích không thể phục hồi lại được. Ví dụ như cánh đồng Bàu Vá có Phủ Tập tượng, Điện Trường Lạc, Hiên Duyệt Võ, nơi vua Gia Long ra đời, đều đã bị quy hoạch thành khu phố mới. Suối Tiên và hồ sen trước nơi tọa lạc của Phủ Dương tiền thân của Cung điện/lặng Đan Dương của vua Quang Trung biến thành một cái cống, lấp đất lên trên làm đường ô tô nối khu Bầu Và với đường Điện Biên Phủ. Mai đây không còn cảnh quan cũ để xây dựng cung điện/lăng Đan Dương nữa. Ngay cả trong địa chí Văn hóa chính thức của Thừa Thiên Huế cũng không biết rõ khu Gia Hội dày đặc các di tích văn hóa quốc tự, các Phủ, Phòng Ông Hoàng, Bà Chúa, các chùa của người Minh Hương không thua gì thành phố Hội An. Khu đô thị mới có đường Phạm Văn Đồng chạy qua sau lưng làng Vỹ Dạ đã biến làng Vỹ Dạ thành một cái ao khi mưa lũ đến. Tỉnh Thừa Thiên Huế có nhiều di tích văn hóa lịch sử quan trọng nhưng chưa nghiên cứu xong, nếu không được cảnh báo, bảo vệ thì với cái quy hoạch mới các di tích đang chờ ấy có thể bị xóa. Ví dụ như Miếu Đôi ở làng Dã Lê Chánh theo truyền khẩu của các đời dân làng là nơi táng hai cái vò đựng đầu lâu của 2 anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ từ sau ngày Thất thủ Kinh đô (1885) , nếu không được nghiên cứu kịp thời và bảo vệ thì cái Miếu Đôi có thể bị xóa khi làng Dã Lê Chánh thuộc phường Thủy Vân đô thị hóa. Cho nên tôi đề nghị trước khi thực hiện quy hoạch, ngành văn hóa phải cấp tốc đánh dấu những nơi đang chờ nghiên cứu để công nhận. | Nội dung này xin được giải trình như sau: Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tích hợp những nội dung cơ bản của hệ thống di sản Huế đến cấp quốc gia đã được phê duyệt.  Những nội dung góp ý sẽ tiếp thu và bổ sung hoàn thiện trong báo cáo hợp phần. Các giải pháp cụ thể hơn về việc kiểm kê, rà soát hệ thống di tích và các công trình, địa điểm, danh lam thắng cảnh có giá trị sẽ được lồng ghép, tích hợp trong các quy hoạch xây dựng, quy hoạch mang tính kỹ thuật chuyên ngành ở cấp cơ sở. |
| 2 | 2. Đề án Quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế có hai thời kỳ: thời kỳ 2021-2030 và thời kỳ 2030-2050. Theo tôi gọi là tầm nhìn 2050, bảng quy hoạch này cũng phải phác thảo cho biết khái quát về Thành phố Huế năm 2050 như thế nào. Chúng ta phải thấy những nét chính của thành phố Huế năm 2050 đó như thế nào để tất cả việc xây dựng, phát triển từ năm 2021-2030 không vi phạm vào những di tích cần có cho năm 2050. Tôi lấy ví dụ năm 2050 là thành phố di sản văn hóa, di sản này là do triều Nguyễn để lại. Mà di sản văn hóa do triều Nguyễn để lại, nguồn gốc của nó xuất phát từ các phủ, phòng, các ông hoàng bà chúa thời Nguyễn. Ngày nay nếu ta không đánh giá đúng mức giá trị của hàng trăm phủ phòng của các ông hoàng bà chúa hiện còn giữ thì đến năm 2050 cái nguồn gốc di sản chỉ còn trên giấy mà thôi. Vậy cho đến nay làm quy hoạch chúng ta đã hiểu các di sản thuộc loại này chưa? | Hệ thống các di tích, công trình có giá trị sẽ cần được làm rõ trong các quy hoạch mang tính kỹ thuật chuyên ngành, chi tiết hơn như Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích cố đô Huế, quy hoạch xây dựng, … |
| 3 | 3. Thừa Thiên Huế có thành phố Huế được người trong và ngoài nước ca ngợi. Đó là thành phố thơ bài thơ đô thị tuyệt tác (UNESCO) , kiến trúc hài hòa với thiên nhiên, văn hóa Đại Việt hòa quyện với văn hóa Chăm-pa. Về tự nhiên, Thừa Thiên Huế có rừng núi Trường Sơn, có những gò đồi giống như Đà Lạt, có ruộng đồng, có những kênh rạch giống với Đồng bằng sông Cửu Long, có các con sông riêng của Thừa Thiên Huế, có đầm phá Tam Giang ít nơi có, bãi biển Thuận An, Lăng Cô có giá trị quốc tế, có cảng nước sâu Chân Mây. Về kết cấu tự nhiên theo tôi cả nước Việt Nam không nơi nào có thể có đầy đủ như Thừa Thiên Huế. Do đó việc quy hoạch để phát triển giá trị của tự nhiên mà trời đất đã dành cho Thừa Thiên Huế. | Nội dung về hệ thống di sản thiên nhiên đã được trình bày trong báo cáo tổng hợp và phân tích trong báo cáo hợp phần. Đồng thời, cũng đã đưa ra các định hướng phát triển đối với hệ thống di sản thiên nhiên đồ sộ, góp phần trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. |
| 4 | 4. Đặc điểm số 1 của Thừa Thiên Huế là mưa – lụt. Do mưa nhiều cho nên kiến trúc Huế phải nghĩ tới việ tránh mưa. Do mưa nên văn hóa Huế là xuất phát từ trong các nhà, các phủ phòng như thêu thùa, may vá, ẩm thực, vui chơi, học hành, ca nhạc. Đất dựng đền đài cung điện được nâng cao có những kênh rạch rút nước lũ. Ngược lại, đồng ruộng để lũ lụt băng qua cung cấp phù sa mới cho cây trồng. Cho nên quy hoạch Thừa Thiên Huế nên đặc biệt quan tâm đến mưa Huế | - Thừa Thiên Huế là 1 trong những tỉnh có lượng mưa trung bình lớn nhất cả nước với lượng mưa trung bình hằng năm từ 2700mm-3800mm cộng với địa hình dốc, cao độ thay đổi mạnh với theo chiều Đông – Tây với núi cao ở phía Tây với chiều cao từ 750-1800m và đồng bằng nhỏ hẹp ở phía Đông có cao độ từ 10-15m thế nên lũ sẽ lên rất nhanh và có sức phá hoại rất lớn cho nên không phù hợp để cho lũ lụt băng qua đồng ruộng cung cấp phù sa.  - Hiện trong báo cáo tại *“Mục 13: Các phương án bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khi hậu”* tạitrang 586-trang 621 đã có các giải pháp công trình, phi công trình trong phòng chống và giảm nhẹ tác hại của mưa lớn. |
| 5 | 5. Thành phố Huế sau năm 2025, ngoài nhiệm vụ xây dựng phát triển cho dân thành phố của mình, thành phố Huế còn có nhiệm vụ gìn giữ bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc. Do đó Trung Ương phải có chính sách tài trợ cho thành phố Huế thực hiện nhiệm vụ bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc.  Dù Hội Nghiên cứu và Phát triển Di sản Văn hóa Huế không được mời, nhưng với trách nhiệm phản biện được Tỉnh giao chúng tôi xin góp mấy ý kiến thô thiển. Chúng tôi đã trải nghiệm với các cuộc quy hoạch trước đây, biết mà không nói là có tội với Tỉnh. | Các định hướng, giải pháp đặc thù nhằm bảo vệ và phát huy giá trị đặc thù của hệ thống di sản văn hóa - lịch sử và thiên nhiên của Thừa Thiên Huế đã được đề xuất trong báo cáo tổng hợp và Báo cáo hợp phần. Các nội dung này sẽ tiếp tục được nghiên cứu sâu thêm trong giai đoạn hoàn thiện quy hoạch Tỉnh. |

## Nguyễn Văn Cao - Nguyên Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Thống nhất với nội dung của dự thảo Quy hoạch, đơn vị tư vấn đã tiếp thu và xem xét một số đóng góp của Hội thảo trước.  Số liệu kinh tế xã hội (2020) làm vị thế của Thừa Thiên Huế còn khá thấp so với cả nước.  Xác định đến năm 2030 kinh tế của Tỉnh ở mức Trung bình nhưng là trung tâm lớn của cả nước là mâu thuẫn, nên đánh giá kinh tế phát triển tương xứng.  Theo kết luận 48 của Bộ Chính trị, Tỉnh vẫn chưa thực hiện được các mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành trung tâm lớn của cả nước và khu vực; cần phải có phân tích những bất cập vì sao chưa thực hiện được; nêu lên các điều kiện có và cần để thực hiện mục tiêu trong thời gian tới. | Nội dung này xin được giải trình như sau:   * Trọng tâm phát triển của Thừa Thiên Huế đã được xác định tại Nghị quyết 54, trong đó Tỉnh trở thành Thành phố trực thuộc TW trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa. Phát triển kinh tế là mục tiêu quan trọng, tuy nhiên quy hoạch xác định phát triển kinh tế cần hài hòa với các mục tiêu phát triển xanh và bền vững theo định hướng của NQ54. Các kịch bản kinh tế được xây dựng trên cở sở tính khả thi thực hiện và trong tổng hòa chung các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội-môi trường của Tỉnh. * Các bất cập và khó khăn trong phát triển được phân tích chi tiết trong báo cáo tổng thể - phần hiện trạng và phân tích SWOT   Các điều kiện có và cần để thực hiện mục tiêu trong thời gian tới được đề cập chi tiết trong phần kịch bản phát triển. Tương ứng với mỗi kịch bản là các điều kiện cần có về nguồn lực. |
| 2 | Mục 4. 1. 1. Mạng lưới và phân loại đô thị mâu thuẫn với mục 8. 2. 4. Quy hoạch các vùng huyện Đồng ý với phương án 1 của đơn vị tư vấn về mô hình đô thị: 03 quận, 02 thị xã, 04 huyện. |  |

## Nguyễn Văn Mễ - Nguyên Phó Bí thư TU, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp Dự thảo QH Tỉnh TT Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được chuẩn bị công phu, có căn cứ khoa học và bám sát thực tiễn, đặc điểm tình hình và triển vọng phát triển của địa phương.  Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH nói chung và phát triển vùng, ngành, lĩnh vực nên trong đề án có tính khả thi cao, cho phép đi tắt đón đầu, tạo bước phát triển đột phá của Tỉnh trong thời gian tới; đảm bảo thực hiện thắng lợi nghị quyết 54 của BCT; đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4. 0.  Tuy vậy, để có nhận định và đánh giá khách quan hơn cần lưu ý một số điểm sau: Là Tỉnh có sự chia cắt địa hình cao, riêng Phá Tam Giang và đầm Ch đã chia cắt tỉnh trên chiều dài hơn 70km gây khó khăn cho phát triển giao thông vận tải nói riêng và KTXH vùng biển và đầm phá nói riêng.  Khác với các tỉnh, TP lân cận, Tỉnh TTH có vùng gò đồi rất hẹp, khó xây dựng vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp lớn, tạo nguyên liệu cho Công nghiệp chế biến.  Mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển rất khó xử lý ở 1 số nơi mật độ di sản dày đặc và có yêu cầu bảo vệ cao (hàng chục ha đất vàng được giải tỏa dọc sông Hương và các chi lưu đều dành cho nhiệm vụ bảo vệ di sản và cảnh quan, không thu hút đầu tư được.  - Hạn chế về độ cao, mật độ xây dựng làm giảm tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư)  - Báo cáo chưa đề cập đến tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới và khu vực giai đoạn 2007-2008. (KKT Chân Mây Lăng Cô ra đời khi khủng hoảng, FDI bị chững lại.  Một số dự án lớn đã tìm được nhà đầu tư nhưng không được chính phủ, các bộ, ngành phối hợp tháo gỡ về chính sách. (Dự án đầu tư xim măng của tập đoàn Cemex; Dự án công nghệ điện tử của Hàn Quốc và khu Chân Mây xin được hướng chính sách như Bắc Ninh nhưng không được chấp thuận; Dự án phát triển dịch vụ và mở tuyến bay Singapore - Huế ở sân bay Phú Bài cũng gặp trở ngại. | Nội dung này xin được tiếp thu và giải trình như sau: Về vấn đề địa hình trong tỉnh bị chia cắt, với phần địa hình cao chiếm phần lớn gây hạn chế phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. sẽ được bổ sung phân tích vào trong Báo cáo cho các phần phân tích tổng hợp và nhừng phần khác có liên quan. Ngoài ra phần hiện trạng ngành sản xuất nông nghiệp, báo cáo đã đánh giá việc không có cây trồng, vật nuôi mang tính đặc hữu, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu được nuôi trồng ở quy mô lớn là một trong những hạn chế trong việc phát triển ngành nông nghiệp.   * Về các khó khăn trong xử lý quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, đặc biệt mật độ xây dựng ở các khu vực di sản, quan điểm xuyên suốt được đề cập quy hoạch là ưu tiên hàng đầu cho công tác bảo tồn, thực hiện nhiệm vụ của Nghị quyết 54 v/v xây dựng TTH là Thành phố trực thuộc TƯ trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Quy hoạch đã xác định và đề xuất các hành lang và không gian phát triển kinh tế để về lâu dài giải quyết được mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. * Về việc phân tích tác động khủng hoảng kinh tế giai đoạn 2007-08: Trong các báo cáo hiện không đề cập đến nội dung này vì theo nhiệm vụlập quy hoạch được duyệt thì chỉ đánh giá cho giai đoạn 2011 - 2020 và lập quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 Tuy vậy, khi nghiên cứu cho sự phát triển của KKT Chân Mây Lăng Cô các tác động từ khi việc xây dựng quy hoạch khu KT Chân Mây Lăng Cô và các tác động trong quá trinh 20 năm qua đã được xem xét. |
| 2 | 2. Về tài nguyên ngoài di sản Văn hóa lịch sử, các thiết chế văn hóa du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục đào tạo, KHCN, có những tài nguyên riêng có của TTH: + Khả năng xây dựng cảng đào ở Chân Mây (đã khoan địa chất và đo sóng hồi cũng khẳng định diện tích lớn từ Vịnh vào QL1 ở độ sâu 25m không có đá).  + Cồn Hến, ruột đảo có diện tích gần 20 ha ở ngay trung tâm Tp, có mỏ nước khoáng có thể khai thác ở quy mô công nghiệp. | - Các thông tin về việc phát triển cảng đào ở Chân Mây là rất hữu ích cho các phân tích đánh giá về định hướng phát triển của khu vực Hiện tại, Thừa Thiên Huế đang phát triển các giai đoạn tiếp theo các hạng mục của cảng nước sâu bao gồm đê chắn sóng và cầu cảng container. Trong bối cảnh hạ tầng logistics chưa phát triển, chân hàng còn yếu, tính cạnh tranh với cảng Liên Chiểu, cảng Quảng Trị, Cảng Vũng Áng còn gay gắt nên việc đầu tư phát triển cần được xem xét ở các giai đoạn sau 2030, lúc đó dựa trên sự chuyển biến của thị trường và nhu cầu vận tải để quyết định các đầu tư phù hợp và hiệu quả.  - Về nội dung phát triển Cồn Hến với mỏ nước khoáng: Hiện chưa có đề xuất cụ thể cho khu vực này trong quy hoạch tỉnh vì một mặt khu vực cồn Hến thuộc khu vực gắn với dòng sông Hương, có giá trị văn hóa, cảnh quan và bảo tồn. Việc khai thác, phát triển các cơ sở công nghiệp, dịch vụ trên địa điểm này cần có sự đồng thuận cao trong Đảng bộ, chính quyền và người dân TTH. Hiện tại mỏ nước khoáng gần đó ở Mỹ An, Phú Vang đã được khai thác. Việc khai thác thêm khu vực Cồn Hền chưa chắc mang lại thêm giá trị về kinh tế cho tỉnh. Tổng kết lại, báo cáo quy hoạch cho rằng đây là vấn đề có tính nhạy cảm cao, cần sự thống nhất và đồng thuận rộng rãi. Mặt khác về mức độ chi tiết thì các đề xuất này sẽ được làm rõ trong Quy hoạch xây dựng đô thị thành phố Huế. |
| 3 | 3. Về mục tiêu, nhiệm vụ đến 2030, tầm nhìn đến 2050 cần nhấn mạnh: Phải tập trung mọi nỗ lực của Hệ thống chính trị, của toàn xã hội để tạo đột phá về thu hút đầu tư, tạo thế cất cánh- kiên quyết loại trừ nguy cơ tụt hậu đối với toàn vùng và cả nước. | Nội dung này xin được tiếp thu vào trong phần mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch Tỉnh. |
| 4 | 4. Các kịch bản phát triển: Thống nhất kịch bản 2A, nhưng cố gắng tạo đột phá để thực hiện kịch bản 03. | Nội dung này xin được tiếp thu vào trong phần đề xuất các định hướng phát triển của quy hoạch Tỉnh |
| 5 | 5. Về mặt HTKT phải tháo gỡ điểm nghẽn - Đường sắt cắt dọc TP Huế và chỉ cách thành đại nội tại khu vực của Thành Tây và cửa Hữu chưa đầy 100m. Đề nghị Bộ giao thông vận tải nghiên cứu phương án chuyển đường sắt qua TP lên phía Tây, nền đường sắt cũ trở thành đường nội thị.  - Quốc lộ 1A qua bãi biển Lăng Cô cắt độc vùng du lịch-Tuyến xuyên Việt với mật độ GTVT cao, ô nhiễm tiếng ồn không phù hợp yêu cầu xây dựng các khu phức hợp du lịch, khai thác vịnh đẹp Lăng Cô.  - Cần xây dựng tuyến đường cao tốc nối km 8 La Sơn về phía Tây đầm Lập An nối với hầm Hải Vân. | Nội dung này xin được tiếp thu và giải trình như sau:  - Theo Quyết định 1769/QĐ-TTg Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hướng tuyến là không thay đổi. Do đó, trong quy hoạch tỉnh sẽ đưa đề xuất này vào.  - Về nội dung cần xây dựng tuyến đường cao tốc nối km8 về Tây đầm Lập An nối với hầm Hải Vân: trong quy hoạch mạng lưới cao tốc đã được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg hiện chưa bao gồm tuyến cao tốc kết nối ra Chân Mây, do đó trong quy hoạch Tỉnh đã đề xuất mở tuyến kết nối từ nút giao cao tốc La Sơn – Túy Loan với Chân Mây kết nối vào QL.1 đoạn gần hầm Hải Vân. |
|  | 6. Các dự án tạo thế phát triển: 6. 1. Thu hút các dự án lớn vào các KKT, KCN; đặc biệt là KKT Chân Mây - Lăng Cô để tạo đột phá về kinh tế. - Trước mắt thúc đẩy triển khai các dự án đầu tư đã phê duyệt; thu hút 1 số dự án đầu tư khu đô thị mới, dự án bất động sản nghỉ dưỡng nhằm thu hút cư dân có sức mua từ các nơi đến Huế; góp phần xây dựng thành phố Chân Mây- LC 150. 000 dân với mô hình TP thông minh. | * Quy hoạch xác định phát triển công nghiệp chế biến – chế tạo, công nghiệp công nghệ cao là giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế (kịch bản dự phòng 2B), trong đó đề xuất thu hút các dự án có suất đầu tư cao, thân thiên môi trường vào các KCN và KKT trên địa bàn. Việc thu hút gắn với phân bổ không gian hoạt động công nghiệp.   - Về xây dựng thành phố CM-LC, quy hoạch xác định CM-LC là không gian phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng Công nghiệp – Cảng biển – Logistics và gắn kết chặt chẽ với các trung tâm kinh tế lớn của Vùng như Đà Nẵng. Và như thế mô hình thành phố thông hiện đại là rất phù hợp. |
|  | 6. 2 Dự án xây dựng đường cao tốc từ km8 La Sơn nối phía Tây Hóc mít- Hóc Dừa trở thành tuyến vận tải hàng hóa và hành khách chủ yếu nối hầm Hải Vân, tọa thế khai thác KDL Lăng Cô - Cảnh Dương.  6. 3 Dự án tuyến đường Đông Tây nối cảng Chân Mây với Nam Đông-> đường 74 nối A Lưới, nối mốc b3 ở Tù Muồi (Sanavan-Lào)  6. 4. Hầm nối cầu Vinh Hiền với Chân Mây sẽ góp phần hạn chế nạn xuất cư của Lao động và tạo thế phát triển KKT Chân Mây.  6. 5 Xây dựng khu CNTT và khu CN cao.  6. 6 Xây dựng các thiết chế công nghiệp văn hóa (khu hội nghị quốc tế).  6. 7 Dự án khai thác khu Dịch vụ du lịch Cồn Hến.  6. 8 Đề nghị TW xem xét dự án chuyển đường sắt lên phía Tây Thành phố và bố trí vấn đề đầu tư sớm đường sắt 8km nối ga Thừa Lưu với cảng Chân Mây. | Trong quy hoạch Tỉnh đã đề tuyến kết nối từ nút giao cao tốc La Sơn – Chân Mây tăng kết nối hàng hóa hành khách KCT Chân Mây – Lăng Cô với cao tốc. Tuy nhiên đây chỉ là tuyến đường kết nối chứ không phải tuyến cao tốc  Ngoài ra, trong quy hoạch tỉnh đã đề cập đến đường ĐT.74 được quy hoạch nâng cấp thành 1 đoạn của QL.49E kết nối từ QL.1 đến cửa khẩu A Đớt huyện A Lưới và đẩy nhanh tiến độ đầu tư đường sắt quốc gia kết nối với cảng Chân Mây. |

#### **Ý kiến bổ sung lần 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | Về một số YK tham gia nhằm góp phần hoàn chỉnh dự thảo BC quy hoạch:   1. Để xây dựng phương hướng nhiệm vụ cho một thời kỳ dài sắp tới, cần thiết phải nhìn nhận, đánh giá lại những ưu khuyết điểm về thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của địa phương trong thời gian qua. Theo tôi, có một số vấn đề trọng tâm cần xem xét:    1. Định hướng xây dựng các thiết chế của một trung tâm văn hóa du lịch, trung tâm giáo dục đào tạo, trung tâm y tế chuyên sâu, trung tâm khoa học công nghệ của miền Trung và cả nước là hết sức đúng đắn, nhưng định hướng xây dựng một nền kinh tế mạnh, có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững chưa được thể hiện rõ nét. Ngay đô thị trung tâm là TP Huế mới nỗi rõ phần “đô “, chưa nêu bật được phần “thị “tức là nền kinh tế đô thị. | Tiếp thu và làm rõ thêm trong báo cáo tổng hợp. |
|  | * 1. Chiến lược đô thị hóa nhằm thực hiện bước chuyển mình thành thành phố trực thuộc Trung ương đã được tập trung chỉ đạo khá ráo riết trong việc tranh thủ sự đồng thuận của Quốc hội và Chính phủ về tiêu chí phân loại đô thị di sản; được cho phép vận dụng một số chính sách dặc thù; xây dựng các phương án khả thi về các mô hình quản lý hành chính và dự kiến phân vạch địa giới nhằm xây dựng, phát triển các đơn vị trực thuộc…   Tuy vậy, trong các năm từ 2019 đến nay, tỉ trọng vốn đầu tư cho địa bàn đô thị chưa thể hiện sự ưu tiên rõ nét và chưa thu hút được dự án đầu tư ngoài nhà nước nào có ý nghĩa để đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa.  Về xây dựng các hành lang đô thị bước đầu xây dựng được thế liên kết theo trục Bắc Nam nối Phò Trạch với Tứ Hạ, TP Huế, thị xã Phú Bài, thị trấn Phú Lộc và Lăng Cô. Tuy vây, chưa có đề án rõ ràng với bước đi cụ thể để sớm hình thành khu đô thị Chân Mây- Lăng Cô, một đô thị mới với qui mô định hướng 150.000 dân đã được TTCP phê duyệt trong quy hoạch. Đồng thời chậm tạo sự liên kết theo hướng Đông- Tây, trong đo có hai vị trí quan trọng là Bình Điền và Thuận An (trước đây có lúc đã định hướng Bình Điền là huyện lỵ của một huyện trung du; khu vực Thuận An đã từng có dự án xây dựng thành thị xã) .  Về định hướng phát triển không gian đô thị và quản lý quy hoach, kiến trúc đô thị cũng cần xem xét xu hướng nặng phát triển về phía ruộng lúa mà chưa tìm cách tấn công lên vùng gò đồi ít ngập lụt và tạo thêm quĩ đất ở mới. Có một nghịch lý là hiện tượng kéo những kiến trúc cao tầng vào trung tâm đô thị Huế, rất gần trục dũng đạo và thần đạo; Trong lúc đó khu đô thị đông nam Thủy An đáng lẽ dành cho những công trình cao tầng lại bố trí cho những dự án chung cư nhà ở thấp tầng, hạn chế khả năng sinh lợi từ khai thác quỹ đất. | Về thực trạng thu hút đầu tư FDI không chỉ trong lĩnh vực đô thị mà cả trong các lĩnh vực khác là điểm yếu chung của Thừa Thiên Huế như đã được đề cập trong báo cáo.  Các đề án phát triển đô thị là quy hoạch chuyên ngành sẽ đi sau Quy hoạch tỉnh. Ngoài ra, đô thị Chân Mây – Lăng Cô sau khi hợp nhất giữa Phú Lộc và Nam Đông cũng cần thời gian để tích lũy về dân số và kinh tế. Do đó, trọng tâm phát triển đô thị này có thể ở giai đoạn sau 2030.  Về liên kết theo trục Đông Tây, báo cáo quy hoạch đã thể hiện 03 hành lang kết nối Đông Tây.  Về không gian phát triển đô thị lên phía gò đồi (phía Tây). Khu vưc Hương Trà và Hương Thủy đã được xác định nằm trong khu vực đô thị trung tâm của tỉnh Thừa Thiên Huế, song song với xu hướng và định hướng phát triển về phía biển.  Về các nội dung xây dựng đô thị, chiều cao đô thị. Chuyển đơn vị tư vấn Quy hoạch chung của tỉnh. |
|  | * 1. Về giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển cũng còn nhiều mặt lúng túng. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đặc biệt quan tâm vấn đề này thông qua việc ban hành các qui định về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản. Đồng thời đã triển khai nhiều dự án trùng tu các di tích văn hóa lịch sử, trong đó có dự án lớn về giải tỏa các khu dân cư trên thượng thành được sự ủng hộ tích cực của Trung ương và sự đồng tình ủng hộ rộng rãi trong dư luận xã hội.   Vấn đề cần xem xét là các quy định quản lý kiến trúc và xây dựng chưa đi vào từng công trình, khu vực cụ thể nên có tình trạng một số di sản trong đó có nhiều công trình ở phố cổ Bao Vinh và phố Gia Hội bị mất mát hoặc biến dạng. Nhiều công trình di sản ở phố Tây (bờ Nam sông Hương) từ chỗ theo kiểm kê chưa đầy đủ năm 1996 có 120 công trình, qua rà soát gần đây nhất chỉ còn khoảng 30 công trình có giá trị. Di sản nhà vườn, nhà rường cũng bị thất thoát lớn.  Mặt khác, giải quyết quan hệ giữa bảo tồn và phát triển cũng sẽ góp phần thu hút đầu tư du lịch ở Bạch Mã và khu công nghiệp phụ trợ hàng dệt may ở Phong Điền. | Các sản phẩm di sản đặc thù của Thừa Thiên Huế rất đa dạng gồm di sản văn hoá, di sản phi vật thể và di sản thiên nhiên, mang nhiều ý nghĩa trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Các nội dung này đã được xem xét thận trọng trong quá trình đánh giá và đề xuất các định hướng, giải pháp đặc thù cho một đô thị đậm đặc di sản như Thừa Thiên Huế, với mục tiêu bảo tồn bền vững và phát huy tối đa hệ thống giá trị trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, lấy di sản nuôi di sản, để di sản là trọng tâm, động lực chính của thành phố trực thuộc TW.  Việc kiểm kê, rà soát và đánh giá lại hệ thống di sản này cần được thực hiện ngay trong kỳ quy hoạch này, đặc biệt trong các quy hoạch kỹ thuật, quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch chung xây dựng; quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi,…) nhắm gìn giữ được tối đa hệ thống di tích và các di sản có giá trị. |
|  | * 1. Về xây dựng các hành lang kinh tế, chúng tôi nhất trí với các chuyên gia là phải tạo ra sự liên kết giữa các ngành, các vùng và các hành lang kinh tế.   Do khó khăn về nguồn lực đầu tư, sự liên kết kinh tế- xã hội ở tỉnh ta, chủ yếu mới hình thành rõ nét theo đường QL 1A, là đường gần như độc đạo hướng Bắc Nam. Ngay cả khu kinh tế CM- LC và các khu, cụm công nghiệp trong tỉnh cũng ở trong tình cảnh tương tự. Trong các hướng thì hướng Đông Tây chưa tạo được sự liên kết; dặc biệt là theo hướng đông vì địa hình bị chia cắt bởi đầm phá. Đó là những vấn đề cần được khẩn trương tháo gỡ trong quy hoạch sắp tới. | Nội dung này xin tiếp thu và có phản hồi như sau:   * Sự liên kết giữa các ngành, các vùng về bản chất là sự phân bổ không gian các hoạt động kinh tế xã hội một cách tối ưu, và đây là trọng tâm của báo cáo quy hoạch tích hợp tỉnh. * Dựa trên sự định hướng về phân bổ không gian, các thực thể của nền kinh tế sẽ tương tác và tạo ra các mối liên kết với nhau, theo các nguyên tắc vận hành của nền kinh tế.   Các trục liên kết theo hướng Đông – Tây được chi tiết trong báo cáo tổng hợp |
|  | 1. **Về phân tích SWOT:** 2. **Về thế mạnh:** Ngoài các phân tích của đơn vị tư vấn, tôi xin đề xuất được nhấn mạnh thêm một số điểm riêng có của Thừa Thiên Huế:    1. Là tỉnh duyên hải duy nhất có khu kinh tế nằm kẹp giữa hai sân bay, hai cảng biển, hai đại học vùng đã được qui hoạch thành đại học quốc gia.    2. Là địa phương có khá đầy đủ các loại hình văn hóa dân tộc,trong đó quần thể kiến trúc triều Nguyễn là di sản vật thể hoàn chỉnh của quốc gia và có tính quốc tế,    3. Tuy không có tài nguyên khoáng sản lớn nhưng có mỏ đá vôi có trữ lượng khá, chất lượng cao cuối cùng từ miền Bắc vào miền Trung có thể sản xuất và cung ứng xi măng cho thị trường miền Trung vào tận Nam Bộ; có mỏ cát thạch anh chất lượng cao; trữ lượng nước khoáng dồi dào, trong đó có mỏ ở khu vực Cồn Hến nằm ngay trung tâm thành phố, có trữ lượng có thể khai thác qui mô công nghiệp.    4. Là vùng có sự đa dạng tài nguyên động thực vật với hệ đầm phá Tam Giang- Cầu Hai lớn nhất Đông Nam Á và tham gia công ước RAM SAR. Vườn quốc gia Bạch Mã nằm trong đới khí hậu giao thoa Nam -Bắc, giao thoa núi- biển và nối với vườn quốc gia của CHDCND Lào.    5. Cảng biển Chân Mây có lợi thế nằm gần tuyến hàng hải quốc tế, có khả năng xây dựng bến cảng ở mũi vịnh với độ sâu từ 19-22m và cũng có thể thực hiện phương án cảng đào với độ sâu 25 mét để đón tàu biển Post panamax là tàu có tải trọng lớn nhất hiện nay. Vị trí này có thể được xem là hợp lưu của hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không của Việt Nam, (Cảng cách QL và đường sắt quốc gia chỉ trên dưới 8 km.; cách sân bay PHú Bài và Đà Nẳng chỉ trên dưới 30 km) | Các nội dung này sẽ được tiếp thu nghiên cứu làm rõ thêm trong mục phân tích SWOT của báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. **Về điểm yếu:** Ngoài những điểm đã nêu trong BC, tôi xin đề xuất nhấn mạnh thêm:   2.1- Địa hình bị chia cắt lớn, phía đông với phá TG- CH dài 70 km; dọc QL1 có 4 đèo; đường lên A Lưới, Nam Đông ra tận các của khẩu và dọc dường HCM có hàng chục đèo; nếu chia tổng chiều dài các đèo trên tổng chiều dài các quốc lộ thì tỉ lệ khá cao không kém một số tỉnh miền Bắc. Do vậy chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa tăng vọt; sức cạnh tranh bị giảm sút.  Mặt khác, tuy cùng là địa phương trong cụm Bình Trị Thiên có chiều ngang từ biên giới Lào – Việt ra biển ngắn nhất, nhưng ở Thừa Thiên Huế chân dải Trường Sơn kéo dài về sát đồng bằng nên không có vùng gò đồi rộng với các dãy dồi bát úp như ở hai tỉnh bạn. Vì vậy TTH không có năng lực bù trừ trong nông nghiệp để phát triển vùng hàng hóa cây công nghiệp, cây ăn quả và đồng cỏ chăn nuôi rộng lớn nhằm tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  2.2- Trong lúc phần lớn các tỉnh và thành phố trong cả nước phải giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển chủ yếu về mặt môi trường thì ở Thừa Thiên Huế chủ yếu nhằm bảo vệ di sản văn hóa lịch sử quốc gia với mật độ rất cao và phạm vi khoanh vùng bảo vệ rất rộng. Ở Thừa Thiên Huế không có khái niệm “khu đất vàng “theo đúng thực chất vì nhiều kilomet nằm ở hai bờ sông Hương bị khống chế ngặt nghèo về chiều cao và mật độ xây dựng nên rất khó tìm được nhà đầu tư có tiềm năng.  2.3- Về hạ tầng kỹ thuật do địa hình chia cắt nên chi phí đầu tư cao. Nhất là các tuyến đường theo hướng đông- tây. Mặt khác có một số tồn tại lịch sử không thể sớm khắc phục:  a- Đường sắt quốc gia cắt đôi thành phố Huế và nằm cách Hoàng thành Huế chưa đầy 100 mét; nếu tăng mật độ chạy tàu hoặc mở rộng đường sắt trên tuyến cũ thì sẽ uy hiếp trực tiếp đến di sản và cản trở mọi hoạt động phát triển của thành phố Huế và của tỉnh.  b- Tương tự, tuyến đường bộ theo QL 1 độc đạo qua thị trấn du lịch Lăng Cô với mật độ lưu thông xe vận tải nặng và vận chuyển hành khách ngày càng tăng sẽ gây ảnh hưởng xấu đến việc khai thác vịnh đẹp Lăng Cô và với các hoạt động của khu kinh tế CM- LC. | Các nội dung này sẽ được tiếp thu nghiên cứu làm rõ thêm trong mục phân tích SWOT của báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. **Về thời cơ:**   Thời cơ lớn nhất chính là sự đồng thuận ở cấp cao nhất quốc gia về định hướng phát triển, về một số có chế đặc thù dành riêng cho Thừa Thiên Huế.trong các Nghị quyết, Quyết định của BCT. UBTVQH và CP. Tuy vậy thời cơ này cũng đòi hỏi sự sáng tạo và năng động của tỉnh về vận dụng các chính sách nhằm phát huy di sản và các tiềm năng khác; có các giải pháp quyết liệt và đồng bộ nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Nên chăng cần suy nghĩ về các giải pháp huy động vốn, trong đó có việc xin phát hành trái phiếu để đầu tư vào một số cơ sở hạ tầng then chốt còn thiếu và chuẩn bị mặt bằng sạch, kèm theo các chính sách ưu đãi đầu tư nhằm thu hút đại bàng đến làm tổ**.** | Các nội dung này sẽ được tiếp thu nghiên cứu làm rõ thêm trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. **Về nguy cơ, thách thức:**   Nguy cơ lớn nhất là nguy cơ bị tụt hậu so với các địa phương bạn trong vùng miền Trung và trong cả nước. Những biểu hiện của sự tụt hậu có thể liệt kê qua một số điểm:  4.1- Mức tăng trưởng thấp trong tương quan với các địa phương bạn:  + NSLĐ nằm ở nhóm thấp nhất, chỉ cao hơn Quảng Bình. Tốc độ tăng NSLĐ cũng nằm trong nhóm thấp nhất, chỉ 5,2%/ năm. (Trang 36)  + Thu nhập khả dụng của TTH xếp thứ 8/14 tỉnh/ TP Bắc TB và DHMT, tăng thu nhập hàng năm xếp 9/14, chỉ bằng 57% Đà Nẵng. (Trang 38)  + Doanh thu du lịch năm 2019 chỉ bằng 60% so với Quảng Nam, 48% so với Bình Thuận; 28% so với Đà Nẵng và 22% so với Khánh Hòa (trang 61)  + Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế ước đạt 39,37%, thấp hơn bình quân của cả nước là 40% (trang 93)  + Thu nhập của 20% người dân có thu nhập cao nhất của Huế thấp nhất khu vực miền Trung; số doanh nghiệp của Huế chưa bằng 20% so với Đà Nẵng và chỉ bằng 60% so với Quảng Nam (trang 101,102) .  4.2- TTH đang tồn tại những điểm nghẽn trong huy động nguồn lực cho phát triển; nguyên nhân là do nguồn lực về vốn đầu tư, nguồn nhân lực và văn hóa di sản không được khơi thông. Những điểm nghẽn đã tạo thành các “vòng xoáy đi xuống “kềm hãm và làm chậm tiến trình phát triển của TTH (trang 107, 108, 109, 110)  4.3- Sự cạnh tranh giữa các địa phương trong vùng sẽ phức tạp hơn nhiều. Trong lúc các tỉnh/ thành phố bạn ở phía Nam như Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi đang trên đà cất cánh, thì tỉnh bạn ở phía Bắc là Quảng Trị đang tích lũy tiềm lực để phát triển nhảy vọt với sự xuất hiện của các đại dự án: khu kinh tế đông Nam với cảng Mỹ Thủy; sân bay Quảng Trị; đường cao tốc Đông Hà – Lao Bảo; đường nối cao tốc Cam Lộ- Túy Loan với của khẩu La Lay và triển vọng khai thác dầu khí trên biển…  Sự xuất hiện của cảng Liên Chiểu, sân bay và cảng Quảng Trị chắc chắn sẽ chia thị phần với Thừa Thiên Huế trên nhiều lĩnh vực,  Nêu một số thông tin như trên không nhằm thể hiện mặc cảm tự ti mà chính là để thúc đẩy sự nỗ lực của cán bộ, nhân dân và tinh thần mạnh dạn đương đầu với những thử thách to lớn săp tới của tỉnh trong phát triển và hội nhập. | Các nội dung này sẽ được tiếp thu nghiên cứu làm rõ thêm trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. **Quan điểm** cần được nhấn mạnh là phải huy động tổng lực trí tuệ và mọi năng lực của toàn Đảng bộ và nhân dân; khơi dậy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, vận dụng đồng bộ nhiều giải pháp nhằm thu hút đầu tư toàn xã hội; đầu tư trong nước và nước ngoài với bước phát triển có tính đột phá, nhằm đạt được tốc độ phát triển cao và có tính bền vững về KT Và XH; từng bước theo kịp những con chim đầu đàn về mặt kinh tế trong khu vực; củng cố và phát huy vị thế và các thế mạnh về văn hóa du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu và khoa học công nghệ xứng tầm quốc gia và từng bước hội nhập quốc tế 2. **Về mục tiêu và tầm nhìn:**   2.1- Đề nghị xem xét mục tiêu và tầm nhìn có tham vọng lớn hơn như: **Đến năm 2030, TTH có trình độ phát triển ở mức trung bình khá của cả nước và là một trong những trung tâm kinh tế mạnh của khu vực trọng điểm miền Trung; nhưng đứng đầu cả nước về phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. TP Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm đặc sắc về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ và giáo dục đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chát lượng cao.**  2.2- Tầm nhìn đến năm 2050: **TTH thuộc nhóm có trình độ phát triển cao của cả nước.**  Sở dĩ chúng tôi mạnh dạn nêu mục tiêu và tầm nhìn cao hơn vì trong thực tế có nhiều địa phương bạn khi tìm được đại bàng vào đầu tư thì có bước phát triển ngoạn mục như Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Kiên Giang và gần đây là tỉnh Long An. TTH hoàn toàn có thể thực hiện điều này khi tạo ra dược cơ hội tương tự.  Về các kịch bản: Chúng tôi đồng tình với việc đề xuất kịch bản 2a, nhưng cần nỗ lực tạo bước đột phá để sớm đạt kịch bản số 3. | Các nội dung này sẽ được tiếp thu nghiên cứu làm rõ thêm trong mục phân tích SWOT của báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. **Về các thiết chế và cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng cần xây dựng:** 2. Một đặc điểm cần lưu ý là trong giai đoạn trước mắt, các thiết chế làm nền tảng về KT-XH của TTH như trung tâm VHDL; trung tâm giáo dục và đào tạo, trung tâm y tế chuyên sâu và trung tâm khoa học và công nghệ của khu vực, cả nước và từng bước đạt trình độ quốc tế đều phải dành một phần quan trọng năng lực tự thân để lo dịch vụ công ích cho toàn xã hôi nên để hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của thị trường cần phải được đầu tư chiều sâu bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn ngân sách và một phần từ nguồn thu dịch vụ.   **Nếu không có những trang bị kỹ thuật tiên tiến, không có các phòng thí nghiệm trọng điểm thì không thể nâng tầm vai trò, vị trí trong từng ngành, từng lĩnh vực quan trọng và rất khó để giữ chân những con chim đầu đàn đã và đang thường xuyên bị lôi kéo.**  Bên cạnh đó, **nhiệm vụ xây dựng một trung tâm kinh tế mạnh của khu vực KTTĐMT phải được đặt ra một cách nhất quán, liên tục** và có chính sách, giải pháp đồng bộ để huy động sức mạnh của 5 thành phần kinh tế. Dạ dày không vững thì cái bánh ngân sách không thể phình lên và không có nguồn cho đầu tư phát triển. | Nội dung này xin tiếp thu nghiên cứu ý kiến vào trong phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. Những cái thiếu nhất và cấp bách nhất của TTH cần khẩn trương xây dựng là trung tâm hội nghị quốc tế; trung tâm quảng cáo hội chợ; trung tâm mua sắm; các trung tâm vui chơi giải trí tổng hợp và chuyên ngành;… Mặt khác cần tạo thuận lợi tối đa cho việc hình thành phim trường và các rạp chiếu phim đạt chuẩn, vườn tượng; hệ thống các nhà bảo tàng, galleries, quảng trường. | Nội dung xây dựng các trung tâm hội nghị quốc tế; trung tâm quảng cáo hội chợ; trung tâm mua sắm; các trung tâm vui chơi giải trí tổng hợp và chuyên ngành đã được nhấn mạnh và đề cập trong Phần hạ tầng thương mại, trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. Nguồn nhân lực phải được xem là cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đảm nhiệm các vai trò, vị trí mới. Chương trình đào tạo 10.000 lập trình viên và kỹ thuật viên công nghệ thông tin đã cho những kết quả bước đầu nên được đầu tư tăng tốc cùng với chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghệ số và công nghệ thông tin. Các trung tâm đổi mới, khởi nghiệp và sáng tạo cần được khuyến khích mạnh hơn để tăng thêm các nhà đầu tư tiềm năng tại chỗ cho các lĩnh vực còn yếu như công nghiệp văn hóa, du lịch và dịch vụ..   Là một đô thị trực thuộc trung ương, một trung tâm Festival quốc gia và quốc tế không thể thiếu kế hoạch nâng cấp nguồn nhân lực hiện nay của Trung tâm Festival; không thể thiếu những cán bộ, chuyên gia đầu đàn để xây dựng và quản lý tốt đô thị và để tổ chức các sự kiện văn hóa một cách có bài bản như tổng đạo diễn nghệ thuật, tổng đạo diễn kỹ thuật; đội ngũ nghệ sĩ, nghệ nhân am hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực. | Nội dung này xin tiếp thu nghiên cứu ý kiến vào trong phương hướng phát triển ngành quan trọng của quy hoạch tỉnh. |
|  | 1. **Đề nghị quan tâm đầu tư về một số công trình, dự án lớn:** 2. **Các công trình để tạo sự liên kết giữa các vùng, các ngành và các hành lang:**   + Đường từ Đồng Lâm về thẳng Ngũ Điền.  + Đường Tố Hữu nối sân bay Phú Bài.  + Đường từ km8 La Sơn chạy song song với QL1 qua hầm Phước Tượng 3, Phú Gia 3 hướng về phía tây của vùng Hói Mít, Hói Dừa để nối với hầm Hải Vân, tạo điều kiện cho đường qua thị trấn Lăng Cô hiện nay trở thành đường nội thị và phục vụ khu du lich. Nên đề nghị Bộ GTVT hướng tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam trùng với tuyến này để tiết kiệm quĩ dất và chi phí đầu tư.  + Hầm đường bộ nối cầu Vinh Hiền với cầu sông Bu Lu và vùng đô thị Chân Mây, đề nghị đưa vào dự án đường ven biển. Đường này sẽ tạo thêm sự liên kết giữa Chân Mây với QL 49 B. giúp khắc phục tình trạng di cư vào Nam của lao động trẻ vùng khu 3 Phú Lộc và cung cấp lao động cho KCN Chân Mây.  + Đường xuyên tâm của khu đô thị Chân Mây giao cắt khác mức với QL 1 A và nối với đường mới mở La Sơn- Hói Dừa, Hói Mít tại xã Lộc Thủy. Như vậy khu KT Chân Mây – Lăng Cô sẽ liên kết với bên ngoài bằng đường biển, đường sắt, QL1A, QL 49 B, đường xuyên tâm và đường mới mở về Hói Mít.  + Đường từ cầu Nguyễn Hoàng lên cầu Lim chạy thẳng sau lăng Khải Định nối với đường tránh Huế thay vì quặt về đường Trưng Nữ Vương vì thực chất đường này là đường nội thị chỉ cách QL1 chưa đầy 1 km. (Trước đây UBT đã giao cho SGTVT và Công ty tư vấn GT khảo sát tuyến nối đường Đặng Huy Trứ với đường tránh Huế theo hướng này)  + Đường từ Cảng Chân Mây lên Nam Đông, nối với đường 74 (đề nghị tiếp tục xây dựng bằng vốn quốc phòng) , lên A lưới và nối với mốc S3 để sang Lào đến Tù Muồi (Sa ra van) và Chăm Pa Xắc.  Nêu dự án này có phần hơi lãng mạn trong điều kiện hiện nay nhưng nếu thông đường 74 sẽ giúp rút ngắn khoảng cách Nam Đông- A Lưới xuống còn hơn 40 km, thay vì 120 km, Đồng thời nếu thông tới Tù Muồi thì sẽ tạo được dạng một hành lang Đông Tây mới. | Nội dung này xin tiếp thu nghiên cứu trong phương án phát triển hạ tầng giao thông vận tải. |
|  | 2-Các công trình để tạo đột phá về phát triển kinh tế- xã hội:  + Trung tâm văn hóa Ngự Bình qui mô 200 ha, gần tượng đài Quang Trung để bố trí cho một số thiết chế văn hóa còn thiếu như quảng trường phía tây; trung tâm quảng cáo hội chợ, vườn tượng vv..  + Khu phức hợp Cồn Hến: tổng sắp xếp khu dân cư Cồn Hến, tái định cư tại khu đô thị Mỹ Thượng; dành phần lớn diện tích đảo để thu hút dự án lớn về xây dựng cụm khách sạn cao cấp gắn với trung tâm hội nghị quốc tế; trung tâm khám chữa bệnh bằng đông y và nước khoáng,vv…  + Dự án bất động sản cao cấp và bất động sản nghỉ dưỡng gắn với dự án thí điểm xây dựng khu đô thị thông minh ở khu vực Cảnh Dương gần đường xuyên tâm Chân Mây để thu hút cư dân có sức mua ; thúc đẩy hình thành thành phố Chân Mây.  + Dự án chỉnh trang núi Ngự Bình trên cơ sở tiếp tục thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về sắp xếp các nghĩa trang, nghĩa địa; tạo sự phong quang trong góc nhìn từ kỳ đài Huế.  + Dự án cầu đường từ đường Đống Đa vượt bên trên đường Phan Đình Phùng, cầu Kho Rèn, đường Phan Chu Trinh, đường săt rẽ sau lưng lăng Dục Đức rồi chạy song song với đường Nguyễn Khoa Chiêm, nối đường Tự Đức- Thủy Dương nhằm tạo của ngõ thông thoáng về phía Tây Nam thành phố Huế,  + Các dự án đầu tư nâng cấp trang thiết bị và xây dựng các phòng txhis nghiệm trọng điểm của Đại học Huế; của các bệnh viện Trung ương Huế, BV trường Đại học Y; Viện Thái Y; trung tâm kiểm nghiệm hóa dược mỹ phẩm…  Các dự án đề nghị nêu trên đòi hỏi phải huy động vốn lớn. Vì vậy, cần tập trung nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành để thu hút cho bằng được các nhà đầu tư có tầm cỡ về công nghiệp, dịch vụ và bất động sản. Nên tham khảo kinh nghiệm của TPHCM về huy động trái phiếu; kinh nghiệm của Đà Nẵng về thành lập bộ phận xúc tiến đầu tư ngay ở thị trường tiềm năng là Nhật Bản có trụ sở hình thành từ việc trao đổi giữa hai bên đối tác; kinh nghiệm của Quảng Trị trong vận động vốn ODA và các dự án tài trợ phi chính phủ… | Nội dung này xin tiếp thu nghiên trong phương án phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 1. **Về mô hình đô thị:** 2. Tôi bày tỏ sự nhất trí cao với phương án thành phố gồm 2 quận, 3 thị xã với tên gọi của TP trực thuộc Trung ương là thành phố Huế; quận phía Bắc tên gọi là quận Phú Xuân; quận phia Nam tên gọi là quân Thuận Hóa. Sở dĩ tôi còn phân vân về việc chuyển đổi thị xã Hương Thủy thành quận vì diện tích đất nông nghiệp phì nhiêu và tỉ lệ lao động nông nghiệp còn quá lớn. Việc các chuyển Dương Hòa về thị xã Hương Trà sẽ gây nhiều biến động về mặt quản lý hành chính và về truyền thống lịch sử của vùng đất này. 3. Tôi đề nghị xem xét thêm phương án thành lập quận Thuận An gồm thị trấn Thuận An, và một số xã lân cận như Hải Dương, Hương Phong, Phú Thanh vì có một số lợi thế như sau:   + Đã có sự chuẩn bị về mặt tư tưởng trước đây khi triển khai phương án xây dựng thị xã Thuận An,  + Trở thành điểm nhấn cần thiết cho hành lang đô thị ven biển từ Phong Điền đến Phú Lộc. Là trọng điểm về du lịch, dịch vụ và kinh tế biển.  + Tỉ lệ cư dân phi nông nghiệp cao.  + Địa bàn gọn, dễ quản lý về phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng an ninh, phòng chống thiên tai,  + Làm cho phạm vi quản lý của quận Phú Xuân và quận Thuận Hóa trở nên hợp lý hơn không quá kéo dài tao hướng đông tây như phương án chỉ có 2 quận. Quy mô dân số và DT của thành phố Huế hiện tại đủ để chia thành 3 quận. | Về phương án mô hình đô thị, xin tiếp thu ý kiến tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện trong phương án phát triển đô thị. |
|  | 3. Tôi đề nghị sớm triển khai đề án xây dựng thành phố Chân Mây- Lăng Cô theo quy hoạch đã được TTCP phê duyêt. | Định hướng phát triển đô thị trong QHT đã xác định đô thị CM- LC sẽ phát triển lên thành phố sau năm 2030. |
|  | 1. **Về một số thông tin cần xác minh thêm:** 2. Trang 122 có đề cập: tổng diện tích tự nhiên năm 2020 có 494.711 ha, cao   hơn 4466 ha so với chỉ tiêu dược duyệt do xác dịnh lại một số khu vực chồng lấn, tranh chấp với tỉnh Quảng Trị và **TP Đà Nẵng**. Theo tôi được biết chưa có việc giải quyết chồng lấn giữa TTH và TPĐN, Thông tin này cần đính chính lại để không gây bất lợi.   1. Trang 455 đề cập đến phương án đường săt tốc độ cao từ ga Thủy Xuân chạy song song QL1 băng qua đầm Cầu Hai, qua khu KT Chân Mây…Thông tin này cần thẩm định lại vì có thể nhầm lẫn giưa đầmCầu Hai với đầm Lập An (An Cư) vì nếu cắt chéo qua đầm Cầu Hai sẽ phát sinh nhiều vấn đề vô cùng lớn do chia cắt cả khu đô thị mới. Nên đề nghị Bộ GTVT chọn tuyến nằm phía tây Hói Mít, Hói Dừa trùng với hướng tuyến đường bộ chúng tôi đã đề xuất ở trên, Hơn nữa theo qui hoạch sẽ có hầm đường săt Hải Vân với đầu vào ở TTH là khu vực Hói Mít, Hói Dừa. Việc thực hiện phương án cầu cạn qua đầm Lập An sẽ tạo thế chia cắt lâu dài khu DL Lăng Cô- Hói Mít, Hói Dừa. | Diện tích tự nhiên của tỉnh năm 2014 và 2019 có sự chênh lệch 4.466 ha **do phương pháp kiểm kê đất đai giữa hai kỳ kiểm kê là khác nhau** **nên việc xác định diện tích tự nhiên của tỉnh có sự sai khác,** trong đó có sự sai khác liên quan đến cả phần diện tích đang bị chồng lấn giữa Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Nam, TP. Đà Nẵng. Do diện tích năm 2019 đã có sự sai lệch nên thống kê năm 2020 vẫn có sự chênh lệch như vậy do thống kê 2020 chỉ xác định sự thay đổi của từng chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể. |

## Sở giao thông vận tải

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | **I/ Về hệ thống Giao thông:**   1. Các công trình quy hoạch Quốc Gia:  * Đề nghị Cập nhật 4 quy hoạch ngành GTVT đã được thủ tướng Chính phủ phê duyệt:   + Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021.  + Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021.  + Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021.  + Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021.   * Về hàng không: Hiện nay hội đồng thẩm định đang thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị đơn vị tư vấn liên hệ để cập nhật. * Đường ven biển: Đề nghị đưa tuyến đường ven biển vào danh mục Quốc lộ theo Quyết định 1454/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (tại phục lục III, trong phụ lục này không có quy mô mặt cắt ngang nên về quy mô đề nghị lấy theo Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông Vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. )  1. Các công trình quan trọng của tỉnh:  * Cập nhật quy hoạch giao thông vận tải theo quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông Vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong thời gian từ 2015 đến nay quá trình thực hiện có một số tuyến được bổ sung và đề nghị bổ sung, ví dụ như:   + Cập nhật tuyến đường kết nối Quảng Điền - Hương Trà - Thành phố Huế, trong Quyết định 1174/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 điểm đầu QL1A, điểm cuối ngã ba ĐT19 và ĐT8A nay điều chỉnh thành *Điểm đầu tại khu vực nút giao đường tỉnh 8A và đường tỉnh 19 thuộc địa phận xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, điểm cuối nối vào QL1A tại phường Hương Chữ (cách đường tỉnh 8B khoảng 500m về phía Bắc)* có điều chỉnh cục bộ so với hướng tuyến cũ (8C) để đảm bảo từ Huế rẽ về Quảng Điền sớm hơn và tránh khu dân cư GPMB lớn*.* (Sở GTVT đã có báo cáo tại văn bản số 1807/SGTVT-KHTCTĐ sau khi thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại thông báo 337/TB-UBND). Đề nghị tư vấn nghiên cứu đưa vào trong QH tỉnh.  + Cập nhật quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện trên lĩnh vực Giao thông vận tải. (lưu ý các tuyến đường ví dụ như: *Đường liên xã Quảng Vinh – Quảng Lợi nối tỉnh lộ 4, huyện Quảng Điền theo nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh).*  + Đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài: Điều chỉnh theo Quyết định số 1946/QĐ-Ttg ngày 27/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài.  + Cập nhật hướng tuyến đường Cao tốc La Sơn – Chân Mây (Đề nghị liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc để cập nhật).  + Đối với tuyến đường vành đai 5: Đề nghị đơn vị tư vấn phối hợp với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Thừa Thừa Thiên Huế và Sở Xây dựng để nghiên cứu (Theo thông báo số 241/TB-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh).   * Cập nhật các tuyến đã được UBND tỉnh trình tại văn bản số 11165/Ttr-UBND ngày 21/10/2022 và HĐND thông qua tại kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 ngày 26/10/2022 hội đồng nhân dân tỉnh thừa thiên huế khóa VIII:   + Tuyến đường kết nối từ khu B - An Vân Dương đến thị trấn Phú Đa: Tuyến có chiều dài 9, 6km. Điểm đầu tại nút giao đường Tỉnh lộ 28 với đường quy hoạch mặt cắt 60m khu B, điểm cuối đường Nguyễn Đức Xuyên và Tỉnh lộ 10. Hướng tuyến: Tuyến nối từ Khu B Khu đô thị mới An Vân Dương - Giao Tỉnh lộ 3 - Trung tâm Phú Lương - Giao đường Nguyễn Đức Xuyên và Tỉnh lộ 10. Chức năng: tăng khả năng tiếp cận cho khu vực nội thị và giảm tải cho tuyến QL1A, TL10B, TL28, liên kết thành phố Huế với thị trấn Phú Đa. Quy mô mặt cắt ngang: Đoạn từ đầu tuyến đến hết phạm vi thành phố Huế (xã Thuỷ Vân) có mặt cắt ngang rộng 60m, đoạn còn lại mặt cắt ngang rộng 36m.  + Tuyến đường kết nối từ trung tâm thành phố Huế đến thị trấn Phú Đa: Tuyến có chiều dài 3, 9km. Điểm đầu tại nút giao đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài, điểm cuối giao tuyến đường kết nối từ khu B - An Vân Dương đến thị trấn Phú Đa. Hướng tuyến: Từ nút giao đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài - Giao Tỉnh lộ 3 tại Trung Chánh (Phú Hồ) - Giao với Tuyến đường kết nối từ khu B - An Vân Dương đến thị trấn Phú Đa. Chức năng: tăng khả năng tiếp cận cho khu vực nội thị và giảm tải cho tuyến QL1A, TL10B, liên kết thành phố Huế với thị trấn Phú Đa. Quy mô mặt cắt ngang toàn tuyến là 36m.  + Cầu qua phá Tam Giang nối Phú Đa đi xã Vinh Xuân: Có tổng chiều dài 3, 0km (trong đó chiều dài cầu là 1, 4km, chiều dài đường dẫn là 1, 6km). Điểm đầu tiếp nối đường Võ Phi Trắng, điểm cuối giao QL49B. Hướng tuyến từ đường Võ Phi Trắng (mặt cắt 36m) đi thẳng vượt qua Phá Tam Giang đến giao quốc lộ 49B.   1. Đề nghị nghiên cứu các tuyến đường theo đề nghị của các địa phương:  * Tuyến đường bộ La Sơn – Vinh Hà – Vinh Hà – Vinh Hưng, các tuyến đường Đông, Tây Đầm Cầu Hai vào đồ án Quy hoạch Tỉnh (Theo tinh thần văn bản 1080/UBND-GT ngày 28/1/2022 của UBND tỉnh. * Cập nhật tuyến đường kết nối đô thị mới Thanh Hà, huyện Quảng Điền với thị xã Hương Trà và thành phố Huế (Sở GTVT đã có báo cáo tại văn bản số 1807/SGTVT-KHTCTĐ sau khi thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại thông báo 337/TB-UBND). Đề nghị tư vấn nghiên cứu đưa vào trong QH tỉnh.  1. Về vận tải Tại khoản 1. 2. 2. 1, thuộc mục I, Phần II Công nghiệp chế biến-chế tạo của báo cáo tóm tắt đề bổ sung thêm nội dung về công nghiệp sản xuất, chế tạo ô tô trên địa bàn Tỉnh (Hiện tại trên địa bàn tỉnh đã có Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Ô Tô Thống Nhất Thừa Thiên Huế đang hoạt động và Hai doanh nghiệp lớn là Kim Long Motors Huế và Công ty CP Công nghiệp chế tạo ô tô Bách Việt đã và đang đầu tư các dự án tổ hợp nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô tại Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô với tổng vốn đầu tư gần 6. 000 tỷ đồng, dự kiến sẽ giúp kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế từng bước phát triển). 2. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp đề án “Rà soát đường gom và các đường ngang đấu nối vào Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại công văn số 1793/SGTVT-AT&QLGT) ngày 21/10/2022). | Tiếp thu ý kiến và cập nhật trong phương án phát triển hạ tầng giao thông vận tải trong báo cáo tổng hợp. |
| 2 | **II. Về công tác lập Quy hoạch:**   1. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch phát triển đô thị (TOD: Transit Oriented Development) , một số nước áp dụng mô hình này góp phần tích cực trong việc giải quyết ách tắc giao thông. Cần mạnh dạn Quy hoạch những phương thức tiếp cận, giảm thời gian đi lại giữa các tỉnh để thuận lợi cho việc kết nối, luân chuyển hàng hóa, lực lượng lao động. 2. Thời gian định hướng Quy hoạch dài hạn tới 2050 vì vậy cần thiết đề xuất một số thiết chế đường cao tốc trong nội tỉnh, ví dụ có thể nghiên cứu Cao tốc kết nối Huế - A Lưới để mở rộng không gian kết nối về phía Tây của tỉnh. 3. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn **nâng cao hàm lượng nghiên cứu trong đồ án này chứ không chỉ dừng lại ở việc cập nhật, thống kê.** | Hệ thống giao thông công cộng được trình bày cụ thể hơn trong hợp phần quy hoạch đô thị.  Kết nối Đông – Tây theo quy hoạch gồm 3 trục: Trục giữa QL.49; 2 trục 2 bên được quy hoạch mới là QL.49E; QL.49F. Theo nhu cầu đi lại cũng như phát triển của Thừa Thiên Huế thì việc hoàn thành 2 trục Đông – Tây (QL.49E; QL.49F trong giai đoạn quy hoạch là một thành công). Bên cạnh đó tiếp tục nâng cấp QL.49 toàn tuyến đạt cấp III, 4 làn xe. Đầu tư ĐT.8D có đoạn tuyến song hành QL49 giảm tải QL.49. |

## Sở Tài nguyên môi trường (Lê Bá Phúc).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | STNMT đã có các văn bản tham gia trực tiếp Sở KHĐT. Đề nghị nghiên cứu tổng hợp. |  |
| 2 | Về căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung các căn cứ sau:  - Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).  - Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.  - Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025).  Ngoài ra, đề nghị bỏ căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều Luật Quy hoạch do đã hết hiệu lực thi hành. | Tiếp thu ý kiến và bổ sung các căn cứ pháp lý theo góp ý |
| 3 | Về quy hoạch khoáng sản:  Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã có các quy hoạch liên quan khoáng sản đã được Chính phủ và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt, cụ thể như sau:  a) Quy hoạch thuộc thẩm quyền của Trung ương ban hành:  - Quy hoạch khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06/5/2014;  - Quyết định số 910/QĐ-TTg ngày 25/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng vàng, đồng, niken, molipden đến năm 2025, có xét đến năm 2035;  - Quyết định số 1546/QĐ-TTg ngày 03/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn đến năm 2020, có xét tới năm 2030;  - Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;  - Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;  - Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;  Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 25/02/2020;  b) Quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh ban hành:  - Quyết định 770/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 phê duyệt Quy hoạch khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;  - Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế và các Quyết định điều chỉnh, quy hoạch bổ sung thăm dò, khai thác khoáng sản;  - Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh;  - Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh;  - Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh;  - Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh;  - Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh.  Để có cơ sở xây dựng quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cần phải có đơn vị chuyên ngành để khảo sát thực địa nhằm tìm ra các khu vực có tiềm năng khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu tại Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Chính phủ và các quy định liên quan; đồng thời, việc phát triển khai thác và chế biến, sử dụng khoáng sản phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch có liên quan, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế và đáp ứng kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất và xây dựng trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, … Vì vậy, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn khảo sát thực địa nhằm tìm ra các khu vực có tiềm năng khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu tại Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Chính phủ và các quy định liên quan. | Tiếp thu các góp ý và đã rà soát từng quyết định liên quan để đưa vào danh mục các dự án liên quan đã được phê duyệt vào quy hoạch.  Về việc khảo sát thực địa như góp ý:  Các nội dung góp ý liên quan đến khoản a, b điểm 10 điều 28 tại nghị định số 37/2019/NĐ-CP.  xin giải trình như sau: Việc điều tra, khảo sát thuộc nhiệm vụ Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, được quy định tại điều 10 Luật khoáng sản 2012 và điều 11 nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản. Trên cơ sở các quy hoạch này ***“Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh”*** đưa ra hướng sử dụng, bảo vệ và khai thác tài nguyên trong đó có khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch.  Quy hoạch tỉnh không làm các nhiệm vụ liên quan đến khảo sát và điều tra cơ bản, đã được quy định cụ thể bởi luật khoáng sản 2012 |
| 4 | Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai:  - Về bố cục: Sở Tài nguyên và Môi trường cơ bản thống nhất cách thể hiện như Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh thời khỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Bắc Giang.  - Về số liệu: Hiện nay, việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các huyện, thị xã, thành phố Huế đã hoàn thành, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các Tờ trình đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của các địa phương. Do đó, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn cập nhật các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các địa phương vào phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị cấp huyện cho phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các địa phương. | Tiếp thu ý kiến của Sở TNMT về chỉ tiêu sử dụng đất của cấp huyện theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, đã cập nhật các chỉ tiêu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện vào phương án mới nhất trình xin ý kiến vào ngày 29/12/2022 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. |
| 5 |  |  |

## Sở văn hóa và thể thao (Phan Thanh Hải).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp Quy hoạch Tỉnh TTH giai đoạn 2021-2030-, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng công phu, đề cập toàn diện, có sự đánh giá khách quan đầy đủ với cơ sở vững chắc.  Mục tiêu quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển của TTH, đó là dựa vào nền tảng của văn hóa, di sản, bảo vệ bản sắc và văn hóa Huế theo tinh thần nghị quyết 54 của BCT về xây dựng, phát triển TTH đến 2030 rồi Hế- đà Nẵng (thế kỷ XIX)  -Trong quy hoạch phát triển văn hóa di sản Huế cần lưu ý thêm 1 số điểm sau: + Hệ thống thiết chế cơ bản về văn hóa - thể thao trong đó phải đầu tư xây dựng một số thiết chế văn hóa, thể thao trọng tâm, xứng tầm (Nhà hát, trung tâm hội nghị, thư viện, sân vận động. . . )  + Các thiết chế và không gian để phát triển các nghành công nghiệp văn hóa là thế mạnh của TTH như: Áo dài, ẩm thực, điện ảnh, du lịch văn hóa.  + Cần lưu ý hiện nay TTH đang tập trung triển khai các dự án để cụ thể hóa Nghị quyết 54 của BCT như: " Huế kinh đô áo dài", " Huế kinh đô ẩm thực", đưa ca Huế trở thành sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù. Vì vậy quy hoạch cần được ưu tiên cho các thiết chế này. | Các lưu ý về hệ thống thiết chế văn hoá thể thao và phát triển công nghiệp văn hoá đã được trình bày trong báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh. |

## Sở ngoại vụ Thừa Thiền Huế (Trần Công Phú).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | (2) Một số góp ý: 1. Về mục 1. 1: Về vị thế, vai trò của TTH (p5 trong báo cáo tóm tắt) TTH là 1 trong mười địa phương tiếp giáp với nước CHDCND Lào, đường biên giới 80, 6 km tiếp giáp với 2 tỉnh SalaVan và SeKông. Trên tuyến có 2 cửa khẩu Hồng Vân- Ku Tai (SalaVan) và A Đớt - Tà Vàng (Sê Kông) theo quy hoạch cửa khẩu biên giới đất liền giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.  Với cửa khẩu hiện có, nếu được quan tâm phát triển hạ tầng giao thông (phía bạn Lào) sẽ là điều kiện thuận lợi để kết nối phát triển kinh tế trên tuyến hành lang Đông Tây (Thừa Thiên Huế - Salavan- Sê Kông- Chăm pa Sắc (Lào) cửa khẩu Văng Tàu- Ubon-Ratchathani và các tỉnh khác của vùng Đông Bắc Thái Lan. Liên kết các nước để phát triển thương mại, du lịch và cảng biển Chân Mây. Đây là điều kiện để kết nối phát triển thương mại, du lịch, khai thác hiệu quả cảng biển Chân Mây \_ Lăng Cô. | Tiếp thu góp ý, các nội dung này đã được nêu chi tiết trong báo cáo tổng hợp. |
| 2 | 2. Về mục 1. 2. 3. Cơ hội (p. 7 trong báo cáo tóm tắt). Nghiên cứu bổ sung thêm: Thừa Thiên Huế có vị trí địa chính trị thuận lợi, có điều kiện kết nối, mở rộng, hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế với các nước. | Tiếp thu góp ý, các nội dung này đã được nêu chi tiết trong báo cáo tổng hợp. |
| 3 | 3. Về phương hướng phát triển văn hóa (p. 25- BC tóm tắt) Là địa phương có quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trên thế giới và thường được chọn là nơi đăng cai tổ chức các hội nghị hội thảo quốc tế, hoạt động xúc tiến đầu tư, kinh tế đối ngoại và các sự kiện quốc tế khác=> Do vậy đề nghị nghiên cứu quy hoạch các thiết chế này. | Tiếp thu góp ý, các nội dung này đã được nêu chi tiết trong báo cáo tổng hợp. |
| 4 | 4. Về quy hoạch giao thông: Cần bổ sung nghiên cứu khai thác thêm các tuyến hành lang kinh tế Đông Tây; Quy hoạch phát triển hiệu quả kinh tế thương mại qua 02 cửa khẩu chính Hồng Vân và A Đớt hiện có (về tương lai đây sẽ là cửa khẩu quốc tế). Quan tâm phát triển hạ tầng giao thông để kết nối với các tỉnh của Lào (Trung, Nam) và của Thái Lan (Đông Bắc) để thúc đẩy giao thương, du lịch, khai thác kinh tế cảng biển Chân Mây. | Các tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây kết nối cửa khẩu Hồng Vân qua QL 49F và đường HCM- QL.49;  Kết nối cửa khẩu A Đớt qua trục Đông – Tây Ql.49E và đường HCM-QL.49 |
| 5 | 5. Về Quy hoạch, định hướng mở rộng quan hệ đối ngoại Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hội nhập quốc tế sâu rộng với các đối tác, địa phương nước ngoài. Tăng cường quan hệ hợp tác các địa phương bạn Lào; Các nước láng giềng trong khu vực Asean, các nước châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước Châu Âu và các đối tác tiềm năng khác.  6. Nghiên cứu đột phá phát triển kinh tế biển; du lịch | Tiếp thu góp ý, các nội dung này đã được nêu chi tiết trong báo cáo tổng hợp. |

## Giám đốc Sở du lịch Thừa Thiên Huế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Đề nghị bổ sung:  (1). Loại hình du lịch y tế, du lịch chăm sóc sức khỏe ở mục 3. 1. 2. 1 (Dịch vụ du lịch) và ở mục 3. 2. 1 (y tế chăm sóc sức khỏe) | Loại hình du lịch y tế, du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khoẻ đã được phân tích trong Báo cáo tổng hợp. |
| 2 | (2). Nên dùng thuật ngữ vùng/Khu phát triển du lịch ở mục 4. 4. 5, đề tránh nhầm lẫn ' khu du lịch" được quy định trong Luật du lịch. | Tiếp thu chỉnh sửa các thuật ngữ theo góp ý. |
| 3 | (3) Bổ sung: Cũng như các khu vực đệm của các điểm di tích ở phần cuối mục 4. 4. 8. 2 (vùng bảo tồn lịch sử văn hóa) | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý. |
| 4 | (4) Bổ sung thêm ở mục 6. 3 (phương án phát triển kết cấu Hạ tầng văn hóa thể thao); Quy hoạch khu vực để phát triển công nghiệp văn hóa" (phim trường, quảng diễn các sản phẩm có tính văn hóa cao.  Ở mục 6. 4. 1 (Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng du lịch; quy hoạch đầu tư 1 số không gian văn hóa, ẩm thực để giới thiêu, quảng diễn và phục vụ ẩm thực Huế cho du khách cộng đồng. | Tiếp thu góp ý, các nội dung này đã được nêu chi tiết trong báo cáo tổng hợp. |

## Lãnh đạo huyện Phú Vang.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Cơ bản thống nhất với dự thảo quy hoạch tỉnh TTH thời kỳ 2021 -2030 tầm nhìn đến năm 2050, tuy nhiên, cần bám sát mô hình thành lập thành phố trực thuộc trung ương để xây dựng quy hoạch cho phù hợp. Đặc biệt là quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn và khu chức năng.  Đối với phương án quy hoạch hệ thống đô thị, trong đó "quy hoạch" mạng lưới và phân loại đô thị, theo các giai đoạn và tổ chức không gian đô thị cần thống nhất lộ trình, định hướng quy hoạch đô thị đối với các huyện trực thuộc Tỉnh khi TTH trở thành TP trực thuộc trung ương. | Tiếp thu ý kiến tại mục phương án phát triển hệ thống đô thị trong báo cáo tổng hợp. |

## Lãnh đạo huyện Nam Đông.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Về tổ chức lãnh thổ đối với 2 huyện miền núi: đề nghị bổ sung ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với hệ thống thác có giá trị cao; phát triển dược liệu dưới tán, nông nghiệp theo chuỗi giá trị tăng cao.  Về phát triển mạng lưới đường bộ: Bổ sung, phối hợp với Bộ quốc phòng, tập trung đầu tư hoàn thiện tuyến đường 74 dốc Nam Đông- A Lưới | Tiếp thu ý kiến và cập nhật trong phương án phát triển hạ tầng giao thông vận tải trong báo cáo tổng hợp. |

## Huyện Phong Điền (Võ Văn Vui).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Tham gia vào báo cáo tóm tắt Quy hoạch Trang 16: Đề nghị bổ sung định hướng phát triển công nghiệp Phần 3. 1. 1: Tập trung đầu tư phát triển KCn Phú Bài, KCN Chân Mây- Lăng Cô, KCN Phong Điền.  Phần 3. 1. 2. Dịch vụ phát triển cộng đồng. . . Đề nghị bổ sung gắn với ẩm thực tại làng cổ Phước Tích. . | Tiếp thu góp ý, định hướng phát triển công nghiệp đã được nêu tại phương hướng phát triển các ngành có lợi thế của tỉnh. |
|  | Trang 55: phần 5. 2. 2: - Vùng hạ lưu sông Ô Lâu- Phong Điền thì không có sông Ô Giang, Vĩnh Định, Tân Vĩnh Định, Cựu Vĩnh Định, mà là: nạo vét các đoạn sông Ô Lâu qua các xã Phong Hòa, Phong Bình, các trục tiêu nội đồng và mở rộng đập qua Cửa Lác đoạn qua xã ĐIền Hải và Quảng Thái huyện Quảng Điền để đảm bảo tiêu thoát vùng hạ du sông Ô Lâu | Tiếp thu ý kiến tại mục phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trong báo cáo tổng hợp. |

## Huyện Quảng Điền (Trần Quốc Thắng).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | TTH có hệ thống đầm phá TG- CH với diện tích 22000 ha (lớn nhất ở Đông Nam Á); cùng đó là hệ sinh thái rất phong phú, đa dạng sinh học với hàng trăm loài cá, tôm. . . Phục vụ sinh kế của hàng vạn người sinh sống ở các địa phương ven phá. Do đó, đề nghị quan tâm phát triển kinh tế đầm phá; trong báo cáo chủ yếu đề cập phát triển kinh tế biển | Tiếp thu góp ý, kinh tế đầm phá đã được nêu tại phương hướng phát triển các ngành có lợi thế trong báo cáo tổng hợp. |

## Ban Quản lý KKT, CN (Lê Văn Tuệ. Trưởng ban Quản lý KKT, CN ).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Thống nhất các văn bản, dự thảo quy hoạch.  Đề nghị xét xét thêm một số ý kiến đã gửi kèm bằng văn bản của Ban QL KKT, CN Tỉnh tại các văn bản đã tham gia góp ý, văn bản số 2530 ngày 16/11/2022 | Tiếp thu và rà soát lại các góp ý |

## Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Thừa Thiên Huế (Phan Thắng).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | 1. Phương án thành lập các đơn vị hành chính: Lựa chọn phương án 1: Thành lập 3 quận, 2 thị xã và 4 huyện. Lý do: tầm nhìn mở rộng nội thành.  2. Về tên gọi khi cả Tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương: Lựa chọn phương án 1: Tên gọi Thành phố Huế. Lý do: Gắn với văn hóa và lịch sử lâu đời.  3. Tên gọi đơn vị hành chính cấp huyện: a. Quận Nam sông Hương: Lựa chọn phương án: Thuận Hóa b. Quận Bắc sông Hương: Phú Xuân Lý do lựa chọn: Dựa vào tính lịch sử, tính phổ biến và tương xứng. | Tiếp thu các góp ý trong phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng trong báo cáo tổng hợp. |

## Ban pháp chế HĐMT Tỉnh (Nguyễn Anh Dũng).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Đến năm 2030 và đến năm 2050 nên ghi rõ Tỉnh TTH là Thành phố trực thuộc trung ương, bỏ cụm từ trở thành -Về giáo dục nên định hướng phát triển thêm 1 trường PT THCS tại xã Hương Trà, tương tự như trường THCS Nguyễn Tri Phương.  - Nên định hướng phát triển Chân Mây- Lăng Cô trở thành thành phố Chân Mây- Lăng Cô | Tiếp thu góp ý. Chân Mây Lăng Cô được định hướng phát triển lên thành phố sau năm 2030. |

## Hội Quy hoạch phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Mô hình đô thị: Thống nhất tổ chức mô hình đô thị theo các hành lang kinh tế Bắc – Nam; đề nghị tích hợp dạng chuỗi theo các hành lang kinh tế Bắc – Nam và kết nối qua các trục Đông – Tây; đề nghị khống chế các đô thị ở trục này nhằm toạ ra nhưng không gian mở giữa các đô thị; đề nghị đưa vào mô hình đô thị Mút Thấm nhằm tăng khả năng thích ứng với BĐKH và khả năng chống chịu với thiên tai | * Tổ chức mô hình hệ thống đô thị, các vùng đô thị lớn gắn với phát triển các hành lang kinh tế, các vùng động lực ưu tiên, các khu chức năng và vùng lãnh thổ nông thôn; Theo sơ đồ ở phía trên cụ thể hệ thống đô thị chính dọc theo các tuyến hành lang ven biển với 3 đô thị hậu cần gắn với cảng, hành lang Bắc Nam: Khu vực lõi trung tâm và 2 đô thị Phía Tây Bắc là Phong Điền, phía Đông Nam là Chân Mây là các hạt nhân để thúc đẩy trên toàn tuyến; Tuyến hành lang đường Hồ Chí Minh, và tuyến ngang kết nối từ phía biển lên là quốc lộ 49 cũ, và QL 49 E và 49 F với 3 đô thị ở phía Tây: A Lưới, Hồng Vân và Lâm Đớt tạo đà cho sự phát triển kinh tế khu vực phía Tây kết nối đi Lào và xa hơn nữa là Đông Bắc Thái Lan. * đang đề xuất là mô hình tuyến tính và dải chức năng song hành.   **Thành phố bọt biển**  https://s2.qwant.com/thumbr/0x0/e/a/0703b1e12cff49b66c548b1f2ec31c/b_1_q_0_p_0.jpg?u=http%3A%2F%2Fwww.gochengdu.cn%2Fimages%2Fupload.x%2Fimages%2Fspongecity4.jpg&q=0&b=1&p=0&a=1  *Chú thích Thành phố Bọt biển. Nguồn: Thành phố Thành Đô, Trung Quốc*  Thành phố bọt biển là một thành phố có hệ thống nước ngầm hoạt động như một miếng bọt biển dùng thấm hút, lưu giữ, cho rò rỉ và lọc nước mưa, để tái sử dụng khi cần thiết.  Một số thành phố có thể tái sử dụng tới 70% nước mưa. Như khái niệm trên, giải pháp thành phố bọt biển được áp dụng ở quy mô thành phố hoặc ít nhất cho toàn bộ khu vực lân cận để đảm bảo hiệu quả. Các biện pháp và hành động đơn lẻ đã được chứng minh là không có hiệu quả. Thành phố bọt biển là một hệ thống toàn diện, đồng bộ, hướng tới quản lý các vấn đề về nước ở đô thị theo cách lâu dài và bền vững.  Các thành phố bọt biển được thực hiện thông qua 2 biện pháp chính:  **1/ Xây dựng một số khu vực đất ngập nước, công viên đô thị, không gian xanh và đất nông nghiệp trong thành phố.** Các khu vực này có đất thẩm thấu nước cho phép thẩm thấu, lưu trữ, lọt nước và lọc nước mưa. Lượng nước này sau đó được lưu trữ dưới dạng nước mặt hoặc nước ngầm và được tái sử dụng khi cần thiết.  Đây cũng chỉ là 1 trong những mô hình thích ứng với BBĐKH.  Hiện nay mô hình dự án đang đưa ra **các mô hình đô thị sinh thái, đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị thích ứng** và đô thị có bản sắc rõ ràng phù hợp với điều kiện của đặc thù từng vùng và khu vực cũng có nét tương đồng và mang tính chất toàn diện. |

## Phòng kinh tế và hạ tầng Hải Lăng- Quảng Trị (THS. KTS Lê Đắc Triều).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Cơ bản thống nhất và đồng tình cao các định hướng và lựa chọn phương án phát triển mô hình tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế theo các trục Đông Tây; Bắc Nam, từ đó phân vùng đô thị dựa vào địa hình, giao thông chính sẽ là tiền đề cho việc phát triển gắn kết liên kết vùng (vùng huyện, liên huyện, đô thị)  -Phương án phát triển các ngành lĩnh vực quan trọng.  - Cần phân tích, đánh giá thế mạnh, lợi thế của địa phương gắn với phát triển du lịch (là thế mạnh). | Phân tích, đánh giá thế mạnh, lợi thế của địa phương gắn với phát triển du lịch đã được trình bày trong báo cáo tổng hợp quy hoạch. |
| 2 | Về phương án phát triển mạng lưới nghĩa trang, nhà tang lễ, đề nghị cần xem xét thêm phương án quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân theo hướng " công viên vĩnh hằng". | Tiếp thu góp ý, sẽ nghiên cứu chỉnh sửa trong báo cáo quy hoạch. |
| 3 | Theo như đơn vị tư vấn trình bày, nhận thấy tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2021-2030 là khá cao. | Theo nghị quyết 54 giai đoạn **2021- 2025:** tỷ lệ đô thị hóa đạt **62-65%**; giai đoạn **2026-2030:đạt 65- 70%.**  Hiện trạng năm 2021 tỷ lệ đô thị hóa 55, 5%. Với tỷ lệ **đang đề xuất** hiện nay là **giai đoạn 2021-2025 là 64%** **và giai đoạn 2026 – 2030 là 67%.** P**hù hợp với lộ trình thực hiện theo nghị quyết 54.**  Thừa Thiên Huế đến 2025 trở thành thành phố trực thuộc trung ương, do vậy c**ó sự sắp xếp đơn vị hành chính xã lên phường, và việc hình thành các quận nội thành trong tương tai cũng gia tăng tỷ lệ đô thị hóa mạnh hơn.** |
|  | Cần tính toán kỹ phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, đặc biệt là phương án phòng chống thiên tai, giải pháp phòng chống lũ (kịch bản nước biển dâng, lũ qua các năm). | - Các giải pháp phòng chống thiên tai hiện đã cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (và các kịch bản phát triển trong quy hoạch của các ban ngành liên quan) |

## Bảo hiểm xã hội Tỉnh (Hoàng Trọng Chính).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Thống nhất quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm. . .  Đối với kịch bản và lựa chọn phương án phát triển, đề xuất kịch bản 3, mục 2. 3. 1; kịch bản 2 A mục 3. 2. 2 (phát triển kinh tế) và KB 2 (mô hình tăng trưởng).  Đối với kịch bản phương án phát triển không gian và tổ chức lãnh thổ, dựa trên nguồn lực thực tiễn và phát triển bền vững, nên chọn kịch bản 1: 2. 3. 3 đến năm 2025 (2 quận, 3 thị xã và 4 huyện). Hướng đến 2030 -2050 nâng lên 3-4 quận theo kịch bản |  |

## Công ty điện lực Thừa Thiên Huế (Hoàng Ngọc Toại Quang)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Thống nhất cơ bản về đề án Quy hoạch Tỉnh TTH thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.  - Đề án cần cụ thể nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn, định mức cụ thể nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn, định mức KWh /người dân theo chỉ tiêu TP trực thuộc trung ương, sản lượng điện theo các thành phần kinh tế.  Kết cấu lưới điện phân phối theo tiêu chí N-1 (Tổng số TBA 110KV, đường dây 110 KV.  Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo theo định hướng net Zero đến 2050. | tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp |

## Cung Trọng Cường 53 Nguyễn Huệ, TP Huế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Đẩy mạnh mô hình phát triển kinh tế sáng tạo, kinh tế số và công nghiệp sáng tạo Lựa chọn phương án chia quận nội thành TP Huế hiện nay nên theo vùng chứ không nhất thiết là chia theo hai bờ sông Hương Ưu tiên phát triển con người, là động lực phát triển | tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp |

## Nguyễn Huy Ngọc - Số 9, Tố Hữu, Phú Hội, Huế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Cơ bản đồng ý với ý tưởng, nội dung quy hoạch TTH thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050  Đề nghị trong quy hoạch nên lưu ý Quy hoạch phát triển kinh tế rừng, kinh tế biển, kinh tế đầm phá Về TTH thành TP Trực thuộc TW. Đồng ý rất cao vì đây là thời cơ để có bước phát triển đúng với thực tại Nên thành lập 10 đơn vị hành chính. Đê nguyên 2 huyện Phú Lộc và Nam Đông. | tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp |

## Công ty cổ phần cảng Chân Mây (Hồ Hoàng Thi- PTGĐ công ty).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | 1. Tại trang 41 (Mục IV. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn các khu chức năng; 4. 4. 1. Khu kinh tế" Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô" : xây dựng cảng Chân Mây- Lăng Cô trở thành cảng container, cảng du lịch, là trung tâm giao thông quốc tế.  Đề nghị bổ sung chức năng" Cảng tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng, khí; sửa đổi "cảng du lịch" thành bến tàu khách để phù hợp với cảng biển VN thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.  2. Tại trang 53 (mục V. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, 5. 1. 3 đường biển, 5. 1. 3. 1 Cảng biển: Chân Mây (Hiện có. . . loại 1. . . . " Đề nghị sửa đổi: - Sửa cảng biển thành cảng biển TTH- Cảng biển loại 1 (không xếp loại từng khu bến riêng biệt)  - Sửa công suất thành năng lực tiếp nhận tàu - Sửa tàu quốc tế 225. 000 GT thành tàu khách quốc tế 225 000 GT -Tàu Container 4000 TEU thành 35. 000 TEU.  Bổ sung thêm khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão: - Khu neo đậu chuyển tải, tránh bão tại Chân Mây cho tàu đến 200. 000 DWT - Khu neo đậu tránh bão tại Thuận An cho tàu 3000 DWT | xin tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp |

## Công ty CP Đầu tư và phát triển BĐS Cotana Capital (Khu đô thị An Dương Vương, TP Huế)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Nhất trí định hướng quy hoạch Tỉnh TTH thời kỳ 2021-2030 với trung tâm trên nền tảng xây dựng TP. Huế là Tp DI sản, hướng tới thành phố Biểu tượng để thế giới hướng tới | tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp |

## KTS Hồ Viết Vinh (Trường ĐH Kiến trúc TP HCM)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Qua xem xét báo cáo, một số ý kiến cần lưu ý  1. Các trụ cột kinh tế theo thứ tự ưu tiên: - Giáo dục và y tế - Du lịch văn hoá và di sản - Công nghiệp sáng tạo - Nông nghiệp 2. Các đột phá chiến lược/tầm nhìn -Ngắn hạn: du lịch di sản (2025)  -Trung hạn: y tế và giáo dục (2030)  - Dài hạn: công nghiệp sáng tạo (2050)  3. Cấu trúc chuỗi giá trị theo kinh tế tuần hoàn - Thượng nguồn: y tế và giáo dục - Hạ nguồn: du lịch - Hỗ trợ: nông nghiệp và công nghiệp sáng tạo 4. Cấu trúc hình thái không gian lãnh thổ - vùng đồi núi Tây và Tây Nam - vùng động lực theo tuyến QL1A - vùng nông nghiệp ngập theo mùa - vùng đầm phá - vùng biển 5. Cấu trúc không gian đô thị Thừa Thiên Huế các đô thị chức năng đặc thù kết nối theo hành lang động lực tăng trưởng theo chuỗi đô thị dọc miền duyên hải. | tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp |

## Phạm Trọng Vinh - VP Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Thống nhất phương án 1 với tên gọi Thành phố Huế trực thuộc TW với 09 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: 03 Quận – 02 Thị xã – 04 huyện.  Tên gọi 03 quận: Quận Phú Xuân, quận Thuận Hoá và quận Hương Thuỷ | Tổng hợp và thống nhất phương án theo lượt bình chọn cao nhất |

## Vụ quản lý Quy hoạch, Bộ KHĐT (Lê Văn Thụy).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | (1) Bố cục báo cáo cơ bản bám sát quy định tại điều 27 luật Quy hoạch, điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ- CP. |  |
| 2 | (2) Nội dung quy hoạch: Tham gia sơ bộ một số ý như sau: - Quan điểm phát triển, mục tiêu tổng quát đến năm 2030 cơ bản đã bám sát ND số 54 -NQ/TW chưa thể hiện được khát vọng.  Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu chưa thể hiện tính đột phá: VD: GDPR/người 6000 usd, trong khi GDP/người của cả nước là 7. 500 USD thì làm sao TT Huế lên tỉnh khá của khu vực miền Trung và cả nước.  Bổ sung một số chỉ tiêu chủ yếu cho tầm nhìn đến năm 2050.  Rà soát các ngành quan trọng trên cơ sở luận chứng rõ vì sao là ngành quan trọng-> Định hướng ngành quan trọng là gì.  Bố trí không gian phát triển, hành lang phát triển chưa đảm bảo rõ và khoa học Đề nghị rà soát lại toàn bộ nội dung báo cáo Quy hoạch | Nội dung này xin được tiếp thu và giải trình như sau: tiếp thu các nội dung cần bổ sung theo quy định của Luật Quy hoạch.  Về tính đột phá của mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế: trong quy hoạch tỉnh nội dung này cần được bám sát các định hướng và mục tiêu của các nghị quyết, chiến lược và đặc biệt là NQ54. Theo đó, chiến lược phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2021-2030 đã thể hiện khát vọng trở thành trung tâm văn hóa, đô thị di sản của cả nước và khu vực. Mục tiêu phát triển kinh tế có ý nghĩ quan trọng với sự phát triển của tỉnh, tuy nhiên cần đi đôi với tính khả thi, đánh đổi giữa số lượng và chất lượng, giữa tăng trưởng cao và tăng trưởng bền vững. Ví dụ, để đạt được mức GRDP cao ở mức bình quân của cả nước hay cao hơn, thì Thừa THiên Huế sẽ cần phát triển các ngành công nghiệp nặng như luyên kim, điện than, lọc hóa dầu, …như các tỉnh trong vùng đang thực hiện (Thanh Hóa, Quảng Trị, Quảng Ngãi), khi đó các mục tiêu về phát triển xanh, phát triển đô thị văn hóa di sản của Thừa Thiên Huế sẽ bị ảnh hưởng.  Ngoài ra, chỉ số GDPR/người = 6000 usd về bản chất cũng chỉ thể hiện được phần nào cho sự phát triển kinh tế của Tỉnh/ quốc gia. Và chỉ số này thông thường được so sánh với một tiêu chuẩn nào đó để xác định mức độ giàu có qua mức thu nhập tính trung bình trên đầu người, cụ thể của WB là: thấp <1,045 usd/người; dưới trung bình 1,046 – 4,095 usd/người; trên trung bình: 4,096 – 12,695; cao >12,695  Như vậy với tỉnh TT Huế thì chỉ số GDPR/người = 6000 usd là rất khát vọng và có tính khả thi cao. |
| 3 | (3) Một số lưu ý: -Xây dựng đô thị theo lộ trình để đảm bảo tiêu chí là thành phố trực thuộc trung ương cần lưu ý đến kiến trúc cảnh quan của đô thị di sản.  -Tác động của biến đổi khí hậu khó lường, cần nghiên cứu và đưa ra giải pháp thoát nước, tránh ngập lụt trong khi lượng thoát nước dòng sông có hạn, thời gian thoát nước chậm.  -Lập, hoàn thiện quy hoạch gửi xin ý kiến các bộ, ngành; Lưu ý có ý kiến thỏa thuận với Bộ quốc phòng, Bộ công an trước khi xin ý kiến các bộ ngành về quy hoạch, gửi xin ý kiến Bộ Tài nguyên và môi trường, có ý kiến về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch.  -Bộ kế hoạch và đầu tư sẽ tham gia ý kiến cụ thể khi UBND tỉnh gửi xin ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch. | - Nội dung về các đánh giá về tác động của thiên tai, BĐKH, giải pháp thoát nước đã được phân tích, đánh giá để đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố Thừa Thiên Huế trong tương lai  Song song với việc lập Quy hoạch Tỉnh, báo cáo ĐMC cũng đã được chuẩn bị, tham vấn về các vấn đề môi trường chính đã được thực hiện. Bản báo cáo ĐMC sau khi được cập nhật đồng bộ với báo cáo quy hoạch sẽ được gửi trình xin ý kiến đúng hướng dẫn, quy định hiện hành.  Hồ sơ báo cáo đã được gửi xin ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng vào ngày 31/12/2022. |

## Bùi Tất Thắng - Hội khoa học kinh tế Việt Nam.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | 1. Báo cáo tổng hợp cơ bản đạt yêu cầu chất lượng.  2. Góp ý để hoàn thiện hơn: - Nên Tập trung vào hoàn thiện bản dự thảo Nghị quyết, vì đây là văn bản quan trọng nhất của toàn bộ quá trình lập quy hoạch.  - Về quan điểm phát triển nên viết gọn lại và rõ ràng hơn.  -Về các đột phá phát triển: cũng tương tự như vậy, cần viết rõ ràng và thực sự là đột phá.  -Về các chỉ tiêu: Cần ghi rõ các thời điểm đạt các chỉ tiêu chức năng. Ví dụ: Đến 2030: GRDP/người đạt 6000USD; Đến 2030: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65-70%.  - Nguyên tắc hoàn thiện dự thảo quyết định:  (1) Lắng đọng đầy đủ những vấn đề xác định trong báo cáo chính.   (2) Đảm bảo văn phong pháp lý  (3) Lãnh đạo Tỉnh có thể triển khai chỉ đạo thực thi.  => Quyết định phải rõ, gọn.  -Chỉ tiêu của TTH, năm 2030 đạt 6000 USD/người. Trong khi cả nước phấn đấu 7. 500 USD/người (Báo cáo chiến lược quốc gia). Vậy nên xem xét, cân nhắc xem thế nào cho hợp lý. | - Tiếp thu ý kiến góp ý v/v các bước hoàn thiện dự thảo nghị quyết, văn phong và trình bay như góp ý của chuyên gia.  - Về chỉ tiêu GRDP/người, Nghị quyết 54 do Bộ Chính trị ban hành đánh giá đầy đủ về thực trạng và tính khả thi trong thực hiện. NQ 54 đặt mục tiêu phát triển cho Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh. Vì lý do đó, Thừa Thiên Huế lựa chọn phát triển xanh, bền vững hướng tới chất lượng thay vì chạy theo số lượng. |

**Ý kiến bổ sung lần 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | (1) Về tính đầy đủ của nội dung theo yêu cầu của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn:  - Cấu trúc và nội dung báo cáo Quy hoạch, Dự thảo Quyết định đã đầy đủ.  - Nội dung phân tích đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng phát triển đô thị-nông thôn được trình bày chi tiết, công phu, rút ra được các điểm nhấn đáng chú ý, trong đó đặc biệt là đặc điểm văn hóa, di sản của thành phố Huế. Các phân tích này là cơ sở để đề xuất việc phát triển Thừa Thiên - Huế thành thành phố di sản, trực thuộc Trung ương.  Tuy vậy, cách trình bày trong báo cáo còn khá dàn trải. Những điểm nhấn đặc thù của tỉnh và TP Huế chưa đủ độ đậm cần thiết. Có thể có so sánh với các TP khác, tỉnh khác sẽ nổi rõ hơn. Lưu ý: đây là điểm mà Hội đồng thẩm định ở Trung ương thường quan tâm khi nghe báo cáo của tỉnh. | Tiếp thu góp ý, các điểm nhấn đặc thù của tỉnh đã được phân tích tích trong báo cáo tổng hợp. |
|  | (2) Về các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh: Nhất trí với báo cáo về việc phát triển mạnh lĩnh vực du lịch, dịch vụ, xem như ngành kinh tế có ý nghĩa dẫn dắt sự phát triển và mô hình kinh tế chủ đạo của tỉnh (trong quá khứ cũng như trong thời kỳ quy hoạch sắp tới).  Đồng thời, nên xem xét kỹ hơn hướng phát triển đô thị & công nghiệp ở phía Nam của tỉnh, gắn với TP Đà Nẵng, trong đó khai thác hiệu quả hơn khu vực Chân Mây – Lăng Cô. | Phương hướng phát triển đô thị và công nghiệp ở phía Nam của tỉnh đã được trình bày trong phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng. |
|  | (3) Về các quan điểm phát triển tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050: Cơ bản nhất trí như nội dung trình bày trong báo cáo. |  |
|  | (4) Về các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050:  - Cơ bản nhất trí như nội dung trình bày trong báo cáo.  - Tuy vậy, cần xem lại chỉ tiêu: GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 6.000 USD. Theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đến năm 2030, Việt Nam “là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”, “GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD”. Vì vậy, một mặt, khi ghi chỉ tiêu này cần nêu rõ tính theo giá hiện hành hay giá cố định của năm nào? Mặt khác, chắc chắn là, khi xác định “Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế có trình độ phát triển kinh tế ở mức trung bình” thì GRDP/người tối thiểu cũng phải bằng mức GDP bình quân đầu người cả nước. | - Về chỉ tiêu GRDP/người, Nghị quyết 54 do Bộ Chính trị ban hành đánh giá đầy đủ về thực trạng và tính khả thi trong thực hiện. NQ 54 đặt mục tiêu phát triển cho Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh. Vì lý do đó, Thừa Thiên Huế lựa chọn phát triển xanh, bền vững hướng tới chất lượng thay vì chạy theo số lượng. |
|  | (5) Về các đột phá phát triển  Báo cáo đã nêu được các đột phá phát triển và giải thích nội dung của các đột phá. Đó là:  - Đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.  - Phát triển bền vững kinh tế biển, đầm phá.  - Phát huy vai trò của các khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của Vùng.  - Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa - đô thị hóa.  - Bảo tồn phát huy các di sản lịch sử, văn hoá và thiên nhiên.  Rõ ràng là, với cách xác định các đột phá như trên, hầu như các nhiệm vụ phát triển của tỉnh đều đã được nhắc tới, và cảm giác chung là: nhiều đột phá quá; toàn diện chứ chưa phải đột phá. Đề nghị nên cân nhắc thêm để chọn lựa vấn đề thực sự có ý nghĩa quyết định, tác động đến toàn bộ quá trình phát triển của tỉnh để tập trung nguồn lực thực hiện. | Tiếp thu góp ý, nghiên cứu làm rõ hơn 5 khâu đột phá trong QHT. |
|  | (6) Về quy hoạch sử dụng đất: nhất trí như báo cáo. Nhưng xin lưu ý hiện nay, nhiều tỉnh thành trên cả nước đang gặp phải tình huống số liệu đất đai không thống nhất giữa các ngành/lĩnh vực và giữa hồ sơ trên giấy với thực tế ngoài thực địa. Ngoài ra, một số địa phương cũng gặp vướng mắc về nhu cầu sử dụng đất (nhất là đất các khu/cụm công nghiệp, đất cho lĩnh vực phát triển đô thị, cho các lĩnh vực văn hóa, xã hội) với một số nội dung ghi trong Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.  Vì vậy, nên rà soát kỹ hơn về nội dung này. | Tiếp thu góp ý, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đã bám sát Quyết định số 326/QĐ-TTg. |
|  | (7) Về quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn: Cơ bản nhất trí như báo cáo Quy hoạch của tỉnh.  Đặc biệt cần có lập luận kỹ càng cho định hướng phát triển tỉnh Thừa Thiên – Huế thành thành phố trực thuộc trung ương với danh xưng thành phố di sản. Ý tưởng này đã được nêu ra từ khá lâu rồi, nhưng chưa bao giờ thành hiện thực. Đây là cơ hội để thành phố phát triển đột phá trước mắt và bền vững, độc đáo về lâu dài. |  |
|  | (8) Về các giải pháp và huy động nguồn lực  Các giải pháp và huy động nguồn lực đã bám sát yêu cầu của Luật quy hoạch. Tuy vậy, cần tìm kiếm sâu hơn một số giải pháp cụ thể rất đặc thù và có thể làm ngay, đem lại kết quả ngay của Thừa Thiên – Huế. | Tiếp thu góp ý về nghiên cứu thêm các giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch. |
|  | (9) Đối với Dự thảo quyết định  Mặc dù nội dung báo cáo quy hoạch được nghiên cứu công phu, trình bày đầy đủ, chất lượng cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt ra. Sau khi chỉnh sửa hoàn thiện thêm, đủ điều kiện trình Hội đồng thẩm định quốc gia.  Tuy vậy, tất cả sự công phu và ý tưởng này cuối cùng phải được thể hiện rõ ràng, đầy đủ và khúc triết tại DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH theo văn phong văn bản pháp lý. Sau quá trình lập quy hoạch, sản phẩm quan trọng nhất là bản Dự thảo quyết định này. Vì vậy, cách thức trình bày văn bản này cần được đặc biệt quan tâm, bảo đảm 3 nguyên tắc cơ bản sau:  - Một là, đảm bảo văn phong của văn bản pháp lý.  - Hai là, thể hiện đầy đủ nhưng cô đọng những gì tinh túy nhất, cần thiết nhất của các Báo cáo nghiên cứu.  - Ba là, lãnh đạo Tỉnh sử dụng để chỉ đạo thực hiện, điều hành được.  Vậy nên, văn phong trình bày phải thật rõ ràng, chặt chẽ.  Trên tinh thần như vậy, tôi xin để nghị chỉnh sửa, hoàn thiện thêm về cách trình bày nội dung theo hướng gọn, rõ ý, không dùng nhiều mỹ từ, đặc biệt là với các mục: quan điểm phát triển, đột phá phát triển và các giải pháp. | Tiếp thu góp ý về chỉnh sửa trình bày của dự thảo quyết định. |

## TSKH. Ngô Viết Nam Sơn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Gợi ý 09 chiến lược quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế:  1. Phát triển bền vững Thừa Thiên Huế thành đô thị loại 1 trực thuộc TW, không đánh đổi bằng mọi giá, nên thương lượng về chỉ tiêu đô thị có đặc thù di sản; 2. Hợp tác đa ngành trong việc lập quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch (điểm yếu của TTH); 3. Tối ưu hoá tiềm năng bảo tồn và phát triển đô thị - nông thôn có đặc thù ven sông hồ - biển – đầm phá – đồi núi; 4. Phát huy thế mạnh tài nguyên và phát triển liên kết, hợp tác vùng; 5. Hình thành hệ sinh thái phát triển cho các khu trọng điểm và trục động lực; 6. Hài hoà các mục tiêu phát triển – bảo tồn – chỉnh trang – phát triển đô thị, tạo nên bản sắc đặc thù cho khu vực; 7. Thu hút đầu tư hiệu quả mọi nguồn theo tư dyuy kinh tế thị trường, không phụ thuộc vào ngân sách công; 8. Xây dựng nền tảng cho phát triển kinh tế số và đô thị thông minh; 9. Đảm bảo an cư lạc nghiệp cho người dân trong mọi dự án đề xuất, lưu ý giải pháp thu hút dân cư có trình độ cao cho các khu đô thị mới. | Phát triển Thừa Thiên Huế trên nền tảng đặc thù của đô thị di sản đã được thống nhất và trình bày rõ nét trong báo cáo quy hoạch tỉnh.  Về vấn đề liên kết và hợp tác vùng, tiếp thu và đồng ý về việc cần thiết lập các thiết chế và chiến lược hợp tác vùng, đặc biệt giữa Huế và Đà Nẵng, trong đó đề xuất trọng tâm là liên kết giữa thành phố Chân Mây và Đà Nẵng. Ngoài ra, do Tp. Huế và Đà Nẵng có khảng cách địa lý tương đối xa, trong khi vùng hậu phương cho đô thị đều nhỏ hẹp, nên quy hoạch không cho rằng có thể phát triển cả hai theo mô hình đô thị đôi. |

## Nguyễn Hoàng Hà - Viện Chiến lược phát triển

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp và tóm tắt đã đáp đứng yêu cầu của Luật Quy hoạch và Nghị định 37/2019/NĐ-CP UBND Tỉnh và đơn vị tư vấn sớm hoàn thiện dự thảo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ liên hệ Vụ quản lý quy hoạch để có mẫu cập nhật thống nhất thời gian phê duyệt.  Cập nhật Nghị quyết 138/NQ-CP (2022) về Quy hoạch tổng thể Quốc gia.  Bổ sung phân tích, hiện trạng phát triển KTXH của Tỉnh, luận cứ lựa chọn ngành, lĩnh vực quan trọng của Tỉnh đảm bảo tính khoa học; các chỉ tiêu cần phải đối sánh để thấy được bản chất/vị trí phát triển của Tỉnh. Đánh giá đúng hiện trạng để có luận cứ cho định hướng. Chú ý đến các ngành chủ lực, đến kinh tế biển, logistics và liên kết vùng.  Định hướng phát triển chung cần theo hướng cộng sinh dựa trên sự khác biệt, nhấn mạnh những lợi thế của Tỉnh để phát huy tối đa vị trí, vai trò cấp vùng, cấp quốc gia của Tỉnh. Hạn chế đầu tư dàn trải Chú ý một số lỗi hành văn, format, chính tả. | tiếp thu ý kiến xác đáng của chuyên gia. |

## Nguyễn Thị Lan. Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | 1. VỀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG BÁO CÁO  1. 1. Thành phần hồ sơ  - Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm 3 phần:  Phần thứ nhất: Mở đầu từ trang  Phần thứ hai: Nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 từ trang 8 - 664  Phần thứ ba: Tổ chức thực hiện từ trang 665  Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  1. 2. Về cấu trúc: Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nêu được: Sự cần thiết lập quy hoạch; Các căn cứ lập quy hoạch; Những yêu cầu chính của nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quá trình tổ chức và nghiên cứu lập quy hoạch tỉnh. Các nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm: Phân tích, đánh giá, dự báo các yêu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế; đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Đánh giá tổng hợp; và một số kinh nghiệm quốc tế. Báo cáo có cấu trúc khá hoàn chỉnh, tuy nhiên, cần xem xét đưa các cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế lên phần đầu báo cáo, vì trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế báo cáo sẽ có được cho mình những phân tích về sự tương đồng, cũng như điểm khác biệt để làm cơ sở cho việc tham khảo quy hoạch của tỉnh.  Để Báo cáo Tổng hợp đáp ứng đúng yêu cầu yêu cầu của Quy hoạch tỉnh, cần tham chiếu cu thê quy định tại Điều số 28, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định nội dung Quy hoạch tỉnh gồm 15 nội dung cụ thể như sau:  1. Phân tích đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương  2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng đô thị và nông thôn  3. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh  4. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh  5. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội  6. Quy định tại điểm d, đ, e, f, g, h, i, k của Điều 27 Luật Quy hoạch  7. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai. . .  8. Phương hướng quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện  9. Phương án Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học  10. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên  11. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục tác hại do tài nguyên nước gây ra  12. Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu  13. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện  14. Giải pháp thực hiện  15. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, hệ thống bản đồ, dữ liệu. . .  - Báo cáo tổng hợp hiện tại đáp ứng được các nội dung 1 (tương ứng Mục 1- Phần nội dung) , nội dung 2 (Tương ứng Mục 2- Phần nội dung) , các nội dung còn lại theo yêu cầu chưa thấy trình bày trong báo cáo. Báo cáo mới phân tích, đánh giá hiện trạng, chưa đưa ra các nội dung quy hoạch cụ thê.  - Mục 3 và 4 phần Nội dung của Báo cáo Tổng hợp nên ghép lại vào Mục 2. Phần đánh giá thực trạng. Yêu cầu bổ sung chi tiết các nội dung từ 3 đến 14 trong báo cáo Tổng hợp; nội dung 15 cần thể hiện thông qua các phụ lục đi kèm.  Hiện tại Nội dung báo cáo Tổng hợp và báo cáo Tóm tắt không thống nhất với nhau, đề nghị ban soạn thảo xem xét lại.  1. 3. Về nội dung: Nội dung báo cáo tóm tắt hiện tương đồng và đáp ứng đúng theo các nội dung về Quy hoạch tỉnh tại điều số 28, Nghị định 37/2019/NĐ-CP.  - Tuy nhiên, nội dung Báo cáo tóm tắt chưa khớp với Báo cáo Tổng hợp, gây khó khăn cho việc theo dõi.  Các nội dung quy hoạch trình bày trong Báo cáo tóm tắt dưới dạng rút gọn, trong khi trong báo cáo Tổng lại không có các nội dung trình bày chi tiết. | Cấu trúc Báo cáo tổng hợp QHT đã tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 27 của Luật quy hoạch.  Cấu trúc báo cáo tóm tắt được rút gọn và tập trung vào các phương án phát triển chính của Tỉnh. |
| 2 | 2. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUÉ  Thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo trên tinh thần của Nghị quyết số 54- NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Như vậy, quy hoạch phải bám sát trên 4 trục quan điểm của Nghị quyết 54-NQ/TW đó là:  - Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa cả về kinh tế - xã hội, chính trị, quốc phòng và an ninh; không chỉ là của riêng Thừa Thiên Huế mà còn của cả vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước.  - Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế phải trên cơ sở khai thác, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, của vùng, nhất là sự kết hợp hài hoà giữa di sản văn hoá, lịch sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, vị trí cửa ngõ của hành lang kinh tế Đông - Tây và con người Huế. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái; giữa đô thị hoá với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá; giữa bảo tồn, giữ gìn truyền thống và phát huy các giá trị di sản, trong đó bảo tồn là cốt lõi; giữa phát triển đô thị di sản và phát triển thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó phát triển thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm điều kiện thuận lợi cho bảo tồn và phát triển đô thị di sản; giữa hỗ trợ của Trung ương và nỗ lực của địa phương.  - Tập trung nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ tiên tiến, hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp, tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và những ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế.  - Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng; sự năng động, thông minh, sáng tạo và tự lực, tự cường của người dân Huế. | Quan điểm phát triển trong quy hoạch tỉnh đã bám sát các quan điểm của Nghị định 54, tuy nhiên xin tiếp thu tại mục quan điểm trong báo cáo tổng hợp. |
| 3 | 3. MỘT SỐ GÓP Ý CHI TIẾT TRONG BÁO CÁO  2. 1. Về thời gian thực hiện: Quy hoạch cho giai đoạn 2021-2030, nhưng thời điểm hiện tại đã là cuối tháng 12/2022. | Thời kỳ quy hoạch đã được nêu tại Quyết định số 646/QĐ-Ttg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh |
|  | 2. 2. Đặt vấn đề: Cần nêu rõ thêm được tính cấp thiết của công tác quy hoạch để chuyển biến hoặc phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương. Những khó khăn, thách thức và thuận lợi khi lập quy hoạch nhằm giải quyết những vấn đề cần đạt được. | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục mở đầu của báo cáo tổng hợp. |
|  | 2. 3. Quan điểm và mục tiêu: Đối với tỉnh Thừa Thiên Huế cần phát huy thế mạnh, tiềm năng là cố độ trung tâm, trụ cột văn hoá của cả nước. Đây phải là quan điểm, mục tiêu lõi để phát triển trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Nhóm tác giả chủ yếu liệt kê một loạt các quan điểm và mục tiêu, tuy nhiên thiếu điểm nhấn và phân theo nhóm đảm bảo tính đặc thù của quy hoạch đảm báo phát huy thế mạnh của cố đô Huế và văn hoá truyền thống của người dân Huế; Tính kế thừa, tính thống nhất, tính tuân thủ quy trình quy hoạch và quy định hiện hành, tính mềm dẻo và linh hoạt, vv. | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục quan điểm và mục tiêu phát triển của quy hoạch tỉnh. |
|  | 2. 4. Phân tích điều kiện tự nhiên, bối cảnh: Cần làm rõ hơn bối cảnh gắn với Huế là trụ cột đô thị văn hoá của cả nước, có mối quan hệ với các vùng về văn hoá. Ở đây chưa làm rõ được việc phát triển thành thành phố nằm trong bối cảnh phải triển của vùng và của Việt nam với điều kiện Huế thành thành phố văn hoá trực thuộc Trung ương.  Mục 1: Phân tích, đánh giá, dự báo các yêu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung số liệu trong giai đoạn 2011-2020, một số chỉ tiêu đang để số liệu giai đoạn 2016-2020 (Mục 1. 3. 1. 3. Tài nguyên rừng và sinh vật; 1. 4. 4. Môi trường nước biển ven bờ; 1. 4. 5. Môi trường đất. . . ).  Mục 2: Đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế, rà soát lại số liệu năm 2021, không thể hiện trong các bảng biểu là năm 2021 (sơ bộ) | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục phân tích hiện trạng của quy hoạch tỉnh. |
|  | 2. 5. Đánh giá tiềm năng: Cần xem lại các tiêu chí đánh giá cho từng mục đích. Tuy nhiên vẫn đề cơ bản là phải gắn với việc hình thành trung tâm đô thị văn hoá của cả nước. Cụ thể như tiêu chí đánh giá tiềm năng nông nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp gắn với du lịch văn hoá. Tiêu chí tiềm năng du lịch nhưng gắn với văn hoá. Ở đây quy hoạch cần hướng tới là thành phố văn hoá vậy tiềm năng phát triển những mặt này ở những tiêu chí nào? Chỉ tiêu nào? Đây là cơ sở quan trọng cho công tác xây dựng mục tiêu, giải pháp mà quy hoạch hướng tới! | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục đánh giá tổng hợp trong báo cáo quy hoạch tỉnh. |
|  | Mục II. Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất ở Bảng 1. Tổng hợp đánh giá tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung các loại đất khác như: Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển công nghiệp; Tiềm năng phát triển du lịch; Tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ; Tiềm năng đất đai cho việc phát triển dân cư. . . ; Bổ sung biến động sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế; Bổ sung đánh giá chung về tình hình quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 tỉnh Thừa Thiên Huế.  Nhìn chung, ở Mục 2, cần bổ sung thêm các nhận định, đánh giá thuận lợi, khó khăn sau mỗi phần, mỗi bảng biểu, chủ yếu báo cáo tổng hợp mới chỉ liệt kê được hiện trạng để có cơ sở xây dựng các phương án quy hoạch | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục đánh giá tiềm năng đất đai và sử dụng đất. |
|  | 2. 6. Các vấn đề thực trạng quá chi tiết, những vấn đề này phải được thể hiện ở các chuyên đề riêng biệt. Ví dụ như phát triển hạ tầng, với báo cáo quy hoạch tỉnh không cần phải chi tiết tới từng công trình, cái đó được thể hiện trong chuyên đề riêng, còn trong báo cáo cấp tỉnh này chỉ thể hiện những đánh giá chung, đặc điểm cơ bản và đặc điểm khác biện có gắn với định hướng quy hoạch sau này. Hoặc phân tích hạ tầng gắn với liên kết vùng, gắn với phát triển huế thành thành phố văn hoá. Nhóm tác giả có nêu vấn đề thực trạng tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên điểm cần lưu ý trong lập quy hoạch, các áp lực chưa được phân tích kỹ. | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục đánh giá phát triển kết cấu hạ tầng trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 2. 7. Phân tích SWOT (trang 278-281) còn sơ sài, tiêu chí phải rõ ràng và gắn với hình thành và phát triển tỉnh Thừa thiên Huế trở thành thành phố văn hoá trực thuộc trung ương. Tiêu chí phải là những cốt lõi, những trụ cột cần đạt được hoặc cần giải quyết để đạt được mục tiêu. Đề mục có ghi “Phân tích SWOT”, nhưng nhóm tác giả cần ghi rõ Phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của chủ thể nào?).  Một số ý bị lẫn cột, lẫn ô: Ví dụ: “Sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Chính phủ” - yếu tố này là cơ hội, không phải điểm mạnh (S) của TT Huế. Phần cơ hội có ý b và e bị trùng- hành lang kinh tế. Thiếu các con số cụ thể làm cơ sở lập quy hoạch nhằm cải thiện và đối sánh với thực trạng. Cấu trúc bảng ma trận SWOT thiếu kỹ thuật xếp theo từng vế đối xứng để quá trình lập quy hoạch tận dụng được thế mạnh, khắc phục điểm yếu (W-O) , biến nguy thành cơ (T-O). Bảng SWOT chưa gắn với các tồn tại trình bày tại trang 283. | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục phân tích SWOT của báo cáo tổng hợp. |
|  | 2. 8. Các ví dụ về các thành phố phải có ý tương đồng và phân tích những chỉ tiêu cần đạt tới để Huế trở thành thành phố văn hoá trực thuộc trung ương. Đặc biệt cách xây dựng mục tiêu, giải pháp, cách làm của các thành phố tham khảo để Huế có thể áp dụng hoặc làm theo! | Nội dung này xin được tiếp thu và làm rõ trong mục quan điểm và mục tiêu phát triển của Thừa Thiên Huế. Theo NQ54 Thừa Thiên Huế là thành phố trực thuộc TW trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh. Do đó, bên cạnh nhấn mạnh đến bản sắc văn hóa di sản của mình, vẫn cần phát triển kinh tế và đô thị theo mô hình và xu hướng chung của các thành phố khác trong nước và quốc tế. |
|  | 2. 9. Định hướng phát triển không gian: Làm rõ tính kết nối giữa đô thị lõi TP Huế với các đô thị và các khu chức năng khác thông qua liên kết cứng như giao thông, khu cụm công nghiệp. . . và liên kết mềm đó là hỗ trợ về văn hoá, về nguồn lực. . . . | Theo sơ đồ ở phía trên định hướng phát triển không gian TTH sẽ dựa trên hệ thống hạ tầng khung giao thông: tuyến ven biển, hành lang Bắc Nam, Tuyến đường HCM, và tuyến giao thông kết nối ngang từ phía biển lên là quốc lộ 49 cũ, và QL 49 E và 49 F.  Định hướng không gian phát triển: đưa ra mô hình phù hợp với chiến lược phát triển đô thị và các khu chức năng hạn chế tối đa những rủi ro của tự nhiên, tôn trọng các hành lang bảo vệ bờ biển, hành lang bảo vệ thiên nhiên và đa dang sinh học. Áp dụng ***Mô hình tuyến tính các dải chức năng song hành***   1. Không gian biển (Vùng ven bờ, vùng biển và hải đảo) :  * Liên kết các hệ thống các cảng: Chân Mây – Lăng Cô tổng hợp loại I, Cảng Thuận An, Cảng chuyên ngành (quy hoạch) Phong Điền * Hành lang phát triển các trung tâm hậu cần kinh tế biển gắn với hệ thống cảng và các hoạt động kinh tế biển.  1. Khu vực vùng ven biển, hành lang bảo vệ thiên nhiên  * Khu vực hành lang xanh bảo vệ bờ biển và các khu vực phát triển các hoạt động du lịch, dịch vụ…có kiểm soát * Khu vực được phép phát triển: khu vực phát triên đô thị, công nghiệp, dịch vụ và các khu chức năng chạy dọc theo các tuyến hành lang giao thông chính * Khu vực khuyến khích phát triển các hoạt động đô thị, công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp đô thị. * Hành lang phát triển các nhóm đô thị trung tâm lõi: Cụm Huế - Hương Thủy- Hương Trà; Chân Mây Lăng cô, phía Đông Nam, Phong Điền phía Tây Bắc là hạt nhân phát triển liên kết.  1. Các vùng bảo vệ thiên nhiên và phát triển hạn chế:  * Hình thành hành lang phát triển đô thị hậu cần ở phía Tây với 3 trung tâm: Lâm Đớt – A Lưới – Hồng Vân * Không gian bảo tồn thiên nhiên quốc gia, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng sản xuất và các khu vực trồng lúa, trồng màu và cây lâu năm. |
|  | 2. 10. Không gian sản xuất nông nghiệp chưa được đề cập: Bản chất nông nghiệp trong giai đoạn 2021 - 2030 là yếu tố quan trọng tạo nền tảng cho đô thị hoá nhất là các huyện ngoại thành, miền núi. Nông nghiệp gắn với văn hoá, gắn với du lịch gắn với không gian trống khi tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương. | Tiếp thu ý kiến, đã làm rõ không gian phát triển nông nghiệp trong phần định hướng cũng như chỉ tiêu sử dụng đất của các khu chức năng thuộc nội dung phương án phân bổ đất đai. |
|  | 2. 11. Phương án phát triển sản xuất: Trong công tác quy hoạch thì phương án phát triển sản xuất, phương án phân vùng sản xuất cần được đề cao và có giải pháp phù hợp. Đây chính là điều kiện là cơ sở để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân số, tăng thu nhập của người dân.  Ví dụ:  + Bảng 57, trang 537 cho thấy:  - Quy hoạch đất nông nghiệp: một số chỉ tiêu về đất nông nghiệp cấp tỉnh xác định lớn hơn cấp quốc gia phân bổ (Đất trồng lúa cấp tỉnh xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ 458 ha, đặc biệt Đất chuyên trồng lúa nước cấp tỉnh xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ 1. 903 ha. . . ) , UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cần có phương án giải trình rõ nguyên nhân khi xác định các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh thấp hơn so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ.  Quy hoạch đất phi nông nghiệp: Đất khu công nghiệp, cấp tỉnh xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ 5. 515 ha, đến năm 2030, tỉnh Thừa Thiên Huế có 8. 193 ha đất khu công nghiệp, diện tích đất khu công nghiệp gấp khoảng 6 lần so với hiện trạng năm 2021 (1. 362 ha). Theo đánh giá hiện trạng các khu công nghiệp  tại trang 139, hiện nay diện tích lấp đầy trong khu công nghiệp là 423, 6/1. 362 ha (không bao gồm các diện tích thuê bởi các nhà phát triển hạ tầng KCN); Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ 10. 754 ha. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cần có phương án giải trình rõ nguyên nhân khi xác định các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp của tỉnh cao hơn so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ.  + Đề nghị rà soát lại số liệu của thành phố Huế trong bảng 58 (trang 539) đến bảng 76 (trang 554). Ví dụ bảng 58, tất cả các huyện đều có diện tích đất nông nghiệp phân bổ đến năm 2030 giảm, thành phố Huế tăng 10. 339 ha; ở bảng 59 diện tích đất trồng lúa thành phố Huế tăng 1. 962 ha so với năm 2020. . . Dự kiến thành phố Huế chia thành 2 quận và không thấy thể hiện mở rộng thành phố Huế, nếu có mở rộng tổng diện tích tự nhiên thành phố Huế thì cần thể hiện rõ trong báo cáo tổng hợp. | Hiện nay UBND tỉnh đã thống nhất phương án phát triển để Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc TW từ nay đến 2025. Đồng thời, để đạt được các chỉ tiêu mà nghị quyết Số: 54-NQ/TW Nghị quyết của Bộ Chính Trị về xây dựng và phát triển tỉnh thừa thiên huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thì nhu cầu về đất cho phát triển công nghiệp, đô thị cũng như phát triển hạ tầng của tỉnh là rất cao. Các chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại quyết định số 326/QĐ-TTg sẽ không đảm bảo thực hiện các mục tiêu nêu trên. Phương án đề xuất của tỉnh do đó cần sử dụng và chuyển đổi nhiều chỉ tiêu đất nông nghiệp hơn so với phân bổ của thủ tướng chính phủ, phương án đề xuất như vậy là đảm bảo và đảm bảo đủ điều kiện quỹ đất để Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc TW và đạt được các mục tiêu chính mà nghị quyết số 54 đề ra cho tỉnh. |
|  | 2. 12. Giải pháp: Với đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế nên đề cao giải pháp bảo tồn và phát huy thế mạnh của các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống đây chính là cơ sở để hình thành thành phố văn hoá. | Nội dung này xin được tiếp thu làm rõ trong phương án phát triển |
|  | 2. 13. Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia (Tại mục 9. 1. 2)  - Đề nghị bổ sung: Quan điểm, mục tiêu, tiêu chí của phân vùng môi trường - Nội dung phân vùng: Cần rà soát kỹ theo điều số 22, Mục 1, Chương 3, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Yêu cầu chỉnh sửa:  + Trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Báo cáo tóm tắt đưa vào đối tượng là “khoảng 173 di tích được xếp hạng” để nghị viết rõ và rà soát lại vì chỉ có các di tích thuộc khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa mới được xếp vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt.  + Trong vùng hạn chế phát thải: Rà soát, bổ sung các khu vực thuộc nhóm đối tượng “Khu vui chơi, giải trí dưới nước” và “Khu vực nhạy cảm, dễ bị tổn thương” trên địa bàn tỉnh.  - Bổ sung nội dung “Định hướng bảo vệ môi trường” cho từng vùng cụ thể | Tiếp thu góp ý về quan điểm, mục tiêu phân vùng môi trường, đối với tiêu chí PVMT hiện nay đã dựa trên quy định của pháp luật hiện hành (Theo khoản 3, Điều 10 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phân vùng môi trường trong nội dung BVMT của quy hoạch tỉnh được thực hiện dựa trên các quy định tại Điểm b khoản 9, Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 và các khoản 2, 3, 4, Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).   * Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu vực bảo vệ 1 của 173 di tích lịch sử - văn hóa (Công văn số 3609/UBND-TN ngày 15/4/2022 về việc cung cấp thông tin phục vụ xây dựng quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế). * Vùng hạn chế phát thải: Đã có bổ sung các khu vực thuộc nhóm đối tượng “Khu vui chơi, giải trí dưới nước” trên Sông Hương và “Khu vực nhạy cảm, dễ bị tổn thương” trên Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân.   Đã bổ sung nội dung “Định hướng bảo vệ môi trường” cho từng phân vùng môi trường. |
|  | 2. 14. Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, bản đồ, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu vảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh (tại mục 9. 1. 3)  Đề nghị tập trung làm rõ các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh theo các đối tượng như sau: (1) Khu vực đa dạng sinh học cao, (2) Vùng đất ngập nước quan trọng, (3) Khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, (4) Hành lang đa dạng sinh học, (5) Khu bảo tồn thiên nhiên, (6) Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Trong đó, đối với mỗi đối tượng cần xác định cụ thể về: tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý và cần được thể hiện trên bản đồ quy hoạch tỉnh. Bổ sung các dự án phục hồi sinh thái cho các khu vực quan trọng, chú trọng vấn đề sinh vật ngoại lai xâm lấn trong điều kiện biến đổi khí hậu vào danh mục dự án ưu tiên đầu tư. | Tiếp thu và cập nhật các nội dung góp ý vào Báo cáo tại phần xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, bản đồ, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. |
|  | 2. 15. Tại mục 9. 1. 4 - Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh  - Chỉ rõ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện có bao nhiêu khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, vùng (liên tỉnh) >  + Nếu không có không phải trình bày; các khu vực xử lý chất thải nội tỉnh (Liên huyện) không phải đổi tượng thuộc nội dung này.  + Nếu có phải trình bày cụ thể: Vị trí, diện tích, công suất, công nghệ xử lý và định hướng xử lý cho từng loại chất thải > Báo cáo đang nói rất chung chung | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật, bổ sung trong báo cáo tổng hợp quy hoạch.  Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện không có khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, vùng (liên tỉnh). |
|  | 2. 16. Tại mục 9. 1. 5 – Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liễn tỉnh và tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia  - Đề nghị viết rõ ràng phân tách theo từng thành phần môi trường cụ thể, trong đó chia rõ thành: Hiện trạng: số điểm, thông số quan trắc, tần số quan trắc; Định hướng phát triển (bổ sung hoặc điều chỉnh) cho giai đoạn 2021 – 2030; và 2030 - 2050;  - Bô sung nội dung: Quan trắc đa dạng sinh học; nội dung phát triển các trạm quan trắc tự động đối với môi trường nước, không khí và quan trắc chất thải trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ nay đến 2030 và 2030 đến 2045. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật, bổ sung vào Báo cáo các nội dung theo góp ý |
|  | 1. 17. Tại mục 9. 1. 6 - Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh  - Chỉ rõ các chỉ tiêu đối với 3 loại rừng: Đặc dụng, phòng hộ và sản xuất theo các giai đoạn từ nay đến 2030; từ 2030 – 2050  - Chỉ rõ số liệu quy mô ba loại rừng trong báo cáo tóm tắt là diện tích hiện trạng hay diện tích phấn đấu đến năm 2030, hay đến năm 2050.   Bổ sung các giải pháp phát triển rừng bền vững cho từng giai đoạn cụ thể  - bô sung nội dung “đầu tư phát triển mô hình quản lý lâm nghiệp cộng đồng và phát triển dịch vụ sinh thái, thiết lập hệ thống nguồn giống lâm nghiệp” trong phương án phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp. | Tiếp thu góp ý và đã làm rõ trong phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trong trong Báo cáo tổng hợp |
|  | 2. Góp ý với: Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh (Mục 9. 2 \_ Báo cáo tóm tắt)  - Nội dung trong báo cáo tóm tắt quá sơ sài, chưa thể hiện hết nội dụng của Phương án, trong khi đó Báo cáo Tổng hợp lại không có nội dung này > Khó góp ý cụ thể  - Nội dung phương án này cần thể hiện rõ các vấn đề sau:  + Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản (Vùng do Quốc gia quản lý, do Bộ Tài nguyên và MT quản lý; vùng thuộc thẩm quyền của Tỉnh quản lý; vùng cấm, tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản)  + Khoanh định chi tiết khu vực mỏ (tọa độ khép góc) , loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác; tiến độ thăm dò, khai thác ) Áp dụng với các mỏ thuộc thẩm quyền quản lý của Tỉnh.  + Các giải pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản  Ghi chú: Do không có nội dung cụ thể nên không thể góp ý sâu hơn | Tiếp thu góp ý và đã làm rõ trong phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh trong Báo cáo tổng hợp |
|  | 2. 18. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục phục hậu quả tác hại do nước gây ra (Mục 9. 3 – Báo cáo tóm tắt)  - Mục 9. 3. 1. 1. - Phân vùng chức năng nguồn nước: Cần chỉ rõ các khu vực tài nguyên nước sử dụng cho các mục đích khác nhau như: Sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp và các mục đích khác  - Mục 9. 3. 1. 2. – Phân bổ nguồn nước: Cần được chỉ rõ.  + Nguyên tắc phân bổ (Trong điều kiện bình thường và Trong trường hợp hạn hán, khan hiếm tài nguyên nước)  + Lượng nước khai thác, phân bổ: Nội dung này trong báo cáo tóm tắt đã trình bày được Phương án 1 và Phương án 2 > Nhưng các phương án này cần phải xây dựng dựa trên Hiện trạng tài nguyên nước, nhu cầu sử dụng nước và hiện trạng khai thác nước cụ thê trong từng giai đoạn của tỉnh để thực hiện cho phù hợp  + Thứ tự ưu tiên trong phân bố tài nguyên nước  + Các biện pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên nước  Góp ý chung: theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và không trái với pháp luật tài nguyên nước thì sản phẩm đầu ra của các phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch phải xây dựng được:  + Các danh mục về chức năng cơ bản nguồn nước; Lượng nước có thể khai thác, sử dụng; dòng chảy tối thiểu; Nhu cầu khai thác, sử dụng nước; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng; Nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; Mạng giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước, . . . Trong đó, danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bao gồm tất cả các công trình, biện pháp công trình như hồ, đập thủy lợi, thủy điện; cống, trạm bơm. . . có nhiệm vụ điều tiết, phân bổ tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch. Trường hợp quy hoạch tỉnh có đề xuất xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước (quy định tại Điều 53 của Luật tài nguyên nước) , phải không trái với quy định tại khoản 10 Điều 9 của Luật tài nguyên nước về hành vi bị nghiêm cấm là xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái với quy hoạch về tài nguyên nước.  + Các danh mục về nguồn nước nội tỉnh; danh mục hồ, ao cấm san lấp; danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. . . làm căn cứ xác định phương án cụ thể về việc khoanh định các loại đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng (theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP về lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất) và căn cứ để đánh giá khả năng chịu tải đối với sông, hồ theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường từ đó đề xuất được các phương án bảo vệ tài nguyên nước, lưu thông dòng chảy tích trữ nước, chống ngập úng. . . | Tiếp thu góp ý, các nội dung này đã được làm rõ trong phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong Báo cáo tổng hợp. |
|  | 2. 19. Phương án Phòng chống, thiên tai và ứng phó với Biến đổi khí hậu  Nội dung phân vùng thiên tai: Bổ sung bản đồ phân vùng và nội dung lựa chọn kịch bản phòng chống thiên tai phù hợp với kịch bản phát triển của tỉnh;  - Trong nội dung xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với BĐKH làm rõ các vấn đề sau:  + Phương án quản lý rủi ro cho từng vùng và loại hình thiên tai;  + Xác định cụ thể mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất.  + Trên cơ sở xác định mức đảm bảo phòng, chống lũ đối với từng khu vực, không gian thoát lũ của các tuyến sông trên địa bàn tỉnh, đề xuất phương án, giải pháp thực hiện, bao gồm giải pháp công trình, phi công trình, phát triển hệ thống đê điều (nếu có).  Về phương án ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh: đề nghị nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố vào tháng 12/2021. Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu để xác định mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính vào năm 2030 nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.  Ngoài ra, báo cáo quy hoạch có liên quan đến lãnh thổ quốc gia và địa phương tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm vùng trời, vùng biển hải đảo và mặt đất nhưng giới hạn phạm vi quy hoạch nêu không rõ cơ sở xác định chỉ quy hoạch vùng đất liền, vùng biển tính từ bờ biển trở ra 6 hải lý? cơ sở căn cứ nào, địa phương có hay không khai thác vùng vịnh Lăng Cô? vần đề khai thác phát triển đường đi tàu biển, thuyền vận tải khu cảng Thuận An và vịnh Chân Mây ra sao? cảng biển cho du thuyền du lịch, Rất có ý nghĩa trong phát triển kinh tế biển của địa phương? vần đề không gian cho vận tải hang không  Không nêu phương pháp thực hiện vì với kết quả trình bày chủ yếu dung phương pháp đơn giản, thống kê, chưa thấy nhiều ứng dụng công nghệ (GIS, RS, GPS) trong đánh giá thực trạng quản lý sử dụng các nguồn lực, cũng như mô hình dự báo trong khai thác tài nguyê các lĩnh vực. Đối với quy hoạch tỉnh liên quan đến không gian trong đánh giá và dự báo xu thé  Đánh giá thực trạng nên chi tiết theo vùng và địa phương quản lý hành chính về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên biển, tài nguyên nhân văn, tài nguyên rừng, tài nguyên du lịch. . .  Đánh giá cần bổ sung về số liệu khoa học cho sát thực tiễn hơn về suy thoái tài nguyên đất, tài nguyên nước, vấn đề sạt lở vùng núi phía Tây, vùng đất cát ven biển, sâm lấn biển vùng ven biển, vấn đề ngập lụt, đầm pha, sụt giảm tài nguyên ngước ngầm. . .  Trong phân tích thách thức cần sát và trong xu thế thời đại khoa học công nghệ: Ví dụ: Thách thức ngoài Covid 19 còn dịch bệnh khác như dịch tả, cúm hoặc ảnh hưởng về BĐKH (xói mòn, sạt lở núi, nước biển dâng. . . . )  Quan điểm quy hoạch cần bổ sung về phát triển nông nghiệp vì dụ tạo sản phẩm phục vụ du lịch đô thị, du lịch tâm linh, hiện nay quy đất sử dụng trong nông nghiệp (nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản. . . ) chiếm 81% (401565 ha) , quy hoạch 2030 chiếm 76, 86% (380258 ha) , đất phi nông nghiệp hiện trạng 17% (87083ha) , quy hoạch chiếm 22, 75% (112533 ha)  Quy hoạch khai thác tài nguyên đất nên bổ sung trên cơ sở minh chứng bằng kết quả đánh giá thích hợp đất đai khu vực cho mục đích phi nông nghiệp (xây dựng đô thị, khu công nghiệp, thương mại dịch vụ, vùng du lịc tâm linh. . . . . ) cho mực đích nông nghiệp thích hợp cho vùng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, vùng trồng rừng sản xuất, vùng rừng đặc dụng. nhất là vùng đa mục đích cho sản phẩm nông nghiệp phục vụ du lịch. .  Cần có quy hoạch vùng biển và đới bờ tỉnh để phát triển tổng thể tỉnh Thừa Thiên Huế  Trong phương án quy hoạch không nên quy hoạch mới khu nghĩa trang nghĩa địa, cần có quy hoạch theo hướng hỏa táng và cảnh quan không gian môi trường. . .  Trong quy hoạch chưa quan tâm nhiều đến vấn đề quản lý sử dụng tài nguyên theo lực vực: VD: Lưu vực sông, lưu vực ven biển, lưu vực đầm phá. . .  Các nhóm giải pháp còn chung chung, giải pháp nên cụ thể để hực hiện quy hoạch tỉnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. . . . Ví dụ: Báo cáo chưa thấy giải pháp chuyển đổi số áp dụng trong các ngành. Bổ sung các chương trình và hoạch cắt giảm khí phát thải nhà kính theo cam kết của chính phủ Việt Nam về việc trung hoà phát thải khí CO2 vào năm 2050. | - Chuyên đề sẽ nghiên cứu bổ sung bản đồ phân vùng và nội dung lựa chọn kịch bản phòng chống thiên tai phù hợp với kịch bản phát triển của tỉnh.  + Căn cứ vào Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai  + Căn cứ vào Công văn 5858/BNN-PCTT 2021 phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trong quy hoạch tỉnh  + Chuyên đề sẽ có phương án, giải pháp với từng vùng và các loại hình thiên tai.  + Mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất hiện đã được nêu tại trang 457 và trang 620 trong báo cáo tổng hợp.  + Các giải pháp công trình, phi công trình, phát triển hệ thống đê điều đã được nêu ở trang 621 của bảo cáo tổng hợp. |
| 4 | 4. CÁC Ý KIẾN KHÁC  4. 1. Ở phần bối cảnh quốc tế  Quy hoạch đã chú ý đề cập đến 10 điểm lớn quốc tế, đề nghị nghiên cứu thêm 3 điểm sau đây:  - Cuộc xung đột quân sự diễn ra giữa Nga – Ukraina là một biểu hiện cuối cùng của chỉ dẫn: thế giới đơn cực đã không còn mà thay vào đó là thế giới đa cực đang hình thành để đến lúc ổn định còn rất nhiều biến cố phức tạp chi phối, tác động đến toàn cầu trên tất cả các phương diện, đời sống, kinh tế. . . của tất thảy các quốc gia nói chung, nhất là khu vực Thái Bình Dương, trong đó có nước ta.  - Biến đổi khí hậu – một nhân tố cực đoan, điển hình mà chúng ta phải đối mặt đòi hỏi phải có cách nhìn cũng như nhận thức đúng tầm để xác định một hướng phát triển bền vững, thích ứng trong toàn thể chuỗi hoạt động kinh tế, đời sống  - Kinh tế tuần hoàn trở thành phương thức tất yếu với mọi nền kinh tế, mọi quốc gia. | Tiếp thu ý kiến và làm rõ tại mục bối cảnh quy hoạch trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 4. 2. Ở phần bối cảnh trong nước  Quy hoạch đã đề cập và lưu ý đến 15 điểm tác động đến quá trình phát triển và tầm nhìn đã xác định trong quy hoạch, có 3 điểm xin đề xuất nghiên cứu thêm:  - Nguy cơ lớn bao trùm cần xác định rõ để có các biện pháp cấp tỉnh, vùng, quốc gia là thách thức không vượt qua bằng thu nhập trung bình và rơi vào tình trạng già hóa dân số trước khi giàu. Đây là sự thách thức gay gắt, bao trùm.  - An ninh nguồn nước hết sức gay gắt toàn thể vùng kinh tế - xã hội, trong đó đặc biệt 2 khu vực đồng bằng châu thổ lớn gắn với 2 hệ thống sông quốc tế: Đồng bằng sông Cửu Long với>90% lượng nước phụ thuộc các nước vùng thượng nguồn và đồng bằng sông Hồng với 60% lượng nước lưu vực sông Hồng thuộc ngoài biên giới. Và an ninh nguồn nước gay gắt không chỉ diễn ra ở việc thiếu nguồn nước mà phải tính đến việc nước lũ lụt, đại hồng thủy trước tác động mưa cực đoan của biến đổi khí hậu và sự phát triển vô lối phía thượng nguồn. | Tiếp thu ý kiến và làm rõ tại mục bối cảnh quy hoạch trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 4. 3. Bối cảnh khu vực miền Trung có điểm đáng chú ý thêm:  - Thiếu các thiết chế hạ tầng lớn hiện đại cho khai thác, phát triển kinh tế biển, một tuyến kinh tế trọng yếu của vùng cũng như thúc đẩy hội nhập kinh tế. Từ các cảng lớn hiện đại, hệ thống logictic, các phương tiện vận tải lớn quốc tế đến các thiết chế hạ tầng của ngành khai thác, nuôi trồng chế biến thủy hải sản (lợi thế chuyên biệt của vùng duyên hải).  - Toàn bộ tuyến sườn Tây vùng đông dãy Trường Sơn – áo giáp sinh học cho sự phát triển bền vững đã, đang bị đe dọa nghiêm trọng của sạt lở, lũ ống, lũ quét cùng các dạng dị hình thiên tai thực sự là cản trở thách thức lớn cho sự phát triển bền vững  Yếu tố liên kết vùng yếu, lỏng lẻo, thiếu các thiết chế hạ tầng hạt nhân có tính lan tỏa thúc đẩy toàn vùng, giao thông mới chú ý đến trục dọc các tuyến trục ngang khai thác toàn vùng miền Tây và phía Đông biển chưa được chú ý nhiều. Hầu hết các tỉnh trong vùng đều có mô hình phát triển na ná, không rõ tính đặc sắc, khai thác lợi thế riêng biệt để tạo ra sức mạnh tổng thể vùng. | Tiếp thu ý kiến và làm rõ tại mục bối cảnh quy hoạch trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 4. 4. Phần đánh giá tiềm năng lợi thế của Thừa Thiên Huế  Cần nhấn mạnh được 3 lợi thế của tỉnh  - Địa thế, địa hình, địa mạo, đặc biệt đã tạo nên thế mạnh tự nhiên “hoành sơn nhất dải, vạn đại chung thân. Thế núi, thế rừng, thế biển không chỉ bao la hùng vĩ mà còn đậm nét, sắc cảnh hữu tình (sông Hương, núi Ngự Bình, phá Tam Giang, vườn Bạch Mã).  - Cố đô với 13 đời vua Nguyễn; triều Đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam với nhiều thiết chế hạ tầng văn hóa vật thể, phi vật thể cũng như nét văn hóa tổng thể đặc trưng khác, đây chính là hồn cốt đặc sắc và lâu dài cho sự phát triển một nền kinh tế đậm đà tính đặc sắc của Thừa Thiên Huế.  - Dãy núi đá vôi - ở phần cuối dải Trường Sơn đâm ngang ra biển Đông đã tạo nên 1 bức tường tự nhiên, tạo ra tiểu khí hậu đặc trưng xứ Huế mà vượt qua dãy núi phía Nam sẽ là khác. Cùng với vị trí Cố đô trên 200 năm đã để lại kho tàng văn hóa đặc sắc, trong đó có ẩm thực 1. 600 món ăn trong tổng số 2000 món ăn ẩm thực Việt Nam, hệ thống cây trồng, vật nuôi tổng hợp cả 2 miền Bắc-Nam. Đây thực sự sẽ là 1 tiềm năng, 1 kho tàng cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng, phong phú trong bức tranh kinh tế du lịch dịch vụ mũi nhọn của tỉnh Thừa Thiên Huế. | Tiếp thu ý kiến và làm rõ tại mục đánh giá tổng hợp trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 4. 5. Phần mục tiêu tổng quát  - Trong định hướng của quy hoạch có đề cập nội dung tổng quát tại 3. 2. 1 (trang 17) xây dựng nền móng cho sự phát triển bền vững 3 trụ cột: kinh tế - xã hội – môi trường, điều đó là hoàn toàn đúng. Xong theo chúng tôi chưa đủ mà cần phải có thêm thành tố trụ cột thứ 4 đó là Văn hóa. Vì như vậy mới khẳng định lợi thế của Thừa Thiên Huế, đồng thời cái khác biệt, đặc trưng chỉ có Huế mới có được do lịch sử tạo nên và trở thành nhân lõi của sự phát triển kinh tế đặc thù. | Tiếp thu ý kiến và làm rõ tại mục quan điểm và mục tiêu phát triển trong báo cáo tổng hợp. |
|  | 4. 6. Về tỷ lệ, tốc độ đô thị hóa và dân số  Cần tính toán chặt chẽ thêm tốc độc phát triển đô thị hóa để đảm bảo tính đặc trưng, bền vững và khả thi.  - Hiện nay 39% đến 2021 – 2025 đưa lên 65-70% và kỳ 2026 – 2030 là >80%. Vậy có khả thi không? Phần dân số cũng vậy.  - Theo chúng tôi cần tính toán thật kỹ để:  - Với TT Huế không cần phải có tốc độ đô thị hóa quá nhanh (thậm chí vượt xa mục tiêu trên toàn quốc). Vì như vậy sẽ phá vỡ cân bằng tự nhiên cũng như sự duy trì bảo tồn, nuôi dưỡng nền văn hóa đặc biệt.  - Cảnh quan thiên nhiên của TT Huế gắn với các vùng nông thôn trên nền tảng phát huy kho tàng cây trồng vật nuôi đặc sản cùng với món ăn ẩm thực, sự dung dị nhẹ nhàng con người xứ Huế sẽ là 1 vùng nông thôn đáng sống, miền đất hứa cho trải nghiệm du lịch của bạn bè trong và ngoài tỉnh. | Việc tăng tỷ lệ đô thị hóa là phù hợp với định hướng phát triển Thành phố trực thuộc TW theo nghị quyết 54.  Đô thị hóa là xu hướng tất yếu trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và cải thiện mức sống của người dân. Không có sự mâu thuẩn giữa đô thị hóa và sự mất cân bằng về văn hóa. Cần lưu ý, các di sản văn hóa nổi bật của Việt Nam hiên nay như Huế, Hà Nội, Hội An… đều xuất phát điểm là các đô thị xưa. |
|  | 4. 7. Phần phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng  Khu vực nông nghiệp, nông thôn có vai trò quan trọng và ý nghĩa đặc biệt trong quá trình phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế góp phần tạo nên nét đặc trưng vốn có của Huế. Trong đó có một số vấn đề cần nhấn mạnh hơn:  Một, chú trọng đặc biệt đến sự phát triển bền vững và kinh tế rừng. Với đặc điểm địa hình dốc từ Tây sang Đông, cùng với đặc điểm dãy núi Bạch Mã đâm ngang tạo vách ngăn cách giữa 2 phần Nam Bắc đã tạo nên tiểu khí hậu đặc trưng của Thừa Thiên Huế lượng mưa rất lớn, tập trung theo mùa, thậm chí có những năm tới 6000mm tại vùng Bạch Mã. Chính vì thế, rừng trở thành nhân tố sống còn cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Đồng thời với đặc điểm địa hình cao thấp khác nhau, thổ nhưỡng phong phú, giao hòa giữa Nam – Bắc, sự đa dạng sinh học cao. Do vậy, 320. 000 ha rừng thực sự là nguồn tài nguyên quý đáp ứng mục tiêu kép, vừa tạo nên yếu tố then chốt cho kịch bản phát triển bền vững, vừa hình thành một ngành kinh tế rừng nông – lâm – dược liệu trên đó. Do vậy, trong nông nghiệp phải coi trọng kinh tế rừng như là một trong những trụ cột quan trọng nhất.  Hai, thủy sản, với chiều dài bờ biển 120km gắn phạm vi ngư trường, cùng với vùng nước lợ “phá tam giang”, một hệ phá lớn nhất Đông Nam Á, đủ điều kiện để xây dựng và phát triển ngành thủy sản đặc trưng trên cơ sở khai thác hợp lý, cân bằng nguồn tài nguyên, kết hợp sự phát triển du lịch, trong bức tranh kinh tế nông thôn mang bản sắc riêng của Thừa Thiên Huế.  Ba, do đặc điểm ở vùng chuyển giao giữa 2 vùng Nam- Bắc. Cùng với đặc điểm trên 200 năm cố đô triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam đã tạo nên cho Thừa Thiên Huế có được bộ giống cây trồng vật nuôi phong phú, đặc sản. Đây là cơ sở nền tảng rất tốt cho định hướng phát triển một nền nông nghiệp đặc sắc. Nếu kết hợp các công nghệ hiện đại cùng với phương thức sản xuất tiên tiến, sẽ tạo nên những sản phẩm đặc hữu Occop, một trong những hướng đi riêng của nền nông nghiệp Thừa Thiên Huế.  Bốn, Định hướng phát triển nông thôn  Với đặc điểm địa hình cảnh quan thiên nhiên sẵn có, các thiết chế văn hóa đặc sắc cố đô Huế cùng các làng nghề trăm năm phát triển, cần thiết bảo tồn, nhân mở để vùng nông thôn thực sự trở thành khu vực có bản sắc riêng, đủ sức hấp dẫn trong bức tranh tổng thể du lịch, dịch vụ, nền tảng của kinh tế Thừa Thiên Huế. | Quy hoạch xác định nông nghiệp, nông thôn có ý nghĩa lớn trong phát triển hài hòa, tăng thu nhập bình quân của tỉnh. Tuy nhiên, xác định nông nghiệp, nông thôn là ngành đặc biệt quan trọng là không phù hợp với Nghị quyết 54 về phát triển Thừa Thiên Huế, xu thế phát triển chung, cũng như quy hoạch phát triển tổng thể quốc gia.  Về kinh tế rừng, kinh tế thủy sản, quy hoạch tiếp thu và đã đề cập trong báo cáo tổng thể.  Theo nghị quyết 54 giai đoạn **2021- 2025:** tỷ lệ đô thị hóa đạt **62-65%**; giai đoạn **2026-2030:đạt 65- 70%.**  Hiện trạng năm 2021 tỷ lệ đô thị hóa 55, 5%. Với tỷ lệ **đang đề xuất** hiện nay là **giai đoạn 2021-2025 là 64%** **và giai đoạn 2026 – 2030 là 67%.** P**hù hợp với lộ trình thực hiện theo nghị quyết 54.**  Thừa Thiên Huế đến 2025 trở thành thành phố trực thuộc trung ương, do vậy c**ó sự sắp xếp đơn vị hành chính xã lên phường, và việc hình thành các quận nội thành trong tương tai cũng gia tăng tỷ lệ đô thị hóa mạnh hơn.** |

## Nguyễn Xuân Hoa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Theo tôi, để hoàn thiện các Báo cáo, cần lưu ý xem xét điều chỉnh một số điểm, đặc biệt là những nội dung có liên quan về văn hóa du lịch. Cụ thể là:  2.1. Trước hết, về tính đặc thù, mang lợi thế so sánh khác biệt của Thừa Thiên Huế cần được khai thác, phát huy để tạo động lực phát triển và tranh thủ sự ủng hộ của trung ương là cần khẳng định ngay trong phần mở đầu của Báo cáo quy hoạch, về “yếu tố lịch sử văn hóa” (trang 21 của Báo cáo tổng hợp, trang 5 của Báo cáo tóm tắt) là: “Trải qua hơn 300 năm (1626 - 1945), Thừa Thiên Huế đã từng là Thủ phủ của Đảng Trong và là kinh đô thống nhất của cả nước dưới triều Tây Sơn và triều Nguyễn, là nơi hội tụ, kết tinh nhiều giá trị truyền thống về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học của đất nước. Với vị thế của cổ đô, ngày nay Thừa Thiên Huế đang phát triển thành một trong những trung tâm văn hóa du lịch đặc sắc, trung tâm khoa học, giáo dục, y tế của đất nước; đang được trung ương định hướng xây dựng thành một đô thị di sản cấp quốc gia, một thành phố trực thuộc trung ương”. Rất tiếc, những yếu tố này chưa được Báo cáo đề cập trong phần giới thiệu về “yếu tố lịch sử văn hóa” của Thừa Thiên Huế. | Tiếp thu và đã bổ sung tại mục 2.2.1. Các yếu tố lịch sử. |
|  | 2.2. Việc xác định “Bảo tồn và phát huy các di sản lịch sử, văn hóa và thiên nhiên” là một trong 5 khâu đột phá của Thừa Thiên Huế (trang 318 Báo cáo tổng hợp, trang 15 Báo cáo tóm tắt) là xác đáng, nhưng nội dung diễn đạt chưa thể hiện được yếu tố đột phá. Theo tôi, cần nhấn mạnh đến việc xây dựng Huế xứng tầm là đô thị lịch sử, đô thị di sản cấp quốc gia, là thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam và châu Á.  Tương tự như thế, về “Định hướng phát triển văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế” (trang 374 - 380 Báo cáo tổng hợp, trang 24 - 25 Báo cáo tóm tắt) chủ yếu mới trình bày các nhiệm vụ của ngành văn hóa (một cách “hơi thật thà”), có bổ sung được nội dung phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát triển du lịch. Theo tôi, ở phần này nên bổ sung một số nội dung như:  - Phát triển mạnh các hoạt động văn học nghệ thuật, khôi phục vị thế Huế là một trong những trung tâm sáng tạo nghệ thuật của đất nước. Thúc đẩy sớm hình thành thị trường âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu sôi động  - Tạo điều kiện để Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế phát triển đa dạng các hoạt động. Đề nghị chuyển trường Đại học Nghệ thuật thuộc Đại học Huế thành Học viện Mỹ thuật Huế; tạo điều kiện hình thành các cơ sở nghiên cứu của trung ương tại Huế để khai thác phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đất nước như Phân viện Hán Nôm, Phân viện Kiến trúc, Phân viện Khoa học lịch sử...  - Tập trung xây dựng các thiết chế văn hóa, thiết chế hạ tầng của một thành phố Festival (hệ thống các sân khấu, điểm biểu diễn nghệ thuật, hệ thống nhà triển lãm, công viên sinh hoạt văn hóa - Camping Park, hệ thống dịch vụ văn hóa...). | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục 3.3. phương hướng phát triển ngành văn hóa, thể thao |
|  | 3. Báo cáo quy hoạch rất phong phú, có nội dung toàn diện, chúng tôi chưa có đủ thời gian để đi sâu vào các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, theo tôi, về cơ bản đây là một hồ sơ quy hoạch tốt, có tính toàn diện, xác định được những vấn đề trọng tâm, trọng điểm. Có một số chi tiết cụ thể tôi thấy có thể đề xuất để nhóm thực hiện tham khảo:  - Thừa Thiên Huế đang tập trung phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc trung ương trong lúc khu vực miền núi A Lưới - Nam Đông còn rất khó khăn, dân cư phần đông là dân tộc thiểu số, trình độ phát triển còn thấp là một vấn đề gai góc. Quy hoạch định hướng phát triển đô thị đến năm 2025 sẽ có thêm hai đô thị loại V Hồng Vân, Lâm Đớt (trang 412 Báo cáo tổng hợ, trang 33 Báo cáo tóm tắt)), gắn với phát triển hai hành lang kinh tế quốc lộ 49F và 49E, kết nối hai cửa khẩu Hồng Vân, A Đớt, với Khu Kinh tế cửa khẩu A Đớt là một định hướng có tính đột phá để giải quyết tình hình. Nhiệm vụ này đòi hỏi phải có thời gian, phải tập trung nguồn lực rất lớn. Vì vậy, theo tôi, cần đưa thêm nội dung “Tập trung đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo bền vững, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng núi” thành một khâu đột phá (ngoài 5 khâu đột phá đã nêu ở trang 318 Báo cáo tổng hợp, trang 14 Báo cáo tóm tắt). | Tiếp thu góp ý, vấn đề tập trung phát triển kinh tế miền núi đã được đề cập trong các nhiệm vụ trong tâm và định hướng phát triển ngành, vùng huyện a Lưới. |
|  | - Về tốc độ đô thị hóa, bản “Dân số đô thị, nông thôn các đơn vị hành chính cấp huyện đến năm 2030” (trang 295 Báo cáo tổng hợp) dự báo tỷ lệ độ thị hóa của huyện Phong Điền quá thấp (hiện trạng 2021: 21%, 2025 vẫn 21%, 2030: 25%, 2050 vẫn 25%), trong khi dự kiến đến 2023 Phong Điền sẽ chuyển thành thị xã, nằm trên các trục hành lang kinh tế chính, có vai trò cụm đô thị động lực thì khả năng tỷ lệ đô thị hóa ở đây sẽ cao hơn. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục 3.1. các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển dân số, lao động và đô thị hóa |
|  | - Về định hướng phát triển mạng lưới giao thông, đường cao tốc phía Đông Cam Lộ - La Sơn 2 làn xe qua tỉnh Thừa Thiên Huế đã hoàn thành, vì vậy không cần đưa vào phần định hướng (như trang 452 Báo cáo tổng hợp), mà nên đề nghị mở rộng cao tốc này thành 4 làn xe như thiết kế hoàn chỉnh | Tiếp thu góp ý, đã chỉnh sửa tại mục 1.3.1 Đường bộ |
|  | - Về phương hướng phát triển ngành giáo dục đào tạo (trang 357 Báo cáo tổng hợp), một số cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng đang có khả năng phát triển tốt ở Huế như Đại học Phú Xuân, Học viện Phật giáo Huế, Phân viện Học viện Hành chính, Phân viện Đại học Tài chính Kế toán, Cao đẳng Công nghiệp, Cao đẳng Giao thông vận tải... không được đề cập. Thậm chí, ở Báo cáo tóm tắt, phần “Giáo dục và đào tạo” (trang 22 - 23), Đại học Huế với định hướng phát triển thành Đại học quốc gia cũng không được nhắc đến. Vị thế trung tâm giáo dục đào tạo của Huế rất lu mờ. | Đã chỉnh sửa tại mục II. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo |
|  | - Về phương án phòng chống lũ, tôi được biết huyện Quảng Điền đang nghiên cứu phương án tạo một kênh dẫn nước từ sông Bồ sang sông Hương để giảm bớt lượng nước lũ sông Bồ đổ về hạ lưu. Trước đây, khi còn công tác ở UBND thành phố, tôi và một số kỷ sư thủy lợi đã đi nghiên cứu Khe Điên ở Bình Điền, nơi nước sông Hương thống với sông Bồ (có khi sông Hương đổ nước vào khe, có khi nước từ khe để ra sông Hương vì lũ sông Bồ dâng, nên dân gọi là khe Điên, hện nay khe này đang bị bồi lấp một phần). Tôi nghĩ nên nghiên cứu kỷ về ý tưởng chia nước giữa sông Hương và sông Bồ qua Khe Điện hoặc qua kênh dẫn nước do huyện Quảng Điền dự kiến. | Tiếp thu góp ý, nhóm sẽ nghiên cứu để bổ sung trong BCTH. |

# II. CÁC SỞ BAN NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

## Sở XD (CV số 867/SXD-QHKT ngày 21/3/2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | 1. Về Báo cáo tổng hợp: |  |
| dân số | *Về kịch bản tăng trưởng dân số:* Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 tại Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 19/10/2022; trong đó xác định quy mô dân số toàn đô thị (toàn tỉnh) đến năm 2030 khoảng 1.500.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi); đến năm 2045 khoảng 1.850.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi). Qua rà soát kịch bản tăng trưởng dân số theo nội dung báo cáo Quy hoạch tỉnh, quy mô dân số toàn tỉnh đến năm 2030 là phù hợp với Quyết định nêu trên; Tuy nhiên, định hướng đến năm 2050 dự báo dân số toàn tỉnh khoảng 1.820.000 người (gồm khoảng 200.000 dân số quy đối) là chưa phù hợp với Quyết định nêu trên. Do đó, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, cân đối và xây dựng kịch bản phù hợp với Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 19/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ | Tiếp thu và đã điều chỉnh dân số quy đổi ở thời điểm 2050 thêm 30k dân, trong báo cáo tổng hợp. |
| đô thị | *Về phương án quy hoạch hệ thống đô thị:* Tại mục 8, về định hướng phát triển đô thị đến năm 2025, đề nghị điều chỉnh đưa đô thị Hồng Vân, Lâm Đớt (huyện A Lưới) trở thành đô thị loại V trong giai đoạn đến năm 2030 | Tư vấn xin tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
| đô thị | 1. *Định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị:* Theo Thông báo số 81/TB-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh đã xác định không gian phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh theo mô hình chuỗi đô thị hình thành theo trục Bắc - Nam. Do đó, đề nghị đơn vị tư vấn lưu ý mô hình nêu trên trong định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị toàn tỉnh. Đối với các vùng đô thị, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh theo các nội dung sau: Điều chỉnh phạm vi, ranh giới các vùng đô thị: Đã cập nhật trực tiếp vào Báo cáo tổng hợp theo đường dẫn đính kèm. 2. Đối với vùng đô thị Đông-Nam: Bổ sung định hướng phát triển sau năm 2030 với việc thành lập thành phố Chân Mây nên đây sẽ là trung tâm giữ vai trò hạt nhân của vùng đô thị Đông-Nam (Báo cáo tổng hợp đang định hướng thị xã Phú Lộc là trung tâm giữ vai trò hạt nhân của vùng và không đề cập đến giai đoạn định hướng) | Tư vấn xin tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo.  Thành phố Chân Mây là trung tâm giữ vai trò hạt nhân của vùng đô thị Đông-Nam giai đoạn sau 2030 cần có sự đồng thuận các sở ban ngành về nội dung chỉnh sửa, và được thống nhất nội dung bằng văn bản. |
| vùng huyện | a) Về quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện: Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Đông-Nam, vê định hướng phát triến đến năm 2050 đề nghị điều chỉnh “Xây dựng đô thị Chân Mây-Lăng Cô, huyện Phú Lộc trở thành thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương” thành “Xây dựng thành phố Chân Mây trở thành thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương” nhằm phù họp với định hướng phát triển theo chủ trương của UBND tỉnh | QHT không đề cập định hướng đô thị đến năm 2050 |
| đô thị | - Về quy hoạch xây dựng vùng huyện: Theo nội dung Báo cáo tổng họp đề xuất phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện gồm vùng huyện Phong Điền, vùng huyện Quảng Điền, vùng huyện A Lưới, vùng huyện Phú Vang, vùng huyện Phú Lộc, vùng huyện Nam Đông. Tuy nhiên, đối với Phong Điền đã tổ chức lập và phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Phong Điền; giai đoạn đến năm 2025 nhập huyện Phú Lộc và Nam Đông thành huyện Phú Lộc - Nam Đông. Do đó, đối với phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện đề nghị xác định 04 vùng huyện bao gồm vùng huyện Quảng Điền, vùng huyện A Lưới, vùng huyện Phú Vang, vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông. | Tiếp thu ý kiến, và hoàn thiện trong các báo cáo. Riêng với nội dung vùng huyện Phú Lộc- Nam Đông nhập lại cần có sự đồng thuận các sở ban ngành về nội dung chỉnh sửa, cũng như các cơ sở pháp lý liên quan. |
| HTKT | Về hiện trạng, nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (HTKT):  \* Trên có sở hiện trạng, thông tin tại các đồ án, theo các báo cáo thì đơn vị tư vấn cần khảo sát, thu thập, cập nhật thêm hiện trạng để tổng hợp mô tả đủ thông tin hiện trạng đối với hệ thống công trình HTKT chính tính đến thời điểm lập quy hoạch; từ đó đưa ra các đánh giá, phương án quy hoạch và định hướng mang tính liên vùng, liên huyện theo mốc thời gian của từng kỳ quy hoạch tương ứng (05 năm, 10 năm, cho đến năm 2050). Trong đó, cần quy hoạch, định hướng các chỉ tiêu chính đối với hệ thống công trình HTKT.  Theo nội dung của Dự thảo quy hoạch tỉnh lần này (đối với hệ thống công trình HTKT ở khu vực đô thị và nông thôn, cụ thể gồm: hệ thống Giao thông; Cao độ nền và thoát nước mặt; cấp điện; điện chiếu sáng; cấp nước; Thoát nước và xử lý thải; Chất thải rắn; Nghĩa trang; Hạ tầng viễn thông), nội dung đồ án mới chỉ tích họp các thông tin từ một số đồ án quy hoạch hiện có; chưa có quy hoạch, định hướng và chưa xác định được các chỉ tiêu mới trong thời kỳ quy hoạch sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị tư vấn xem xét, chỉnh sửa đáp ứng yêu cầu. | Tiếp thu góp ý, các chỉ tiêu cụ thể với hệ thống HTKT đã được đề cập trong các định hướng phát triển. |
| HTKT | \* Về nội dung cụ thể đối với thực trạng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (kết cấu hạ tầng kỹ thuật):  - Tại Mục IV. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tàng kỹ thuật: xem xét chỉnh lý thành “Thực trạng hệ thống công trình hạ tằng kỹ thuật” để phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật, các Nghị định và Thông tư hiện hành về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật. | Tiêu đề mục IV đã đảm bảo tuân theo quy định tại Luật Quy hoạch. |
|  | Tại Mục IV, Điểm 4.5 - Thực trạng mạng lưới cấp nước:  + Xem xét để chỉnh sửa thành “Thực trạng hệ thống cấp nước” (vì hệ thống cấp nước bao gồm: Nguồn nước, mạng lưới đường ống và các công trình trên mạng lưới); nội dung dự thảo nêu mạng lưới cấp nước nhưng có mô tả hiện trạng thông tin về nguồn nước (4.5.1), cấp nước đô thị (4.5.2) là chưa phù hợp.  + Theo dự thảo, thì nội dung mô tả hiện trạng dàn trải, thiếu tập trung; đề nghị tư vấn nêu hiện trạng các chỉ tiêu chính và hệ thống các công trình chính của hệ thống cấp nước mang tính phục vụ liên vùng, liên huyện (hiện trạng chi tiết trong từng khu vực huyện sẽ được thể hiện trong đồ án quy hoạch chung đô thị theo Luật Quy hoạch đô thị 2009 và Luật Xây dụng); việc nêu dàn trải sẽ dẫn đến tình trạng trùng lặp, chồng chéo và dễ sai lệch (ví dụ: tổng hợp mô tả hiện trạng các nhà máy cấp nước cho khu vực liên huyện; mạng lưới đường ống liên huyện; chỉ tiêu cấp nước hiện trạng chó toàn tỉnh và cho 9 huyện, các thị xã và thành phố Huế; trong đó có chỉ tiêu của khu vực đô thị và khu vực nông thôn). | + Tiêu đề thực trạng mạng lưới cấp nước đã được chỉnh sửa thành thực trạng hạ tầng cấp nước, tuân thủ Luật QH năm 2017  +Tiếp thu góp ý phân tích hiện trạng theo các chỉ tiêu chính |
| thoát nước | Tại Mục IV, Điểm 4.6 - Thực trạng mạng lưới thoát nước và cao độ nền: + Xem xét chỉnh sửa, tách phần thực trạng hệ thống thoát nước mưa và cao độ nền độc lập với nội dung thực trạng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (chỉnh sửa câu trúc). + Trên cơ sở thực trạng để đánh giá, dự báo tương ứng đối với lĩnh vực, hệ thống độc lập nhau (đánh giá hiện trạng hệ thống thoát nước mưa và cao độ nền độc lập với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải). | tiếp thu ý kiến chỉnh sửa |
| CTR | Tại Mục IV, Điêm 4.7 - Thực trạng khu xử lý chât thải rắn: Xem xét chỉnh sửa thành “Thực trạng hệ thống thu gom, vận chuyến và xử lý chất thải rắn”; tách nội dung thực trạng nghĩa trang độc lập với nội dung về chất thải (chỉnh sửa cấu trúc).  \* Về nội dung thuộc Mục 9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: - Xem xét chỉnh sửa tên của Mục 9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Trang 473) thành “Mục 9. Phương án quy hoạch hệ thống công trình hạ tàng kỹ thuật”. | Các tiêu đề và nội hàm trong từng mục đã đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Luật quy hoạch. |
| cấp nước | Tại Mục 9, Phần V-Phương án phát triển mạng lưới cấp nước:  + Đối với tiêu đề: Đề nghị chỉnh sửa thành “V. Phương án quy hoạch, định hướng hệ thống cấp nước”.  + Nội dung của dự thảo trùng lặp gần như hoàn toàn đối với Quy hoạch cấp nước tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND Tỉnh phê duyệt (thể hiện chi tiết lặp lại quy hoạch xây dựng chuyên ngành; chưa đáp ứng với yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ- CP của Chính phủ).  + Có nhiều lỗi chính tả về đơn vị tính (m3/ngày đêm), địa danh chưa đúng (huyện Hương Trà),... + Tại Điếm 5.1 - Mục tiêu: Mục tiêu còn chung chung, chưa xác định được mục tiêu chính tại thời điểm cuối của từng kỳ quy hoạch (chưa có chỉ tiêu chính của hệ thống cấp nước cần đạt được vào năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến năm 2050).  + Tại Điểm 5.2 - Dự báo nhu cầu phát triển: Đề nghị chỉnh sửa tiêu đề thành “Dự báo nhu cầu cấp nước”; Đơn vị tính của các chỉ tiêu cần viết theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật (ví dụ: lít/người/ngày đêm, viết theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành sẽ là 1/ng/ng.đ; ...); Bỏ và tách chỉ tiêu nước thất thu (do quản lý), chỉ nên dự báo chỉ tiêu nước nước rò rỉ, thất thoát (do kỹ thuật,...); Tách nội dung dự báo nhu cầu cấp nước ở khu vực nông thông độc lập với nội dung dự báo nhu cầu cấp nước tại khu vực đô thị; Việc đưa tiêu chuẩn cấp nước thuộc khoảng vào nội dung dự báo là chưa phù hợp (cần xác định giới hạn tối đa để phấn đấu, không đưa giá trị tối thiếu); Bảng tổng họp dự báo nhu cầu dùng nước theo đơn vị cấp huyện (Bảng 37) cần tách thành 02 khu vực (khu vực đô thị và khu vực nông thôn) tương ứng với thời kỳ quy hoạch; Bảng tổng họp dự báo nhu cầu dùng nước của tỉnh (Bảng 1) chưa có dự báo nhu cầu dùng nước của tỉnh từ năm 2030 đến 2050.  + Tại Điểm 5.3 - Các định hướng phát triển mạng lưới cấp nước: Chỉnh sửa tiêu đề thành “5.3 - Quy hoạch, định hướng hệ thống cấp nước”. Nội dung quy hoạch, định hướng hệ thống cấp nước cần có quy hoạch, định hướng về Nguồn nước, mạng lưới tuyến ống và công trình chính. Các nội dung cần mô tả độc lập.  + Đối với phương án cấp nước, tại Điểm 5.3.2: Trong phương án cấp nước chính đối với khu vực vùng huyện, cần phân định vùng cấp nước thuộc khu vực nông thôn và vùng cấp nước thuộc khu vực đô thị (để có cơ sở đánh giá, đối chiếu từng thời kỳ quy hoạch). + Đối với phương án cấp nước, tại Điểm 5.3.3: Không có loại công trình xử lý nước sạch mà chỉ có nhà máy xử lý nước (gọi cách khác là Nhà máy nước sạch), do vậy, đề nghị sửa Điểm 5.3.3 thành “Hệ thống các nhà máy và công trình cấp nước sạch”. | + Các tiêu đề hiện tại được tuân theo Luật Quy hoạch.  + Tiếp thu góp ý, rà soát các nội dung đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định 37.  + Tiếp thu chỉnh sửa các lỗi chính tả  + Tiếp thu rà soát các nội dung mục tiêu và dự báo nhu cầu phát triển. Tuy nhiên, QHT không định hướng và dự báo cho thời kỳ 2030 -2050. |
| thoát nước | Tại Mục 9, Phần VI - Phương án phát triển mạng lưới thoát nước mặt: Đề nghị chỉnh sửa thành “VI. Phương án quy hoạch, định hướng hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt (mưa)”. + Tại Điểm 6.1 - San nền: Đề nghị điều chỉnh thành “6.1 - Cao độ nền”, vì công tác san nền chỉ có ý nghĩa trong phạm vi hẹp; quy hoạch phải xác định được cao độ nền của từng khu vực. Nội dung thể hiện chưa đáp ứng yêu cầu; chưa quy hoạch cao độ nền của từng khu vực, lưu vực liên vùng; Việc trích dẫn QCVN: 01/2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng đã hết hiệu lực không phù hợp.  + Tại Điểm 6.2 - Mạng lưới thoát nước mặt: Đề nghị điều chỉnh thành “6.2 - Hệ thống thoát nước mặt (mưa)”, vì nêu mạng lưới là chưa đủ; hệ thống thoát nước mặt gồm có các công trình thu, dẫn và tiêu thoát nước mặt; Chưa xác định các chỉ tiêu chính cũng như mạng lưới thoát nước chính. Đề nghị tư vấn cần quy hoạch, định hướng và xác định các chỉ tiêu chính về thoát nước mặt, cũng như quy hoạch mạng lưới thu gom và tiêu thoát nước mặt; hồ điều tiết, ...tương ứng theo kỳ quy hoạch (ví dụ: định hướng thoát nước riêng hay chung đối với khu vực đô thị, khu vực nông thôn; khu vực đô thị xây dựng mới, khu vực đô thị chỉnh trang; ...) | Tiếp thu điều chỉnh các tiêu đề thành phương án phát triển hạ tầng thoát nước mặt và cao độ nền. |
| xử lý nước | Tại Mục 9, Phần VII - Phương án phát triển mạng lưới xử lý nước thải: Đề nghị chỉnh sửa thành “VII. Phương án quy hoạch, định hướng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (bẩn)”. + Tại Điểm 7.1 - Mục tiêu: Chưa xác định mục tiêu đối với các chỉ tiêu chính. Mục tiêu phải xác định được: Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý; tỷ lệ các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp,... có nhà máy xử lý nước thải theo từng thời kỳ quy hoạch từ năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính khả thi; quy hoạch, định hướng mạng lưới thu gom nước thải; Xem xét đối với mục tiêu “Phấn đấu 100% nước thải từ các khu công nghiệp, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn” cần điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi (do hiện nay tỷ lệ này rất thấp). |  |
| nghĩa trang | Tại Mục 9, Phần VIII - Phương án phát triển mạng lưới nghĩa trang, nhà tang lễ: + Đe nghị tư vấn rà soát, đánh giá tổng thể hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh đế có cơ sở đề xuất quy hoạch và định hướng phù hợp.  + Theo thuyết minh, đơn vị tư vấn chỉ mới cập nhật các nội dung hiện trạng và quy hoạch nghĩa trang theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế với phạm vi khu vực thành phố Huế, Hương Trà, Hương Thủy; chưa rà soát trên địa bàn toàn tỉnh.  + Trong giai đoạn đến năm 2030, đề nghị rà soát, bổ sung các vị trí quy hoạch nghĩa trang mang tính chất phục vụ liên vùng như: Nghĩa trang nhân dân phía Nam thành phố Huế tại xã Phú Sơn (khoảng l00ha); mở rộng nghĩa trang nhân dân phía Bắc giai đoạn 3 tại phường Hương Hồ (khoảng 20ha) và đề xuất mở rộng các giai đoạn tiếp theo; nghĩa trang nhân dân xã Phú Xuân, Phú Diên, Phú Đa,... thuộc địa bàn huyện Phú Vang và đề xuất các vị trí nghĩa trang phục vụ chôn cất cho các huyện khác,...  - Tại Mục 9 chưa có phương án quy hoạch, định hướng về Chất thải rắn và chiếu sáng: Đề nghị đơn vị tư vấn bổ sung. | Tiếp thu góp ý, bổ sung các vị trí nghía trang.  Tiếp thu bổ sung các chỉ tiêu về chiếu sáng đô thị, các định hướng phát triển chiếu sáng không thuộc phạm vi của QHT và sẽ được làm rõ trong các QH cấp dưới. |
| khoáng sản | Nội dung “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được điều chỉnh, bố sung đáp ứng nhu cầu của thị trường”, bao gồm: Nhóm khoáng sản, đất làm vật liệu san lấp; Xi măng; Vật liệu xây; Vật liệu lọp; Đá xây dựng; Cát xây dựng; Vật liệu ốp lát; Bê tông thương phẩm và bê tông cấu kiện; Men Frit; Sứ và kính xây dựng đã được điều chỉnh trực tiếp vào tài liệu đính kèm đường dẫn. | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |
| đô thị | 2. Về dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh:Đối với phát triển hệ thống đô thị: Nội dung định hướng phát triển hệ thống đô thị định hướng đến năm 2025, chưa có nội dung định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo thời kỳ và tầm nhìn quy hoạch đã được xác định. Do đó, đề nghị đơn vị tư vấn rà soát và bổ sung nội dung định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo các nội dung thể hiện ở Báo cáo tổng họp. | Định hướng đến năm 2030: nội dung đã có trong dự thảo Quyết định.  Ngoài ra, dự thảo quyết định chỉ nêu định hướng đến năm 2030. |
| đô thị | Đối với Quy hoạch xây dựng các vùng huyện: Hiện nay dự thảo đề xuất 09 vùng huyện là chưa phù họp với nội dung Báo cáo tổng họp; Do đó, đề nghị điều chỉnh thành 04 vùng huyện bao gồm vùng huyện Quảng Điền, vùng huyện A Lưới, vùng huyện Phú Vang, vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông (đã cập nhật vào dự thảo Quyết định) | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo. Đối với vùng huyện Phú Lộc,Nam Đông theo định hướng quy hoạch dự kiến sẽ được nhập vào. Tuy nhiên, để tránh sự xáo trộn giữa các huyện theo đề xuất tư vấn vấn viết riêng đối với mỗi huyện. Và có định hướng chiến lược chung khi các huyện nhập chung thành 1 lãnh thổ. |
| dự án | Tại Phụ lục XIV - Quy hoạch sân golf tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030 được ban hành kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt: Đối với dự án sân golf Lộc Bình, hiện nay UBND tỉnh đã thống nhất không quy hoạch sân golf tại khu vực này theo Công văn số 476/UBND-QHXT ngày 17/01/2023 và đã trình HĐND tỉnh thông qua Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch nghỉ dưỡng, thương mại dịch vụ vui chơi thể thao Lộc Bình, huyện Phú Lộc, tính Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 2330/TTr-UBND ngày 16/3/2023. Do đó, đề nghị không đưa dự án sân golf Lộc Bình vào Phụ lục XIV của dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |

## UBND TP Huế (CV số 712 /UBND-TH ngày 13/02/2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| Văn hoá | 1. Thống nhất với báo cáo tổng hợp tại Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  2. Kiến nghị nghiên cứu bổ sung, hiệu chỉnh một số nội dung sau:  2.1.Về danh mục các dự án lĩnh vực văn hóa giai đoạn 2021-2030 (trang 194):  -Trung tâm Văn hóa phường Thuận Thành hiện nay đã đầu tư xây dựng, công trình đã hoàn thành, vì vậy đề nghị bỏ ra khỏi danh mục.  - Xây dựng các Trung tâm văn hóa phường, nhà văn hóa khu vực: đề xuất hiệu chỉnh giai đoạn đến 2030.  - Bảng Danh mục dự án ưu tiên các công trình thể thao trên địa bàn Thành phố Huế giai đoạn 2021-2030 (trang 198), đề nghị bổ sung vào danh mục các công trình:  1. Nhà thi đấu đa năng 150 Nguyễn Trãi Xây mới  2. Sân quần vợt 150 Nguyễn Trãi Xây mới  3. Sân bóng chuyền 150 Nguyễn Trãi Xây mới  4. Sân bóng đá 150 Nguyễn Trãi Nâng cấp, sửa chữa  5. Bể bơi 150 Nguyễn Trãi Nâng cấp, sửa chữa  6. Nhà tập bóng bán 150 Nguyễn Trãi Nâng cấp, sửa chữa  7. Sân cầu lông 150 Nguyễn Trãi Nâng cấp, sửa chữa | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
| dự án | 2.2. Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật; Đường đô thị, trục đường xã Giai đoạn 2021-2025 (trang 208, 209): Kiến nghị hiệu chỉnh, bổ sung các dự án theo nội dung sau: - Đường Nguyễn Hoàng và cầu Vượt sông Hương, tổng vốn đầu tư 1.855 tỷ (NSTW: 800 tỷ và NS tỉnh 1.055 tỷ).  - Đường vành đai 3, tổng vốn đầu tư 500 tỷ (NSTW).  - Mở rộng đường Bà Triệu, tổng vốn đầu tư 500 tỷ (NS Tỉnh).  - Tuyến đường dọc sông Hương (phía Nam) đoạn từ cầu Dã Viên đến đường Huyền Trân Công Chúa, tổng vốn đầu tư 150,5 tỷ (NS tỉnh).  - Đường liên xã Thủy Vân, tổng vốn đầu tư 450 tỷ.  2.3. Phát triển giao thông đường sắt (trang 210): Kiến nghị nghiên cứu xem xét lại do được biết chủ trương của Bộ GTVT và Tỉnh vẫn giữ tuyến đường sắt và nhà ga như hiện nay; và hình thành tuyến đường sắt tốc độ cao mới ở phía Tây thành phố. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | 2.4. Về mạng lưới xử lý chất thải rắn giai đoạn 2021-2025 (trang 219, 220): Kiến nghị hiệu chỉnh:  - Dự án thu gom và xử lý nước thải khu vực phía Nam Thành phố, giai đoạn 2 (kết dư ODA), tổng mức đầu tư 1.400 tỷ đồng.  - Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải và hệ thống thu gom nước thải, khu vực phía Bắc thành phố Huế, nguồn vốn ODA với tổng mức đầu tư 3.000 tỷ đồng.  - Giai đoạn 2021-2025: tiếp tục xây dựng nhà tang lễ hỏa táng thành phố Huế, tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng (NS tỉnh hoặc kêu gọi đầu tư). | Tiếp thu góp ý, rà soát lại danh mục các dự án về mạng lưới xử lý chất thải rắn. |

## Sở Tài nguyên và môi trường (CV số 260 /STNMT-QLĐĐ ngày 03/2/2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| KB biển | II. Góp ý hoàn thiện báo cáo các nội dung đề xuất  1. Nội dung 25. Nghiên cứu xác định phương hướng phát triển các vùng không gian biển thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050  1.1. Căn cứ pháp lý:  Đề nghị bổ sung các văn bản:  - Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020;  - Nghị quyết số 36-NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;  - Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;  - Kế hoạch 156/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Thừa Thiên Huế;  Đề nghị bỏ các văn bản đã hết hiệu lực:  - Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2020; | Tiếp thu góp ý đã chỉnh sửa nội dung căn cứ pháp lý. Đã loại bỏ quyết định hết hiệu lực; bổ sung Nghị định mới của CP |
|  | 1. 2. Phạm vi quy hoạch không gian biển  - Hiện nay, Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ về việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 11/2021/NĐ-CP, đề nghị cập nhật bổ sung cho phù hợp.  - Vùng đất ven biển: Đề nghị chỉnh sửa nội dung “Thị xã Hương Trà: 2 xã, gồm: Hương Phong, Hải Dương” thành Thành phố Huế gồm 2xã Hương Phong, Hải Dương. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | 1.3. Tình hình phát triển kinh tế xã hội  **-** Về dân số: Đề nghị cập nhật Niên giám thống kê 2021  - Về địa giới hành chính thành phố Huế: Đề nghị cập nhật số liệu mới theo Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.  1.4. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu Chính phủ xây dựng dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vì vậy Quy hoạch này cần bám sát các quy hoạch trên để đảm bảo phù hợp với các Quy hoạch quốc gia.  \* Theo Dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Thừa Thiên Huế được phân thành các vùng sau:  Vùng 1. Vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái  Vùng 2. Vùng dễ bị tổn thương và khai thác có điều kiện  Vùng 3. Vùng khuyến khích phát triển  Vùng 4. Vùng sử dụng đa mục tiêu  \* Theo Dự thảo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Thừa Thiên Huế được phân thành các vùng:  Vùng 1. Khu vực cấm khai thác, sử dụng tài nguyên: Khu vực này hiện tỉnh Thừa Thiên Huế chưa được Quy hoạch do Khu bảo tồn biển Hải Vân – Sơn Chà chưa được thành lập.  Vùng 2. Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng tài nguyên: Thừa Thiên Huế có 08 khu vực  Vùng 3. Vùng khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên:  - Khu vực ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ: 01 khu vực (Lăng Cô – Cảnh Dương)  - Khu vực ưu tiên phát triển kinh tế hàng hải: 02 khu vực (Khu bến Thuận An, Khu bến Chân Mây).  - Khu vực khuyến khích sử dụng đa mục tiêu: Phần còn lại của vùng biển ven bờ Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ, trừ các khu vực nêu trên.  1.5. Tại Bảng 11. Quy hoạch du lịch biển, đảo và đầm phá: “Đảo Ngọc (Hòn chảo), đề nghị sửa thành “Đảo Sơn Chà” | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | 1.6. Đề nghị bổ sung nguồn trích yếu, tài liệu tham khảo.  2. Nội dung 32. Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng, giải phát phát triển ngành kinh tế biển tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050.  2.1. Mục 1. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý:  - Thống nhất các số liệu: Chiều dài bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế là 128 km; diện tích đầm phá Tam Giang – Cầu Hai là khoảng 22.000 ha theo Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh.  - Về khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế: Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt kế quả nhiệm vụ Đánh giá khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 22/7/2021, vì vậy đề nghị nghiên cứu tài liệu này để cập nhật các số liệu báo cáo.  2.2. Mục 2. Đặc điểm kinh tế xã hội  - Về dân số, lao động, việc làm: Đề nghị cập nhật Niên giám thống kê 2021  - Về địa giới hành chính thành phố Huế: Đề nghị cập nhật số liệu mới theo Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;  - Tại Bảng 1. Diện tích tự nhiên các xã, thị trấn vùng bờ, đề nghị chỉnh sửa:  + “Xã Hải Dương – Thị xã Hương Trà” thành “ Xã Hải Dương – Thành phố Huế”.  + “Thị trấn Lăng Cô (bao gồm đảo Hòn Chảo) thành “Thị trấn Lăng Cô”  2.3. Phần 4. Quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế biển  Về mục tiêu cụ thể: Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương Đảng Khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 20/6/2020, trong đó có mục tiêu cụ thể đến năm 2030, đề nghị nghiên cứu bổ sung các mục tiêu trong Kế hoạch vào mục tiêu Chuyên đề. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
| KT biển | 2.4. Phương án tổ chức không gian phát triển các ngành kinh tế biển  Phương án tổ chức không gian phát triển các ngành kinh tế biển cần bám sát các Nghị quyết, Quy hoạch quốc gia:  - Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám BCH Trung ương Đảng khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nêu rõ:  + “Đến năm 2030, phát triển thành công đột phát về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản biển; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.”  + “ Phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hoà giữa bảo tồn và phát triển …Vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ (Thanh Hoá – Bình Thuận): Phát triển các cảng biển nước sâu trung chuyển quốc tế, cảng biển chuyên dụng gắn với các khu liên hợp công nghiệp, dầu khí, điện, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch, …”  - Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ và giải pháp *“…Tăng cường liên kết phát triển vùng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy kinh tế biển; phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông; tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;..”*  - Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu Chính phủ xây dựng dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vì vậy Phương án tổ chức không gian phát triển các ngành kinh tế biển cần bám sát các quy hoạch trên để đảm bảo phù hợp với các Quy hoạch quốc gia. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | III. Rà soát báo cáo quy hoạch tỉnh thừa thiên huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.   1. Tại Phần Mở đầu: Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch (trang 5)   Theo quy định tại Điều 8 Nghị định Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: “ *Vùng bờ bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển”;“Vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý”.*  Vì vậy, đề nghị nghiên cứu cập nhật cho phù hợp.  2. Tại các mục: Mục 1. Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế; Mục 2. Đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế  Thống nhất các số liệu: Chiều dài bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế là 128 km theo Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt Tư liệu hiện trạng kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, môi trường, khí hậu, thủy văn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2013.  3. Phần VI. Thực trạng bảo vệ môi trường, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.  Mục 6.4. Thực trạng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khi hậu (Trang 274): Đề nghị lấy thêm ý kiến của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chi cục Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | Mục 6. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng Tại Phần II, mục 2.4. Phương hướng phát triển kinh tế biển (Trang 331 – BCTH Phần 2)  **Tại 2.4.1.2. Mục tiêu cụ thể:** Đề nghị bổ sung các mục tiêu cụ thể được nêu trong Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương Đảng Khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  **Tại 2.4.2.1. Phương hướng phát triển**: Đề nghị bổ sung ***“mục e. Đối với công nghiệp ven biển”.*** Bởi vì,theo Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám BCH Trung ương Đảng khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nói đến phát triển kinh tế biển phải nói đến 6 ngành kinh tế ưu tiên, trong đó nêu rõ:  + “Đến năm 2030, phát triển thành công đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản biển; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.”  Tại 2.5. Giải pháp phát triển các ngành kinh tế (trang 333 – BCTH Phần 2), đề nghị bổ sung “Giải pháp về Bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu”. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | 1. Mục 7. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội   Tại 6.2.3.1. Tên, phạm vi, ranh giới (trang 390):  **- “**Vùng bờ biển hoặc đất ven biển và vùng biển, hải đảo”, **đề nghị chỉnh sửa: “**Vùng bờ tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm: (1) Vùng đất ven biển gồm các xã, phường, thị trấn ven biển; (2) vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý” (theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015, Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo) và đảo Sơn Chà, tỉnh Thừa Thiên Huế.”  Tại 6.2.3.3. Định hướng phát triển  “ Không gian biển của tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung (Thanh Hoá, Bình Thuận), được chia làm 3 khu vực: khu vực Tây Bắc phục vụ trực tiếp cho vùng Kinh tế Tây Bắc, khu vực trung tâm phục vụ cho vùng kinh tế trung tâm, và khu vực Đông Nam phục vụ cho vùng kinh tế Đông Nam”, **đề nghị viết lại như sau:** “Không gian biển của tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung (Thanh Hoá, Bình Thuận), được chia làm 3 khu vực: khu vực Tây Bắc tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ trực tiếp cho vùng Kinh tế Tây Bắc Thừa Thiên Huế, khu vực trung tâm tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ cho vùng kinh tế trung tâm, và khu vực Đông Nam tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ cho vùng kinh tế Đông Nam Thừa Thiên Huế”. | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | B. Lĩnh vực tài nguyên nước  Tại mục 3.1.1. Phân vùng chức năng nguồn nước (trang 616) đề nghị chỉnh sửa, bổ sung:  + Sông Bồ: Là nguồn nước quan trọng cung cấp *nước phát điện, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;* tưới, nuôi trồng thủy sản vùng Bắc sông Hương và vùng cát của huyện Phong Điền và Quảng Điền. Vì, hiện nay, sông Bồ có các nhà máy thuỷ điện Hương Điền (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt), nhà máy nước Tứ Hạ (đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và trong tương lại có thể cung cấp nguồn nước cho Khu Công nghiệp Tứ Hạ,…  + Sông Ô Lâu: Sông Ô Lâu đoạn thượng nguồn thuộc về tỉnh Thừa Thiên Huế *là nguồn nước quan trọng cung cấp nước cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;* tưới …Vì hiện nay, Nhà máy nước Phong Thu (cấp nước sinh hoạt, khai thác, sử dụng nguồn nước sông Ô Lâu và đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; Nhà máy nước tại Khu Công nghiệp Phong Điền - Viglacera khai thác, sử dụng nguồn nước sông Ô Lâu và đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.  + Chỉnh sửa tên sông Nông thành sông Nong.  *Tại mục 1.2. Danh mục dự án (trang 647) đề nghị bổ sung*: Dự án Công trình trạm bơm và đường ống cấp nước sản xuất cho nhà máy xử lý rác sinh hoạt Phú Sơn, địa điểm thực hiện: Xã Thuỷ Phù và xã Phú Sơn, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích sử dụng đất dự kiến 2,77 ha (đã được UBND tỉnh cấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 và Sở Kế hoạch và Đâu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 22/8/2022).  Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2023 về việc công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện (thay thế Quyết định số 1609/QĐ-BTNMT ngày 20/7/2022 và Quyết định số 1354/QĐ-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện đã hết hiệu lực). | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | C. Lĩnh vực khoáng sản:  1. Góp ý tại báo cáo thuyết minh:  1.1 Tại phần Công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên của mục 6.2 Thực trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên cần bổ sung các Quyết định sau:  - Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 06/05/2017 của UBND tỉnh về Ban hành "Quy định Quản lý khai thác cát, sỏi ở bãi bồi và lòng sông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế".  - Quyết định số 98/2017/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Quyết định số 73/2019/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh sửa đổi một số điều của Quy định quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 98/2017/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh.  - Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 07/11/2020 Quy định hệ số quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Quyết định 770/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 phê duyệt Quy hoạch khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.  - Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh.  - Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh.  - Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh.  - Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh.  1.2 Tại mục 2.1.5 Vấn đề bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên cần bổ sung nội dung sau:  Nghiên cứu cụ thể hóa cơ chế, chính sách để phát triển công nghiệp khai khoáng theo hướng sử dụng công nghệ tiến tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.  1.3 Tại **Bảng 1. Định hướng khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2030**: số liệu cần theo Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 đang được Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành.  1.4 Tại mục **2.2.1 Nhóm khoáng sản, đất làm vật liệu san lấp:** cần điều chỉnh nội dung “Kiểm kê, cập nhật trữ lượng, tiếp tục khai thác 86 khu vực mỏ khoáng sản, đất làm vật liệu san lấp với tổng diện tích là 1.319,365ha...” thành “Kiểm kê, cập nhật trữ lượng, khai thác 184 khu vực mỏ khoáng sản, đất làm vật liệu san lấp với tổng diện tích là 2526,9ha, bao gồm: 03 khu vực mỏ than bùn với diện tích 149ha; 31 khu vực mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích 223,8ha; 01 khu vực mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích 11,4ha; 01 khu vực cát nội đồng làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích 20,38ha; 03 khu vực mỏ đá sét làm phụ gia xi măng với diện tích 25,6ha; 01 khu vực mỏ đá làm vật liệu xây dựng với diện tích 13,4ha; 01 khu vực mỏ đá làm ốp lát với diện tích 8ha; 13 khu vực mỏ đất sét làm nguyên liệu gạch ngói với diện tích 177,2ha; 43 khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp với diện tích 998,14ha; 87 khu vực mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tại các huyện với diện tích 900ha. (Chi tiết các mỏ và tọa độ khép kín theo Phụ lục XX đính kèm)”.  1.5 Các loại vật liệu xi măng, vật liệu xây, vật liệu lợp, bê tông,…: số liệu cần theo Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 đang được Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành.  1.6 Tại mục 1.2. Danh mục dự án đề nghị bổ sung các dự án sau:   | **STT** | **Tên dự án** | **Địa điểm** | **Diện tích dự kiến (ha)** | | --- | --- | --- | --- | | 1 | Dự án khai thác khoáng sản cát nội đồng làm VLXDTT tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền | xã Phong Hiền, huyện Phong Điền | 20,38 | | 2 | Dự án khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT mỏ đá thượng nguồn Khe Băng, xã Hương Bình, thị xã Hương Trà | xã Hương Bình, thị xã Hương Trà | 10 | | 3 | Dự án khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT tại vùng núi xã Hương Sơn, huyện Nam Đông | vùng núi xã Hương Sơn, huyện Nam Đông | 8,9 | | 4 | Dự án khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT mỏ đá Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới. | xã Hương Phong, huyện A Lưới. | 3 | | 5 | Dự án khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT tại khu vực thôn 5, xã Thượng Long, huyện Nam Đông | thôn 5, xã Thượng Long, huyện Nam Đông | 2,15 | | 6 | Dự án khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT mỏ đá Bắc Khe Ly thuộc xã Hương Thọ và phường Hương Hồ, TP Huế | xã Hương Thọ và phường Hương Hồ, TP Huế | 10,7 | | 7 | Dự án khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT mỏ đá khe Phèn, xã Hương Thọ, TP Huế | xã Hương Thọ, TP Huế | 7,98 | | 8 | Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại xã Hương Thọ, TP Huế | Xã Hương Thọ, TP Huế | 4 | | 9 | Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại khu vực Hang Rắn, xã Hương Thọ, TP Huế | Hang Rắn, xã Hương Thọ, TP Huế | 5 | | 10 | Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại khu vực Bàu Đình, xã Hương Thọ, TP Huế | Bàu Đình, xã Hương Thọ, TP Huế | 2,5 | | 11 | Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại Mỏ đất sét 1 khu vực xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy | xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy | 15 | | 12 | Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại Mỏ đất sét 2 khu vực xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy | xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy | 30 | | 13 | Dự án khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tại Mỏ đất sét 3 khu vực xã Dương Hòa, Thị xã Hương Thủy | xã Dương Hòa, Thị xã Hương Thủy | 30 | | 14 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL tại khu vực Cồn Lê, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền | Cồn Lê, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền | 3 | | 15 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL tại khu vực Đồi Trốc Voi 2, phường Thuỷ Phương, thị xã Hương Thuỷ | Đồi Trốc Voi 2, phường Thuỷ Phương, thị xã Hương Thuỷ | 16 | | 16 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL tại khu vực Đồi Gích Dương 2, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy | Đồi Gích Dương 2, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy | 18 | | 17 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL tại khu vực vùng đồi 2, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy | Khu vực vùng đồi 2, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy | 17 | | 18 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Vùng đồi xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc | Vùng đồi xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc | 20,9 | | 19 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực núi Cảnh Dương, xã Lộc Thủy và xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc | Khu vực núi Cảnh Dương, xã Lộc Thủy và xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc | 28,78 | | 20 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực núi Ông Bang-Bà Đợi, thôn Thủy Yên, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc | Khu vực núi Ông Bang-Bà Đợi, thôn Thủy Yên, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc | 36,4 | | 21 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực 1 núi Mỏ Diều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc | Khu vực 1 núi Mỏ Diều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc | 9,5 | | 22 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực 2 núi Mỏ Diều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc | Khu vực 2 núi Mỏ Diều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc | 60,5 | | 23 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Thôn Xuân Phú, xã Hương Phú, huyện Nam Đông | Thôn Xuân Phú, xã Hương Phú, huyện Nam Đông | 16 | | 24 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy | Khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy | 15 | | 25 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền | Khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền | 19,18 | | 26 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực núi Động Đá, xã Phong Mỹ và xã Phong Thu, huyện Phong Điền | Khu vực núi Động Đá, xã Phong Mỹ và xã Phong Thu, huyện Phong Điền | 24,6 | | 27 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy | Khu vực xã Dương Hòa, thị xã Hương Thủy | 36 | | 28 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL Khu vực xã Phú Sơn và phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy | Khu vực xã Phú Sơn và phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy | 88,1 | | 29 | Dự án khai thác khoáng sản đất làm VLSL khu vực xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy | khu vực xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy | 48,6 |   2. Góp ý tại Phụ lục:  Theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Khoáng sản năm 2010 quy định “Khu vực hoạt động khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp” nên đề nghị chỉnh sửa Phụ lục XXétheo bản chỉnh sửa đính kèm. | Tiếp thu và đã nghiên cứu rà soát trong BCTH |
|  | D. Về lĩnh vực đất đai  1. Về nội dung đánh giá tiềm năng đất đai, hiện trạng sử dụng đất  Tại Bảng Thống kê diện tích đất điều tra đánh giá tiềm năng đất đai tỉnh Thừa Thiên Huế, báo cáo thể hiện nội dung *Khu vực tranh chấp Quảng Trị - Thừa Thiên Huế*; tuy nhiên, khu vực này đã được cập nhật lại địa giới hành chính theo kết quả thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc xác định lại địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị do lịch sử để lại; do đó, đề nghị rà soát cập nhật lại số liệu tại mục này.  Tại mục 5.2.3. Tiềm năng đất đai cho thủy sản và một số nơi trong báo cáo: Báo cáo thể hiện bờ biển Thừa Thiên Huế dài 120 km là chưa phù hợp, đề nghị điều chỉnh bờ biển Thừa Thiên Huế dài 128 km.  2. Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai:  a) Về căn cứ lập quy hoạch:  - Đề nghị bỏ căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều Luật Quy hoạch do đã hết hiệu lực thi hành. Ngoài ra, đề nghị rà soát, chỉnh sửa các căn cứ về quy hoạch sử dụng đất và nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Đề nghị bổ sung các căn cứ sau:  + Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).  + Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.  + Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025). | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong các báo cáo |
|  | b) Về nội dung đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất:  Tại mục 3.3.2. Những hạn chế: Đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung tại điểm “b) Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chưa tốt” cho phù hợp với tình hình quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh; cụ thể:  Đề nghị bỏ nội dung: “tình trạng lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời; việc điều chỉnh hoặc hủy bỏ những nội dung quy hoạch không còn phù hợp với thực tế chưa được coi trọng, chấp hành không nghiêm túc, đầy đủ theo quy định.”; “Các quyền của người sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch ở nhiều nơi còn bị vi phạm (không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được sửa chữa nhà ở…).”  Tại mục 3.3.3. Nguyên nhân: Đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung tại điểm b) Nguyên nhân chủ quan; cụ thể, đề nghị bỏ nội dung “Việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực sự được quan tâm đúng mức dẫn đến vẫn còn tình trạng các dự án thực hiện không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lấn chiếm đất đai; chuyển mục đích sử dụng đất không xin phép cấp có thẩm quyền.” | Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện trong báo cáo |
|  | c) Về nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo các khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện:  - Tại nội dung “*Định hướng phân bố và khoanh vùng đất đai của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch*” thể hiện số liệu các chỉ tiêu sử dụng đất không phù hợp với các số liệu bảng biểu ở các phần phân bổ chi tiêu sử dụng đất ở bảng 31. Đề nghị rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.  - Về các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:  Hiện nay, việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các huyện, thị xã, thành phố Huế đã hoàn thành, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các Tờ trình đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của các địa phương; đồng thời, Sở đã cung cấp đầy đủ hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các huyện, thị xã, thành phố Huế cho đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh. Qua rà soát phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai (tại báo cáo tổng hợp) lần này, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy cơ bản đơn vị tư vấn đã cập nhật các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của các địa phương; tuy nhiên, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai còn có một số chỉ tiêu chưa được cập nhật như: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chuyên trồng lúa, đất quốc phòng, đất cụm công nghiệp, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất đô thị. Do đó, đề nghị rà soát, cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất cho phù hợp quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các huyện, thị xã, thành phố Huế. Trên cơ sở đó, hoàn thiện lại lại báo cáo các nội dung đề xuất. | Đã thống nhất lại các chỉ tiêu sử dụng đất với Sở TNMT |
|  | E. Về lĩnh vực môi trường:  **1. Nội dung 29:** Hiện trạng và phương án bảo vệ môi trường, các khu xử lý chất thải, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.  - Tại mục 1.2.5. Môi trường sinh vật, các hệ sinh thái và diễn biến đa dạng sinh học, phần 1.2.5.1. Đa dạng hệ sinh thái: HST trên cạn: nội dung này có sự sai khác về số liệu đề nghị cập nhập số liệu diện tích đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo số liệu Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về Thống kê đất đai năm 2021 (đính kèm Báo cáo).  - Tại mục 1.4.1. Công tác bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp (CCN): Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của các CCN đề nghị rà soát, cập nhập số liệu theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh TT. Huế về Phương án phát triển các cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Rà soát, cập nhật các thông tin về bảo vệ môi trường làng nghề, đặc biệt là các làng nghề hiện nay không còn hoạt động.  - Cần xác định thông tin, số liệu cập nhật đến năm nào (2020 hay 2021, 2022), quy hoạch cần bổ sung số liệu cập nhật mới nhất theo niên giám thống kê để tính toán và dự báo các thành phần về môi trường như chất thải.  - Tại mục 2.1.1.2 lượng chất thải phát sinh: Hiện tại khối lượng chất thải phát sinh đã vượt so với quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế, cần cập nhật số liệu về chất thải rắn (Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, trong đó đã cập nhật, dự báo khối lượng chất thải rắn theo thực tế hiện nay).  - Tại mục 2.4.1.1. Mục tiêu chung đến 2030: Về quản lý chất thải, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường cần xem xét chỉnh sửa, bổ sung các tiêu chí sau:  + Đảm bảo trên 96% dân số sử dụng nước sạch, 100% dân số ở các đô thị được cung cấp nguồn nước sạch cho sinh hoạt quanh năm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Nghị Quyết Số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thì Tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch đến năm 2025: 100%.  + Xem xét nội dung nước đầm phá sử dụng cấp nước sinh hoạt có hợp lý và khả thi không?  + Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 80% theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thì Tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2025: 100%.  + Tỷ lệ khu công nghiệp có chất thải rắn được thu gom: 95% cần xem lại tiêu chí này.  + Đảm bảo quản lý tốt hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh và khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cần bổ sung thêm nội dung thành: Đảm bảo quản lý tốt hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh và khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, thực hiện khoanh định, công bố danh mục vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Tại mục 2.4.2. Các chỉ tiêu cụ thể về môi trường đến năm 2030 và 2050: Tỷ lệ độ che phủ rừng đến 2030 đạt: 57% theo Nghị Quyết Số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  - Cập nhật căn cứ pháp lý, cần lược bỏ và bổ sung các Nghị định hết hiệu lực và Nghị định mới được ban hành, ví dụ: Nghị định 38/2015/NĐ-CP, Nghị định 55/2021/NĐ-CP đã hết hiệu lực...  - Về thách thức ô nhiễm môi trường: đối với ô nhiễm nước việc đánh giá thách thức ô nhiễm do mất cân bằng sinh thái chưa thuyết phục và cần có thêm dẫn chứng. Đối với các dẫn chứng về dịch bệnh ngành nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, lúa không đảm bảo khoa học.  - Mục 2.5.3.3 tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ tài nguyên, môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế: điều chỉnh đơn vị thuộc Bộ TNMT không còn như Tổng cục Môi trường.  - Chương 3: Nguyên tắc và cơ chế phối hợp, mục tình hình tổ chức quản lý môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cần điều chỉnh cho phù hợp các đơn vị quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh, cần lược bỏ các đơn vị không có chức năng quản lý về môi trường: Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh (PC05). | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại các mục tương ứng của báo cáo. |
|  | 2. Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  - Thông tin và số liệu ở các chuyên đề (Phụ lục 1) không tương thích với Báo cáo tổng hợp (Phụ lục 2). Ví dụ: chuyên đề (nội dung) số 28 của Phụ lục 1 về “Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh”. Nhiều nội dung trong chuyên đề này còn thiếu, không thống nhất so với Báo cáo tổng hợp; hoặc chuyên đề số 29 về “Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” có kết quả phân vùng môi trường hoàn toàn khác với phân vùng môi trường của Báo cáo tổng hợp.  - Rất nhiều số liệu và thông tin không trích nguồn tài liệu tham khảo.  - Nhiều nguồn tài liệu tham khảo không nêu rõ thời gian (năm).  - Nhiều tiểu mục có tiêu đề quá dài, cần phải rút gọn (tiêu đề tối đa nên chỉ 2 dòng). | Tiếp thu rà soát lại sự tương thích số liệu và phân vùng môi trường giữa báo cáo nội dung đề xuất và BCTH. |
|  | - Mục 1: phân tích, đánh giá, dự báo các yêu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế: Chỉ nêu hiện trạng chất lượng môi trường chứ chưa phân tích, đánh giá về hiện trạng môi trường của tỉnh.  - Thực trạng BVMT: lược bỏ “Trong thời gian qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp phép thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 27 dự án nuôi tôm hoặc Dự án hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. Riêng đối với các hộ nuôi với quy mô nhỏ ở địa phương rất khó để kiểm soát hoạt động nuôi cũng như công tác bảo vệ môi trường. Hầu hết các cơ sở nuôi không bố trí hoặc có bố trí nhưng diện tích nhỏ để xây dựng hệ thống nước cấp, xử lý nước thải ao nuôi. Do đó, nước thải được xả trực tiếp hoặc xử lý chưa triệt để ra môi trường gây ra ô nhiễm môi trường, dịch bệnh trong quá trình nuôi”. Đề nghị bổ sung thêm các nội dung về công tác bảo vệ môi trường.  - Tại mục 1.4. Môi trường: Cần có sự tổng hợp, đánh giá các thành phần môi trường theo giai đoạn, kết quả quan trắc chất lượng môi trường của năm 2020, năm 2021 không đại diện cho chất lượng môi trường của tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối với các nhận định về các thành phần môi trường cần phải có đánh giá theo chuỗi số liệu, không nên đưa đơn cử một năm, một tháng hay 1 thông số. Đề nghị rà soát lại. Trường hợp xác định năm để đánh giá cần thống nhất chung tổng thể các thành phần phải cùng năm đánh giá. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại các mục tương ứng báo cáo |
|  | - Hiện trạng và phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đề nghị cập nhập số liệu theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh TT. Huế về Phương án phát triển các cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
|  | - Tại Bảng 95. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt, cấp nước sinh hoạt đô thị của tỉnh Thừa thiên Huế: đề nghị rà soát loại bỏ các nhà máy nước không còn hoạt động như: nhà máy nước Điền Môn, nhà máy nước Hòa Bình Chương, Tân Bình…  - Tại trang 182, nội dung: huyện Phú Lộc: Đã có trạm xử lý nước thải ở thị trấn Lăng Cô (4.750m3/ngày). | Đã chỉnh sửa theo góp ý |
|  | - Tại mục 4.7. Khu xử lý chất thải: Hiện tại khối lượng chất thải phát sinh đã vượt so với quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế, cần cập nhật số liệu về chất thải rắn (Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, trong đó đã cập nhật, dự báo khối lượng chất thải rắn theo thực tế hiện nay).  - Tại mục 4.7.1.4. Quản lý chất thải nông nghiệp nguy hại: Đề nghị ghi rõ nguồn năm nào?  - Tại mục 4.7.1.5 Quản lý CTR công nghiệp: Đề nghị chỉnh sửa lại thông tin do nhà máy xử lý rác Thủy Phương ngừng hoạt động từ 2018. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại các mục tương ứng báo cáo |
|  | - Tại trang 262, nội dung: Đánh giá chất lượng môi trường nước sông Hương và các chi lưu qua các năm 2017-2020: Đề nghị đánh giá trong khoảng thời gian 5 năm hoặc 10 năm để thấy được diễn biến chất lượng. | Đã bổ sung đánh giá trong khoảng thời gian 5 năm hoặc 10 năm. |
|  | - Mục IV.2.1.2. Khu bảo tồn đất ngập nước Tam Giang- Cầu Hai: Đề nghị sửa lại đúng theo Quyết định thành lập: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai. | Đã chỉnh sửa theo góp ý thành: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai. |
|  | - Các chỉ tiêu đến năm 2030 và 2050: rà soát, đối chiếu và thống nhất các chỉ tiêu đã được xác định theo Nghị Quyết Số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các chỉ tiêu như:  + Tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch;  + Tỷ lệ độ che phủ rừng;  + Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường;  + Tỷ lệ khu công nghiệp có chất thải rắn được thu gom. |  |
|  | - Tại mục 6.3.3. Phòng, chống khắc phục hậu quả do nước gây ra: Chưa có thông tin, đề nghị bổ sung.  - Tại mục 6.4.2.3. Các giải pháp ứng phó BĐKH: Đề nghị cập nhật giải pháp từ Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã được UBND tỉnh ban hành. |  |
|  | - Tại mục VII.3. Phương án phát triển hệ thống thoát nước thải: Rà soát lại việc đầu tư các nhà xử lý nước thải phù hợp với tình hình phát triển đảm bảo đầu tư hiệu quả. Xem xét lại việc nước thải sau xử lý khi đầu tư nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của thị trấn Phú Đa – Phú Vang nguồn tiếp nhận là Sông An Cựu. |  |
|  | - Tại mục I.2, trang 644, nội dung: Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản: Khu bảo tồn đất ngập nước 2.671 ha của 22 Khu bảo vệ thủy sản (khu bảo vệ nghiêm ngặt theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/02/2022).  Đề nghị xem lại nội dung, vì rừng phòng hộ Bắc Hải Vân thuộc huyện Phú Lộc và Nam Đông đang được tỉnh đề xuất chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan với diện tích khoảng 40.000 ha). Do vậy, khu vực này cũng được xếp vào Vùng bảo vệ nghiêm ngặt đến năm 2030.  Ngoài ra, khu vực Tam Giang - Bạch Mã (diện tích 160.000 ha) đang được đề xuất trở thành Công viên địa chất toàn cầu. Sau khi được khoanh vi các vùng bảo vệ và các vùng phát triển, các vùng bảo vệ của khu vực Tam Giang - Cầu Hai sẽ được đưa vào Vùng bảo vệ nghiêm ngặt (dự định sau năm 2030).  Thông tin chưa chính xác: Thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt phải là KBT thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai có diện tích 2.071,5 ha, bao gồm phân vùng Ô Lâu (1.270,2 ha), phân vùng Cồn Tè - Rú Chá (187,1 ha) và 23 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (614,2 ha) (Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/02/2020).  - Tại mục I.2, trang 644, nội dung: Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên (nếu có): Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên (nếu có); Khu vực bảo vệ 2 của di tích lịch sử - văn hóa của vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên; Vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật: Vùng ngập nước Tam Giang - Cầu Hai; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước của vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên; Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị (Thị xã Hương Trà, Phong Điền dự kiến được quy hoạch đô thị loại IV; Các đô thị loại V: thị trấn A Lưới, Khe Tre, Phong Điền, Phú Lộc, Lăng Cô, Phú Đa, Sịa, Vinh Thanh, Phú Mỹ, Thanh Hà, La Sơn, Vinh Hiền và Vinh Hưng); Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước trên sông Hương); Khu vực có yếu tố nhạy cảm khác cần được bảo vệ (Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân - đang được đề xuất chuyển hạng từ rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng với loại hình là Khu bảo vệ cảnh quan).  Đề nghị chỉnh sửa như sau:  Vùng hạn chế phát thải  Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt  Vùng đệm của các KBT thiên nhiên bao gồm: VQG Bạch Mã, KBT thiên nhiên Phong Điền, KBT Sao La, KBT đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai bao gồm toàn bộ 17.945 ha diện tích đất mặt nước xung quanh đầm phá và vùng sinh cảnh là địa giới hành chính của 33 xã xung quanh đầm phá có diện tích là 69.684 ha (Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/2/2020) và Hành lang ĐDSH kết nối KBT Sao La với KBT thiên nhiên Phong Điền  Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt  Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước ở tỉnh Thừa Thiên Huế là hành lang của 24 nguồn nước mặt hiện đang được Công ty cổ Phần Cấp nước Thừa Thiên Huế khai thác phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh.  Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V   * 1. Năm phường Phú Bài, Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu và Thủy Lương thuộc thị xã Hương Thủy (sẽ lên quận vào năm 2030); Năm phường Tứ Hạ, Hương Vân, Hương Văn, Hương Xuân và Hương Chữ thuộc thị xã Hương Trà; Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang; Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền; Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền; Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc; Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc; Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới và Thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông; Đô thị mới La Sơn (huyện Phú Lộc); Đô thị mới Vinh Thanh (huyện Phú Vang); và Đô thị mới Phong An (huyện Phong Điền).   Theo Quy hoạch đến năm 2030, Thừa Thiên Huế sẽ có thêm ít nhất 6 đô thị mới loại V, bao gồm: Phú Mỹ (huyện Phú Vang), Thanh Hà (huyện Quảng Điền), Vinh Hiền và Vinh Hưng (huyện Phú Lộc - Nam Đông), Hồng Vân và Lâm Đớt (huyện A Lưới). Những đô thị mới này cũng sẽ được xếp vào Vùng hạn chế phát thải trước năm 2030.  Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của UBND cấp tỉnh  Là khu vực hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước trên sông Hương.  Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường khác cần được bảo vệ  Khu vực II của 173 khu di tích lịch sử - văn hóa  - Tại trang 647, có nội dung: Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được cập nhật và tiếp tục thực hiện tốt: Xác định và khoanh vùng bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên và khu bảo tồn quan trọng; đặc biệt là bảo vệ và phát triển tại VQG Bạch Mã, KBTTN Phong Điền, KBT Sao La, KBTTN đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai, Hành lang bảo tồn ĐDSH KBT Sao La với KBTTN Phong Điền, Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, KBT biển Sơn Chà và vùng RĐD phía Tây Nam thành phố Huế.  Đề nghị cập nhật lại theo Kế hoạch hành động về bảo tồn ĐDSH tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Kế hoạch số 459/KKH-UBND ngày 13/12/2022 cả UBND tỉnh.  - Tại Bảng 97. Các chỉ tiêu cụ thể về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030 và 2050 đối với tỉnh Thừa Thiên Huế: chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng và Diện tích rừng tự nhiên, đề nghị xem lại để thống nhất với các chuyên đề khác: chỉ là 58% năm 2030 và 60% năm 2050 vì hiện nay tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh (57,15%) là rất cao trong cả nước.  - Tại Bảng 98. Bộ chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học cho tỉnh Thừa Thiên Huế: thiếu số liệu; Đề nghị cập nhật lại theo Chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Ngoài ra, chỉ tiêu trong bảng không liên quan đến Chiến lược về ĐDSH của quốc gia.  - Tại trang 653, nội dung: Tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Đề nghị cập nhật theo Kế hoạch số 495/KH-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh.  - Tại trang 654, nội dung: (ii) Bổ sung các điểm quan trắc chất lượng nước dưới đất: Đề nghị bổ sung các điểm quan trắc tạicác khu vựcnuôi trồng thủy sản tập trung vì có lấy nước dưới đất để sử dụng.  - Tại trang 657, nội dung: Như vậy, Quy hoạch đến giai đoạn 2030 và tầm nhìn 2050: Xây dựng hoàn thiện hệ thống quan trắc, thực hiện các chương trình quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về môi trường.Đề nghị phân kỳ theo giai đoạn đến 2030; sau đó đến 2050 (theo hướng tăng dần các thông số quan trắc)khi đó mới có đủ tiềm lực để đầu tư.  - Tại trang 659, nội dung: Về khả năng xử lý: Đến năm 2030, nếu 01 bãi chôn lấp CTRSH có diện tích 2,4 ha được mở rộng tại một trong 02 KXL CTR nêu trên thì sẽ xử lý được 20% lượng rác sinh hoạt phát sinh (tương đương 164.360 tấn/năm hay 450 tấn/ngày); 80% lượng CTRSH phát sinh còn lại trên địa bàn tỉnh khoảng 657.438 tấn/năm hay 1.801 tấn/ngày. Vì thế, Thừa Thiên Huế cần đầu tư mở rộng thêm các Lò đốt CTRSH công suất phù hợp cho định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2030 và năm 2050. Cần tính đến lượng CTRSH được Nhà máy điện rác Phú Sơn xử lý là 600 tấn/ngày.  - Tại trang 660, nội dung: Về phương án phát triển hạ tầng xử lý CTR, triển khai 02 KXL theo Quy hoạch với công nghệ kết hợp compostingvà đốt, gồm Khu xử lý tập trung Phú Sơn (xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy) 40ha và khu xử lý tập trung Hương Bình (xã Hương Bình, thị xã Hương Trà) 48,30ha và có thể mở rộng.Hiện nay, công nghệ composting ở các nhà máy xử lý rác thải trên toàn quốc là không hiệu quả do nhiều nguyên do, nhất là sản phẩm phân compost không được thị trường chấp nhận do kém chất lượng (Nhà máy xử lý rác Thủy Phương cũng đã không hoạt động từ năm 2018). Vì vậy, nên loại bỏ phương án composting. Ngoài ra, phương án này cũng không nằm trong quy hoạch quản lý CTR của tỉnh.  - Tại mục II.1.1. Nguyên tắc phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; mục II.1.2. Khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên: Đề nghị làm rõ tài nguyên gì.  - Tại trang 734. So sánh tác động của các kịch bản phát triển có các nội dung:  Kịch bản 1: Mô hình tăng trưởng hiện tại không có sự thay đổi về xu hướng tăng trưởng năng suất và sử dụng lao động. Đề nghị chỉnh lại: Kịch bản 1: Phát triển theo hướng chùm đô thị đa trung tâm ổn định và cân đối dựa trên các điều kiện kinh tế hiện tại (như ở trang 297).  Theo kịch bản phát triển thấp, tốc độ tăng trưởng GRDP được dự báo vào khoảng 6,5-7,7% trong giai đoạn 2021-2025 và **5,8-7% trong giai đoạn 2026-2030**. Tổng nhập cư lao động là dương trong thời kỳ 2021-2030; trong đó giai đoạn 2021-2025 xuất cư dòng 12,7-42,3 nghìn người; giai đoạn 2026-2030 nhập cư dòng 47,2-86,3 nghìn người. GRDP đầu người cuối kỳ vào khoảng **3.410-3.520 USD trong giai đoạn 2021-2025 và khoảng 4.540-4.840 trong giai đoạn 2026-2030**. Đề nghị chỉnh lại số liệu để thống nhất với Bảng 6 của báo cáo.  Kịch bản 3: Tăng trưởng cao với sự phát triển đột phá về công nghiệp. Đề nghịChỉnh sửa lại cho phù hợp với trang 303: Tăng trưởng cao dựa trên mô hình tăng trưởng đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao phát triển theo hướng kinh tế số và đột phá về công nghiệp.  - Tại mục Các tác động tiêu cực của Quy hoạch tỉnh đến môi trường tự nhiên, xã hội và di sản, di tích, trang 736: các đánh giá khá nghiêm trọng, lớn, phức tạpnên thống nhất ở các mức độ: cao (thay vì nghiêm trọng), trung bình, thấp.  - Tại mục I.7. Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải liên huyện: Đề nghị nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh những nội dung sau:  \* Giai đoạn 2022-2025:  - Đưa vào vận hành nhà máy xử lý rác Phú Sơn để xử lý cho các địa phương: Thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, huyện Phú Vang, huyện Phú Lộc và có thể xử lý cho CTRSH phát sinh của huyện Nam Đông (trường hợp Nam Đông không tiếp tục vận hành chôn lấp). Trường hợp đủ khối lượng cam kết 500 tấn/ngày thì một phần CTRSH của huyện Phú Lộc (khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô) được xử lý tại lò đốt công suất 20 tấn/ngày tại KXL Lộc Thủy.  - Duy trì BCL Quảng Lợi để xử lý CTRSH cho huyện Quảng Điền.  - Kêu gọi đầu tư Khu xử lý Phong Thu quy mô 60 tấn/ngày trong năm 2023.  - Hoàn thiện KXL Đông Sơn để xử lý chôn lấp cho địa bàn huyện A Lưới.  - Xây dựng cơ sở tái chế CTR sau phân loại: Xây dựng các cơ sở thu hồi tái chế tạo nguồn cho các ngành sản xuất có nhu cầu về nguyên, nhiên liệu từ CTR sau phân loại hoặc đưa cơ sở tái chế CTR vào CCN.  - Hoàn thành các điểm tập kết rác: Đối với các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa địa hình ảnh hưởng đến quá trình thu gom đầu tư mạng lưới các điểm tập kết rác hợp vệ sinh: vị trí các điểm tập kết do các địa phương quyết định, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, môi trường, quy hoạch của địa phương và theo quy định pháp luật.  - Hình thành 2 cụm tập kết CTR Y tế tại huyện Nam Đông và huyện A Lưới.  - Bổ sung vị trí, quỹ đất (tại các vị trí gần nguồn phát sinh CTRCN thông thường như KCN, KKT, CCN hoặc các vị trí thuận lợi theo địa phương đề xuất) và kêu gọi đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển CTRCN thông thường để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên có thể tái chế, tái sử dụng từ CTRCN thông thường, đảm bảo thuận lợi cho việc thu gom, chuyển giao.  \* Giai đoạn 2026-2030:  - Duy trì nhà máy xử lý rác Phú Sơn để xử lý cho các địa phương: Thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang, huyện Nam Đông.  - Đầu tư mở rộng Khu xử lý Lộc Thủy.  - Tiếp tục vận hành Khu xử lý Phong Thu quy mô 60 tấn/ngày xử lý cho địa bàn huyện Phong Điền.  - Kêu gọi đầu tư vào Khu xử lý Hương Bình công suất 150-200 tấn/ngày trong năm 2027 để xử lý cho 02 địa phương thị xã Hương Trà và huyện Quảng Điền, phân vùng thành phố Huế để cung cấp CTRSH về cho khu xử lý Hương Bình, khi lượng rác cung cấp vượt quá công suất 600 tấn/ngày của Nhà máy xử lý rác Phú Sơn.  - Kêu gọi đầu tư hoàn thiện khu xử lý Đông Sơn, huyện A Lưới trong năm 2027-2028 để giảm dần công nghệ chôn lấp công suất từ 30 tấn/ngày.  - Tiếp tục tìm kiếm quỹ đất và vị trí xây dựng các bãi thu gom CTR xây dựng và nhà máy tái chế CTR xây dựng.  - Kêu gọi đầu tư cơ sở xử lý chất thải nguy hại tại khu xử lý chất thải rắn tập trung Phú Sơn. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại các mục tương ứng báo cáo |
|  | Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế  Chỉnh sửa mục II, điểm e Khoản 1: Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2030 khoảng 352.915 tấn/năm. Trong giai đoạn 2023 - 2025, quy hoạch và đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại phía Bắc tại huyện Phong Điền; tiếp tục kêu gọi và đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu xử lý Hương Bình, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt A Lưới tại Thôn Loah – Ta Vai, xã Đông Sơn, huyện A Lưới công suất phù hợp. Trong giai đoạn 2026-2030, hoàn thiện và nâng cấp khu xử lý chất thải rắn Lộc Thủy, xử lý dứt điểm lượng rác thải tồn đọng, đóng các bãi chôn lấp, tiến tới bỏ các lò đốt độc lập, công suất thấp. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung quy mô liên huyện với công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải sinh hoạt về lâu dài. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại các mục tương ứng báo cáo |

## Sở Công Thương (CV số 149 /SCT-NL ngày 03 tháng 02 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | I. Đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  1. Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và định hướng, giải pháp phát triển ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  1.1. Về phần đánh thực hiện trạng phát triển ngành công nghiệp  Tại mục I.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế (đối với ngành công nghiệp): đề nghị cập nhật, bổ sung thêm phần đánh giá thực trạng phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh về quy mô, năng lực sản xuất; năng suất lao động; trình độ công nghệ thiết bị, năng lực cạnh tranh sản phẩm của các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực, cụ thể thư sau:  “- Về quy mô, năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chủ lực đến năm 2020: Bia 390 triệu lít/năm; rượu 3 triệu lít/năm; dệt may: may mặc 500 triệu sản phẩm, sợi 92.000 tấn/năm; xi măng: 4 triệu tấn/năm; men frit: 185.000 tấn/năm; gạch ốp lát: 19,2 triệu m2/năm; chế biến thủy hải sản: 9.000 tấn/năm; dăm gỗ, viên nén năng lượng: 700.000 tấn/năm.  - Về lao động, trình độ và nguồn nhân lực ngành công nghiệp: Tổng số lao động công nghiệp đến năm 2020 là 73.920 người (trong đó, ngành công nghiệp chế biến chiếm số lượng lao động đông đảo nhất 68.915 người, chiếm 93,2% lao động toàn ngành; lao động ngành khai khoáng 2.090 người, chiếm 2,8%; lao động ngành sản xuất và phân phối điện nước 1.720 người, chiếm 2,3% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải 1.195 người, chiếm 1,6%);  - Về năng suất lao động: Năng suất lao động công nghiệp (theo giá so sánh 2010) của tỉnh giai đoạn giai đoạn 2011 – 2020 đạt mức khá cao, đến năm năm 2020 đạt 425 triệu đồng/người/năm.  - Về trình độ nguồn nhân lực: Trình độ nguồn nhân lực của tỉnh: tỷ lệ lao động được đào tạo nghề năm 2020 đạt 52%; Trong đó: 2,12 % cao đẳng - đại học - sau đại học; 2,7% trung học chuyên nghiệp; 6,5% công nhân kỹ thuật và 15,5% công nhân được truyền nghề. Nhìn chung lao động ngành công nghiệp có trình độ chuyên môn kỹ thuật còn thiếu, sự mất cân đối trong đào tạo hiện nay cũng ảnh hướng đến phát triển công nghiệp của tỉnh: đặc biệt là ngành dệt may thiếu trầm trọng lao động kỹ thuật chuyên ngành may, ngành khai thác mỏ thiếu kỹ sư khai thác mỏ, ngành chế biến thủy hải sản thì thiếu cử nhân ngành thủy sản,…trong lúc đó đào tạo cử nhân, đại học quá nhiều, ngành nghề không phù hợp nên doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng (thiếu kỹ sư công nghệ, kỹ sư thực hành); Tình trạng lao động được đào tạo không ở lại quê hương còn diễn ra khá phổ biến.  - Về trình độ công nghệ: Trong giai đoạn 2011-2020, cơ cấu công nghệ trong sản xuất công nghiệp của tỉnh đã có nhiều thay đổi theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại. Đến nay đã hình thành một cơ cấu công nghệ đa dạng về trình độ và xuất xứ, đan xen trong từng doanh nghiệp và từng chuyên ngành sản xuất công nghiệp.  Thông qua các dự án đầu tư chiều sâu, đầu tư mới từ nhiều nguồn vốn trong nước và vốn đầu tư nước ngoài, cùng với sự hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, một số công nghệ mới đã được chuyển giao từ các nước công nghiệp phát triển và được áp dụng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Một đặc điểm rõ nét là sự phân tầng trình độ công nghệ trong từng ngành và trong nhiều doanh nghiệp: công nghệ lạc hậu công nghệ trung bình là chủ yếu. Công nghệ tiên tiến hiện đại chỉ tập trung vào một số lĩnh vực như: sản xuất bia Huda, rượu Sakê, tôm đông lạnh, may xuất khẩu (các doanh nghiệp: HBI, Tokyostyle, Scavi); lon kim loại (Baosteel Can Making -Huế Việt Nam); Dược (Dược Trung ương Huế, sinh dược phẩm Hera…và chủ yếu tập trung ở các khu công nghiệp và doanh nghiêp có vốn đầu tư nước ngoài. Một số doanh nghiệp trong ngành công nghiệp đã mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, nhất là lĩnh vực sản xuất dược phẩm (thuốc), chế biến hải sản, đồ uống,… tham gia quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như: GMP, HACCP, ISO,… nhằm tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng chủng loại, nhiều mẫu mã mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường, nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ, hiệu quả sản xuất đã tăng lên. Tuy nhiên hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trên địa bàn của tỉnh chưa nhiều, còn hoạt động nhỏ lẻ, nguồn vốn đầu tư còn ít, đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ còn thiếu về số lượng, chưa đồng bộ về chất lượng.”  1.2. Về thực trạng phát triển cụm công nghiệp  Tại mục III.3.3 Cụm công nghiệp: đề nghị cập nhật, bổ sung lại phần thực trạng cụm công nghiệp như sau:  “Tính đến năm 2021, tỉnh Thừa Thiên Huế có 08 cụm công nghiệp (CCN) đã được thành lập và nằm trong phương án phát triển cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030. Tuy nhiên, trong đó có 03 cụm công nghiệp chưa được đầu tư hạ tầng là CCN Vinh Hưng - huyện Phú Lộc, CCN Điền Lộc - huyện Phong Điền, và CCN Hương Phú - huyện Nam Đông; có 02 cụm công nghiệp đã được thành lập nhưng đề xuất đưa ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030 do vị trí gần khu dân cư, không còn phù hợp để phát triển cụm công nghiệp (CCN Thuận An, CCN Bắc An Gia). Bên cạnh đó, CCN Hương Hòa- huyện Nam Đông cũng mới chỉ có 2,7 ha đất được cho thuê trong tổng số 10 ha đất quy hoạch. Như vậy về thực chất, tỉnh hiện chỉ có 03 CCN đi vào hoạt động và có tỷ lệ lấp đầy cao là CCN Thủy Phương – TX. Hương Thủy, CCN Tứ Hạ - TX. Hương Trà, và CCN An Hòa – TP. Huế. Đây đều là các CCN có vị trí giao thông thuận lợi, nằm trong hoặc giáp ranh với thành phố Huế trong bán kính khoảng 10 km. Ngoại trừ CCN An Hòa do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp thành phố Huế làm chủ đầu tư, còn lại các cụm công nghiệp khác do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực cấp huyện làm chủ đầu tư.  Việc thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp đạt kết quả khả quan, đã thu hút được 134 dự án đầu tư vào các CCN, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 1.986,8 tỷ đồng; trong đó có 112 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tính đến năm 2021 đạt khoảng 108 ha, tỷ lệ lấp đầy của các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động đạt khoảng 57%, tổng số lao động đang làm việc tại các CCN khoảng 7.724 lao động; thu nhập bình quân của lao động là 5 triệu đồng/người/tháng. Hạ tầng phát triển các cụm công nghiệp còn tương đối hạn chế, và chưa có cụm công nghiệp nào được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.”  Tại Bảng 29: Các cụm công nghiệp hiện hữu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị điều chỉnh lại thông tin về hiện trạng các cụm công nghiệp (có Bảng 29 sửa đổi kèm theo).  1.3. Về định hướng phát triển ngành công nghiệp  Tại mục III.3.3. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp: đề nghị điều chỉnh, bổ sung lại như sau:  “Tập trung phát triển mạnh công nghiệp về chiều rộng và chiều sâu theo hướng hiện đại, phù hợp với tiềm năng, lợi thế so sánh, sử dụng công nghệ sạch, đảm bảo môi trường; tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa và trở thành ngành kinh tế có đóng góp quan trọng của tỉnh trên các góc độ: đóng góp vào GRDP, tạo nguồn thu ngân sách và tạo công ăn việc làm. Ưu tiên phát triển một số ngành như công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp sản xuất điện từ nguồn năng lượng xanh như LNG, năng lượng tái tạo; sản xuất lắp ráp ô tô; các ngành chế biến sâu; công nghệ thông tin và phần mềm, hóa dược, thiết bị và sản phẩm y tế,….  Định hướng phát triển các ngành sản phẩm bao gồm các trọng tâm:  - Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực: Phát triển ngành công nghiệp dệt may trở thành một trong những ngành chủ lực về xuất khẩu. Trong đó phát triển lĩnh vực may mặc từ mô hình CMT (gia công may mặc) hiện nay sang mô hình sản xuất ODM (từ thiết kế đến gia công); đẩy mạnh phát triển chuỗi liên kết hoàn thiện sản phẩm may mặc để thụ hưởng các chính sách xuất nhập khẩu từ các Hiệp định thương mại tự do, với điều kiện có quy mô đầu tư phù hợp, sử dụng công nghệ tiên tiến và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và cảnh quan; Phát triển công nghiệp chế biến sâu từ cát silicat (thạch anh), kính năng lượng mặt trời, kính điện thoại, thuỷ tinh y học, các loại vật liệu mới trong tương lai; Từng bước hình thành và phát triển công nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô, linh kiện điện tử và ngành công nghiệp hỗ trợ.  - Tập trung thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao bao gồm sản xuất vật liệu mới, thiết bị điện tử - viễn thông, sản phẩm công nghệ thông tin, công nghiệp sản xuất rô bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số; và các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao bao gồm sản xuất hóa phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, vắc xin,…  - Tiếp tục mở rộng và thu hút thêm các cụm ngành kinh tế có quy mô sử dụng lao động lớn như may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ… để giải quyết công ăn việc làm, tạo sinh kế cho người dân để giảm dần tỷ suất di cư lao động khỏi địa phương.  - Phát triển công nghiệp hỗ trợ, hướng tới hình thành một số cụm ngành theo các hướng tích hợp theo chiều dọc về phía thượng nguồn và hạ nguồn của chuỗi giá trị (như cụm ngành dệt may, cụm ngành sản xuất chế biến gỗ công nghiệp thành phẩm và đồ nội thất; cụm ngành công nghiệp silicat...)  - Mở rộng theo chiều ngang cụm ngành có vai trò đặc biệt quan trọng về tạo nguồn thu ngân sách là sản xuất đồ uống. Định hướng phát triển các sản phẩm đồ uống mới bên cạnh sản phẩm bia truyền thống.  - Thu hút các dự án công nghiệp chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, có tỷ suất đầu tư trên một đơn vị diện tích bằng hoặc cao hơn bình quân cả nước trong các lĩnh vực cơ khí chế tạo, lắp ráp ô tô, điện tử và điện gia dụng, công nghiệp hỗ trợ…  - Củng cố mối liên kết giữa các cụm ngành chế biến - chế tạo có hàm lượng R&D cao với các trường đại học trên địa bàn để hình thành các cụm ngành kinh tế mạnh, bao gồm: công nghiệp công nghệ số, sản xuất thuốc và dược phẩm; sản xuất hóa, mỹ phẩm; chế biến thực phẩm, công nghệ sinh học…  - Tiếp tục hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ, quà tặng, hàng lưu niệm phục vụ du lịch; Phát triển công nghiệp nông thôn bền vững, dựa trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, nguồn nguyên liệu tại chỗ góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.”  1.4. Về phương án phát triển cụm công nghiệp  - Tại Bảng 22. Các cụm công nghiệp phát triển thời kỳ 2021-2030: ngày 09/01/2023, UBND tỉnh đã có Quyết định số 89/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030; theo đó giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 28 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 1.405,1 ha. Do đó, đề nghị đơn vị tư vấn điều chỉnh danh mục các cụm công nghiệp tại Bảng 22 (có Bảng 22 điều chỉnh kèm theo).  - Tại mục III.2.3.3 Các giải pháp phát triển: các giải pháp để thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp chưa phù hợp; đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu, bổ sung các giải pháp phát triển cụm công nghiệp theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh (*giải pháp về cơ chế, chính sách, vốn và đầu tư hạ tầng, đất đai,...).*  - Tại mục IX. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở phòng, chữa cháy: đề nghị nghiên cứu bố trí các cơ sở phòng, chữa cháy đáp ứng nhu cầu của các cụm công nghiệp và điều chỉnh tên các cụm công nghiệp phù hợp với phương án phát triển cụm công nghiệp theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh.  - Tại mục II.1.2 Định hướng sử dụng đất theo các khu vực và khoanh vùng chức năng: diện tích đất cụm công nghiệp tại phần khu vực công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp chưa thống nhất với Bảng 65. Chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, và chưa thống nhất với phương án phát triển cụm công nghiệp. Đề nghị cập nhật và thống nhất diện tích đất các cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 09/01/2023.  - Tại Bảng 111. Danh mục dự án đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án thời kỳ 2021-2030: đề nghị điều chỉnh danh mục dự án đầu tư cụm công nghiệp theo Bảng 111 (*điều chỉnh dự án đầu tư cụm công nghiệp*) đính kèm.  - Tại phần phụ lục danh mục bản đồ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế: đề nghị bổ sung Bản đồ phương án phát triển các cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Đã tiếp thu và bổ sung trong báo cáo tổng hợp |
|  | 2. Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và định hướng, giải pháp phát triển ngành dịch vụ thương mại và hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại của tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  2.1. Bổ sung Mục tiêu phát triển đến 2030:  Xây dựng trung tâm logistics tại khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trên cơ sở kết nối Cảng biển nước sâu Chân Mây và Ga hàng hóa Cảng hàng không quốc tế Phú Bài, Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô, Khu công nghiệp Phú Bài và các khu vực liên quan.  . 2.2. Bổ sung một số giải pháp như sau:  2.2.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh  a) Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trong đó chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính  - Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; loại bỏ những văn bản, quy định chồng chéo, không còn phù hợp; ban hành các văn bản mới rõ ràng, cụ thể, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp với các cam kết quốc tế và tình hình thực tế.  - Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, tiếp cận đất đai, xây dựng cơ bản, xuất nhập khẩu, thuế, Hải quan; đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Thường xuyên tiến hành đối thoại, tham vấn với doanh nghiệp để cùng tham gia xây dựng, hoàn thiện môi trường kinh doanh.  - Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, rà soát các thủ tục hành chính để chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001:2015. Tăng cường tiếp nhận, giao trả trực tuyến thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.  - Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.  - Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề để nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là pháp luật quốc tế, thương mại quốc tế; trước hết là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt các ngành, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp, cán bộ làm công tác tố tụng, đội ngũ luật sự và những người trực tiếp làm công tác hội nhập quốc tế.  b) Xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu  - Tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho doanh nghiệp kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, nhất là các doanh nghiệp kinh doanh hàng xuất khẩu, và các chương trình tín dụng trọng điểm theo quy định.  - Triển khai thực hiện Chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 – 2025.  - Thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh, tạo giá trị gia tăng: Công nghiệp hỗ trợ dệt may; công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô; công nghiệp chế biến sâu từ nguyên liệu cát …  - Tiếp tục tổ chức, thông tin cho các doanh nghiệp tham dự hội chợ, triển lãm, hội nghị, diễn đàn, giao dịch thương mại... tại các thị trường xuất khẩu quan trọng, thị trường tiềm năng, thị trường Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại và khai thác các thị trường mới; tổ chức đoàn xúc tiến thương mại cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh tại Lào, Campuchia và Thái Lan.  - Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dựng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để tăng cường quản bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử như Amazon, Ebay..., giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm.  - Tuyên truyền phổ biến các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... để doanh nghiệp nắm bắt và tận dụng | Tiếp thu các giải pháp và viết gọn lại để phù hợp tương quan về độ dài với các phần khác |
|  | 2.3. Bổ sung Danh mục dự án ưu tiên của Tỉnh về phát triển dịch vụ thương mại và kết cấu hạ tầng thương mại:  - Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.  2.4. Đề nghị bổ sung thêm  Phụ lục các vị trí kêu gọi đầu tư trung tâm logistics theo Kế hoạch 159/KH-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 20/4/2021 *về* Phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025. | Đã có bổ sung trong danh mục dự án ưu tiên  Tuy nhiên Quy hoạch tích hợp tỉnh chỉ định hướng về không gian, không chi tiết về vị trí cụ thể của dự án đầu trung tâm Logistics không |
|  | 3. Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  3.1. Cập nhật đánh giá hiện trạng và phương án phát triển mạng lưới cấp điện theo nội dung góp ý trực tiếp tại Chuyên đề định hướng phát triển kết cấu hạ tầng điện tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(file đính kèm)*  3.2. Đề nghị tư vấn cập nhật số liệu tại Phương án phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110 kV thuộc Chuyên đề định hướng phát triển kết cấu hạ tầng điện tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |
|  | II. Đối với dự thảo Quyết định Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:  - Tại mục II.4. Các định hướng lớn tạo đột phá phát triển (đối với các ngành trọng điểm), nội dung:  “Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, kinh tế số là một trong 3 trụ cột phát triển trong thời kỳ mới của Thừa Thiên Huế. Tập trung phát triển một số ngành như công nghiệp hỗ trợ dệt may; công nghiệp sản xuất điện từ nguồn năng lượng xanh như LNG, năng lượng tái tạo; sản xuất, lắp ráp ô tô; các ngành chế biến sâu” **đề nghị điều chỉnh lại như sau:**  “Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, kinh tế số là một trong 3 trụ cột phát triển trong thời kỳ mới của Thừa Thiên Huế. Ưu tiên phát triển một số ngành như công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp sản xuất điện từ nguồn năng lượng xanh như LNG, năng lượng tái tạo; sản xuất lắp ráp ô tô; các ngành chế biến sâu; công nghệ thông tin và phần mềm; hóa dược, thiết bị và sản phẩm y tế,… ”  - Tại mục III.1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng (đối với ngành công nghiệp), đề nghị điều chỉnh lại như sau:  “Tập trung phát triển mạnh công nghiệp về chiều rộng và chiều sâu theo hướng hiện đại, phù hợp với tiềm năng, lợi thế so sánh, sử dụng công nghệ sạch, đảm bảo môi trường; tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa và trở thành ngành kinh tế có đóng góp quan trọng của tỉnh trên các góc độ: đóng góp vào GRDP, tạo nguồn thu ngân sách và tạo công ăn việc làm. Phát triển các cụm ngành chế biến - chế tạo có hàm lượng R&D cao, tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, bao gồm sản xuất vật liệu mới, thiết bị điện tử - viễn thông, sản xuất rô bốt, thiết bị vận hành tự động, điều khiển từ xa;… đưa ngành công nghiệp chế biến chế tạo trở thành một trụ cột chính trong nền kinh tế. Phát triển một số ngành công nghiệp năng lượng thân thiện với môi trường (điện khí, điện gió,...); công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may; cơ khí chế tạo, sản xuất lắp ráp ô tô; công nghiệp công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm; sản xuất công nghiệp hóa mỹ phẩm dược và thiết bị y tế;.... Phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến sâu từ cát silicat,....; Mở rộng cụm ngành sản xuất đồ uống, công nghiệp du thuyền, dụng cụ thể thao (chơi gofl, lướt ván,...); Phát triển công nghiệp hỗ trợ, hướng tới hình thành một số cụm ngành dệt may, cụm ngành sản xuất chế biến gỗ công nghiệp thành phẩm và đồ nội thất; cụm ngành công nghiệp silicat,….; Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn bền vững, dựa trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, nguồn nguyên liệu tại chỗ và sản xuất sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ, quà tặng, hàng lưu niệm phục vụ du lịch góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.  - Tại Phụ lục IV. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030: Đề nghị cập nhật điều chỉnh lại theo phụ lục kèm theo. | Đã tiếp thu ý kiến của Sở CT và điều chỉnh trong QĐ |

## Thị Xã Hương Trà (CV số 257 /UBND-QLĐT ngày 15 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | 1. Về nội dung đề xuất của thị xã Hương Trà (Nội dung đề xuất số 36): UBND thị xã Hương Trà đã rà soát, bổ sung, *hoàn thiện trực tiếp vào các nội dung đề xuất liên quan (Các nội dung điều chỉnh, bổ sung được tô màu để nhận biết trong file đề xuất đính kèm).*  *2. Về báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh: Cơ bản nhất trí như dự thảo; tuy nhiên cần lưu ý điều chỉnh một số nội dung theo nội dung đề xuất số 36 của thị xã, nhất là phương án phát triển Cụm Công nghiệp trên địa bàn thị xã. Cụ thể danh mục phát triển Cụm Công nghiệp trên địa bàn thị xã thời kỳ 2021-2030 như sau:*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | | | **Địa điểm** | **Năm thực hiện** | **Ghi chú** | | **Quy hoạch** | **Hiện trạng** | **Tăng thêm** | | 1 | Khu công nghiệp Tứ Hạ 250 ha | 250 | 126.7 | 123.3 | Phường Tứ Hạ - Hương Văn | 2021-2030 |  | | 2 | Mở rộng Cụm công nghiệp Tứ Hạ (giai đoạn 3) | 75 | 57.3 | 17.7 | Phường Tứ Hạ | 2021-2030 |  | | 3 | Cụm công nghiệp Bình Thành (thôn Tân Thọ) | 75 | - | 75 | Xã Bình Thành | 2021-2030 |  | | 4 | Cụm Công nghiệp Hương Văn 1 (vùng Trạng) | 35 | - | 35 | Phường Hương Văn | 2021-2030 |  | | 5 | Cụm Công nghiệp Hương Văn 2 (Hiệp Khánh) | 24,3 | - | 24,3 | Phường Hương Văn; Phường Hương Vân | 2021-2030 |  | | 6 | Cụm công nghiệp Hương Xuân (Vùng Trạng) | 58 | - | 58 | Phường Hương Xuân | 2021-2030 |  | | 7 | Cụm công nghiệp Hương Vân (Lại Bằng 2) | 75 | - | 75 | Phường Hương Vân | 2021-2030 |  | | 8 | Cụm công nghiệp Tứ Hạ 2 (Tứ Hạ - Hương Vân) | 75 | - | 75 | Phường Tứ Hạ; Phường Hương Vân | 2021-2030 |  | | Đang hoàn thiện lại các nội dung liên quan đến Hợp phần của Thị xã sau khi rà soát tại cuộc họp |
|  |  |  |

## Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Cố Đô Huế (CV số 180/BTDT-DA ngày 17 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | 1. Về Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ tại Mục 6. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng: Thống nhất với Mục tiêu phát triển tổng quát: *“Đến năm 2025 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; đến năm 2030 là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao và tầm nhìn đến năm 2045, là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của Châu Á”* trang 324, và thống nhất phương hướng phát triển du lịch (trang 325) theo nội dung báo cáo. |  |
|  | 2. Về Phương án phát triển các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030:  Đối với phương án được đề xuất Mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh tuyến Trung ương, Bộ, ngành: “(3) Trung tâm pháp y tâm thần miền Trung: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho Trung tâm tại khu vực gần Bệnh viện Tâm thần Huế, diện tích 10 ha (vị trí bệnh viện Quân y 268 cũ)” trang 344. Theo kế hoạch của Tỉnh đã được phê duyệt, khu vực Đồn Mang Cá (bao gồm cả bệnh viện Quân y 268) sẽ được bàn giao cho Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế quản lý vào năm 2025 sau khi Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế di dời về trụ sở mới. Theo đó, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đang xây dựng phương án quy hoạch và phát huy giá trị di tích cho điểm di tích này trong dự án Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể Di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2050 và sẽ triển khai thực hiện sau khi được bàn giao. Do đó, phương án đơn vị tư vấn đề xuất đang bị chồng chéo với phương án quy hoạch do Trung tâm BTDT Cố đô Huế đang triển khai. | Đã chỉnh sửa tại báo cáo tổng hợp |
|  | 3. Về Phương hướng phát triển ngành văn hóa, thể thao:  Đối với Định hướng phát triển Văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế: “Bảo tồn và phát huy di sản lịch sử văn hóa: Tổ chức triển khai Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (khi được phê duyệt)” trang 373: đề nghị điều chỉnh tên dự án theo Quyết định số 42/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch: “Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể Di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2050”. | Đã chỉnh sửa tại báo cáo tổng hợp |

## Công An Tỉnh Thừa Thiên Huế (CV số 481 /CAT-TM ngày 06 tháng 02 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | A. Dự thảo Báo cáo thực trạng và quan điểm, mục tiêu về lĩnh vực quốc phòng, an ninh; định hướng phát triển vùng; khu vực đặc biệt về quốc phòng, an ninh trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  I. Về bổ sung số liệu  1. Tại mục 2.1.2.2. Công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội  a. Đấu tranh phòng chống tội phạm  \* Về phạm pháp hình sự:  **Bảng 4:** Tình hình phạm pháp hình sự của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ phạm pháp |  |  |  |  |  |  | |  | | | | | | | | Số vụ trộm cắp | 354 | 400 | 415 | 781 | 512 | 384 | | Cố ý gây thương tích | 62 | 60 | 57 | 71 | 114 | 86 | | Cướp tài sản | 9 | 6 | 9 | 5 | 7 | 8 | | Cướp giật tài sản | 28 | 53 | 63 | 49 | 48 | 35 | | Khác | 143 | 129 | 154 | 167 | 199 | 212 |   \* Về tệ nạn mại dâm:  **Bảng 5:** Thực trạng đấu tranh mại dâm của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ bị bắt giữ | 6 | 1 | 7 | 3 | 2 | 2 | | Số đối tượng mại dâm | 29 | 7 | 34 | 14 | 14 | 14 | | Số vụ lập hồ sơ khởi tố | 3 | 01 | 2 | 0 | 1 | 1 | | Số vụ xử lý VPHC | 3 | 5 | 5 | 3 | 1 | 1 |   \* Về tệ nạn cờ bạc:  **Bảng 6:** Thực trạng đấu tranh tệ nạn cờ bạc của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ bị bắt giữ | 73 | 64 | 86 | 111 | 156 | 156 | | Số đối tượng đánh bạc | 435 | 390 | 452 | 514 | 852 | 852 | | Số vụ lập hồ sơ khởi tố | 29 | 21 | 25 | 35 | 52 | 43 | | Số vụ XPHC | 44 | 43 | 61 | 76 | 106 | 113 |   \* Tội phạm về kinh tế:  **Bảng 7:** Thực trạng đấu tranh phòng, chống tội phạm kinh tế của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ án kinh tế | 3 | 2 | 4 | 2 | 17 | 30 | | Số bị can phạm tội | 5 | 4 | 4 | 7 | 41 | 51 | | Số vụ tham nhũng | 1 | 2 | 0 | 1 | 1 | 2 | | Số bị can phạm tội | 3 | 2 | 0 | 1 | 1 | 3 | | Xử lý vi phạm về kinh tế | 127 | 128 | 194 | 131 | 125 | 133 |   \* Vi phạm pháp luật về môi trường:  **Bảng 8:** Thực trạng vi phạm về môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ án môi trường | 01 | 01 | 08 | 03 | 01 | 04 | | Số trường hợp xử lý VPHC | 138 | 309 | 410 | 438 | 627 | 411 | | Tổng số tiền phạt (Tỷ đồng) | 2,5 | 2,2 | 1,73 | 2,18 | 2,8 | 1,8 |   \* Phòng chống tội phạm ma túy:  **Bảng 9:** Thực trạng đấu tranh tội phạm ma túy của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ bị bắt giữ | 38 | 49 | 51 | 82 | 95 | 115 | | Số đối tượng mua, bán | 48 | 62 | 66 | 98 | 136 | 143 | | Số vụ lập hồ sơ khởi tố | 36 | 49 | 51 | 82 | 95 | 115 | | Số vụ xử lý VPHC | 61 | 58 | 71 | 83 | 74 | 77 | | Số người nghiện | 476 | 470 | 558 | 377 | 439 | 484 | | Số xã có người nghiện | 65 | 60 | 62 | 62 | 68 | 79 |   b. Quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội  \* Công tác đảm bảo TTATGT:  **Bảng 10:** Thực trạng đảm bảo ATGT của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Số vụ tai nạn giao thông | 540 | 502 | 495 | 826 | 951 | 697 | | Số người chết | 144 | 139 | 128 | 175 | 182 | 147 | | Số vụ vi phạm giao thông | 71.239 | 70.452 | 80.750 | 84.380 | 69.600 | 44.593 | | Số phương tiện tạm giữ | 3.821 | 8.702 | 8.578 | 9.345 | 7.352 | 5.731 | | Thu NSNN (Tỷ đồng) | 51,3 | 56,72 | 56,53 | 59,2 | 52,5 | 36,17 |   \* Công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội:  **Bảng 11:** Thực trạng quản lý hành chính về trật tự xã hội của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2020   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Giải quyết nhân khẩu, HK | 44.588 | 52.642 | 52.520 | 48.476 | 52.241 | 82.624 | | Số vụ vi phạm tàng trữ pháo, TN | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |   c. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ  Toàn tỉnh có 141 xã, phường, thị trấn trấn có tổ tự quản về ANTT (đạt 100%). Tính đến năm 2020, Thừa Thiên Huế có 98,94% xã đảm bảo tiêu chí ANTT và đảm bảo bình yên.  2. Tại mục 2.2.3.2. Đối với lĩnh vực an ninh  *Về số lượng*: Tính đến năm 2020, lực lượng biên chế Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo quân số của Bộ Công an giao, trong đó lực lượng cấp tỉnh chiếm 37,85%, cấp huyện chiếm 31,97% và cấp phường, xã, thị trấn chiếm 30,18%.  *Về chất lượng*: Chất lượng lực lượng Công an tỉnh Thừa Thiên Huế liên tục được nâng cao, tính đến năm 2020, cơ cấu theo trình độ có: 4,07% trình độ sau Đại học; 69,31% trình độ Đại học; 3,11% trình độ Cao đẳng; 21,14% trình độ Trung cấp; 2,37% chưa qua đào tạo.  3. Tại mục 2.2.4. Thực trạng về cơ sở PCCC&CNCH  - **Tại điểm a:** Đề nghị cập nhật thống nhất lại số liệu trụ sở doanh trại, công trình phục vụ PCCC&CNCH như sau: Trung tâm các huyện, thị xã, thành phố: hiện có 07 đội (thành phố Huế: 03 - 02 đội có trụ sở độc lập, 01 đội chưa có trụ sở cố định; thị xã Hương Thuỷ: 01 (đã có trụ sở cố định); huyện Phú Lộc: 01 (đã có trụ sở cố định); huyện Phong Điền và A Lưới: mỗi địa phương 01 đội, chưa có trụ sở cố định).  - **Tại điểm b:** Đề nghị cập nhật thống nhất lại số liệu cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC như sau: (4) Tổng số cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC (phụ lục I Nghị định 136): **12.310** cơ sở; trong đó có 603 cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ (phụ lục II Nghị định 136); **1.836** cơsở do cơ quan Công an quản lý trong đó cấp tỉnh 659 cơ sở; cấp huyện 1.177 cơ sở (phụ lục III Nghị định 136); **10.464** cơ sở thuộc UBND cấp xã quản lý (phụ lục IV Nghị định 136).  ***Bảng 2:*** *Thực trạng về phương tiện PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số  TT | Đơn vị | Xe chữa  cháy (chiếc) | Xe CNCH (chiếc) | Xe thang (chiếc) | Xe bơm (chiếc) | Xe bồn (chiếc) | Ca nô (Chiếc) | Máy bơm CC (Chiếc) | | 01 | Phòng Cảnh sát PCCC& CNCH | 11 | 02 | 03 | - | 03 | 03 | 09 | | 02 | CATP. Huế | 03 | - | - | - | - | - | - | | 03 | CA huyện  Phong Điền | 04 | - | - | - | 01 | - | 02 | | 04 | CA huyện  Phú Lộc | 03 | 01 | - | - | 01 | - | 02 | | 05 | CA huyện  A Lưới | 01 | - | - | - | 01 | - | 05 |   - **Tại điểm h:** Đề nghị cập nhật thống nhất lại số liệu đội PCCC chuyên ngành như sau: Theo quy định, hiện nay tổng số cơ sở phải thành lập đội PCCC chuyên ngành là 7 cơ sở, hiện còn 03 cơ sở thuộc diện phải thành lập nhưng chưa thành lập đội PCCC chuyên ngành.  4. Tại mục 3.2.1.2. Quan điểm phát triển và mục tiêu đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội  **Bảng 20.** Tổng hợp các chỉ tiêu thực hiện ANQP Thừa Thiên Huế giai đoạn 2025 - 2030   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2030 | |  | Ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội | Giữ vững | Giữ vững | |  | % xã, phường, thị trấn vững mạnh về ANQP | >95 | >98 | | 1 | % khu dân cư đạt chuẩn “An toàn về ANTT” | >90 | >95 | | 2 | % xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “An toàn về ANTT” | >90 | >95 | | 3 | % cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn “An toàn về ANTT” | >95 | >97 | | 4 | % trường học đạt chuẩn “An toàn về ANTT” | >90 | >95 | | 5 | % hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm | 100 | 100 | |  | % huấn luyện lực lượng thường trực hàng năm | 100 | 100 | |  | % dự bị động viên so với chỉ tiêu được giao | 98,5 | >99 | |  | % dân quân tự vệ so với tổng lực lượng | >80 | >85 | |  | % diễn tập khu vực phòng thủ so với chỉ tiêu KH được giao | 100 | 100 |   5. Tại mục 3.3.2.2 Dự án quan trọng cấp tỉnh của lĩnh vực an ninh  **Bảng 25:** Danh mục các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ANTT giai đoạn 2021 - 2030   | STT | Tên dự án | Địa điểm | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | | | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tổng vốn | NS Bộ CA | NS Thừa Thiên Huế | | 1 | Dự án cơ sở làm việc của Công an tỉnh | Đường Thuỷ Dương, Thuận An, khu đất có ký hiệu TH2 và TH3 | 799 | 40 | 759 | | 2 | Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Trung tâm nghiên cứu và đào tạo, huấn luyện PCCC, cứu nạn, cứu hộ tỉnh Thừa Thiên Huế | Lô Đất một phần thuộc phường An Đông, thành phố Huế và một phần lô đất thuộc xã Thuỷ Thanh, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế |  | 8  (đã đền bù giải phóng mặt bằng) |  | | 3 | Dự án xây dựng 50 trụ sở làm việc của Công an xã, phường, thị trấn |  | 104 |  | 104 | | 4 | Dự án cơ sở làm việc của Công an huyện Phong Điền |  | 60,8 | 60,8 |  | | 5 | Dự án cơ sở làm việc của Công an huyện Quảng Điền |  | 59 | 59 |  | | 6 | Dự án cơ sở làm việc của Công an huyện Phú Lộc |  | 54,1 | 44,1 | Ngân sách huyện 10 tỷ | | 7 | Dự án cơ sở làm việc của Công an thị xã Hương Thủy |  | 54,5 | 44,5 | Ngân sách UBND thị xã 10 tỷ | | 8 | Nhà điều dưỡng thuộc Công an tỉnh | Khu quy hoạch thuộc phường Thuận An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế |  |  |  | | 9 | Trường Bắn Công an tỉnh | Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế |  |  |  | | 10 | Dự án đầu tư xây dựng 20 cơ sở PCCC |  |  |  |  | | 11 | Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác PCCC |  |  |  |  | |  | Tổng | | 1.139,4 | 256,4 | 883 |   6. Tại Phụ lục 1: Nhu cầu đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau:  a) Đối với nội dung tại mục I. Vị trí đất đang quản lý sử dụng, STT số 29 đề nghị điều chỉnh nội dung: “*Đội Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (số 5) thuộc phòng PC07*” thành “*Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an huyện Phú Lộc*”.  b) Đối với nội dung tại mục II. Vị trí đất quy hoạch mới đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 đề nghị bổ sung nhu cầu đất, vị trí, diện tích quy hoạch sử dụng của 22 đội Cảnh sát PCCC&CNCH dự kiến thành lập trong giai đoạn này.  II. Về nội dung dự thảo  - **Tại mục 2.2.3.2**. bổ sung chữ “vực” thành “Đối với lĩnh vực an ninh”.  - **Tại danh mục chữ viết tắt**: sửa “CANN” (viết tắt của Công an nhân dân) thành “CAND”.  - **Tại Bảng 13** - Thực trạng sử dụng đất của cơ sở do Công an tỉnh quản lý: địa chỉ khu đất Trụ sở làm việc của Công an tỉnh sửa “Số 27 Trần Văn Cao” thành “Số 27 Trần Cao Vân”. | Đã bổ sung nội dung đánh giá phân tích số liệu tại mục 2.1.2.2. Công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội  Đã chỉnh sửa theo góp ý tại mục 2.2.3.2. Đối với lĩnh vực an ninh  Đã chỉnh sửa theo góp ý tại mục 3.2.1.2. Quan điểm phát triển và mục tiêu đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội  Đã chỉnh sửa theo góp ý tại mục 3.3.2.2 Dự án quan trọng cấp tỉnh của lĩnh vực an ninh  Đã chỉnh sửa theo góp ý tại phụ lục 1- Nhu cầu đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế |
|  | B. Dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh và đề xuất tích hợp các nội dung thuộc ngành/lĩnh vực, địa phương phụ trách - Phần 1  Mục IV.8 Thực trạng mạng lưới cơ sở phòng cháy, chữa cháy  **1. Tại mục IV.8.1 Lực lượng PCCC** đề nghị cập nhật nội dung sau: “Tính đến năm 2020, số lượng cán bộ, chiến sĩ và chiến sĩ nghĩa vụ làm công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo đủ quân số theo yêu cầu của Bộ Công an, trong đó có 63,2% làm việc tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH của tỉnh; 36,8% làm việc tại các huyện. Tại cấp phòng: có 41,1% cán bộ, chiến sĩ làm ở vị trí CC&CNCH; 30,1% là chiến sĩ nghĩa vụ, 9,6% cán bộ chiến sĩ phòng cháy, 6,8% cán bộ tham mưu và 6,8% cán bộ chữa cháy. Tại cấp huyện: có 37,6% cán bộ, chiến sĩ thuộc 6 địa phương chưa có quy hoạch PCCC; 31,8% cán cán bộ, chiến sĩ thuộc 3 địa phương có trụ sở PCCC. Xét về trình độ chuyên môn thì thấy: 41,1% cán bộ, chiến sĩ có trình độ đại học, 26,8% trình độ trung cấp, 42,9% chưa qua đào tạo và 3,5% được bồi dưỡng nghiệp vụ”.  2. Tại mục IV.8.2 Cơ sở hạ tầng phục vụ công tác PCCC  a) Điểm a: Về trụ sở doanh trại, công trình phục vụ PCCC& CNCH  Đề nghị cập nhật nội dung sau: “Trung tâm các huyện, thị xã, thành phố: hiện có 07 đội (thành phố Huế: 03 - 02 đội có trụ sở độc lập, 01 đội chưa có trụ sở cố định; thị xã Hương Thuỷ: 01 (đã có trụ sở cố định); huyện Phú Lộc: 01 (đã có trụ sở cố định); huyện Phong Điền và A Lưới: mỗi địa phương 01 đội, chưa có trụ sở cố định)”.  b) Điểm b: Về số lượng các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC, cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ đề nghị cập nhật nội dung sau: (4) Tổng số cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC (phụ lục I Nghị định 136): **12.310** cơ sở trong đó có 603 cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ (phụ lục II Nghị định 136); **1.836** cơsở do cơ quan Công an quản lý trong đó cấp tỉnh 659 cơ sở; cấp huyện 1.177 cơ sở (phụ lục III Nghị định 136); **10.464** cơ sở thuộc UBND cấp xã quản lý (phụ lục IV Nghị định 136).  c) Điểm d: Về phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, đề nghị cập nhật thống nhất lại số liệu phương tiện chữa cháy như sau: Tổng số xe, máy bơm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là 34 xe gồm: 22 xe chữa cháy, 06 xe bồn chở nước, 03 xe thang, 03 xe CNCH.  ***Bảng 3:*** *Thực trạng về phương tiện PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số  TT | Đơn vị | Xe chữa  cháy (chiếc) | Xe CNCH (chiếc) | Xe thang (chiếc) | Xe bơm (chiếc) | Xe bồn (chiếc) | Ca nô (Chiếc) | Máy bơm CC (Chiếc) | | 01 | Phòng Cảnh sát PCCC& CNCH | 11 | 02 | 03 | - | 03 | 03 | 09 | | 02 | CATP. Huế | 03 | - | - | - | - | - | - | | 03 | CA huyện  Phong Điền | 04 | - | - | - | 01 | - | 02 | | 04 | CA huyện  Phú Lộc | 03 | 01 | - | - | 01 | - | 02 | | 05 | CA huyện  A Lưới | 01 | - | - | - | 01 | - | 05 |   C. Dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh và đề xuất tích hợp các nội dung thuộc ngành/lĩnh vực, địa phương phụ trách - Phần 2  Mục IX. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở phòng cháy, chữa cháy  **1. Mục IX.2 Dự báo nhu cầu phát triển**, tại bảng 47 nội dung Các cơ sở cần bổ sung đất của PCCC tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đề nghị chuyển thành Các cơ sở cần bổ sung đất của PCCC tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2050.  2. Mục IX.3 Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở phòng, chữa cháy cần điều chỉnh, cập nhật các nội dung sau:  2.1. Định hướng quy hoạch phát triển các Đội Cảnh sát PCCC&CNCH, Đội PCCC cơ sở, Đội PCCC chuyên ngành, Đội dân phòng.  a) Bổ sung nội dung liên quan thành lập các đội Cảnh sát PCCC&CNCH, cụ thể: quy hoạch mới: 24 đội (giai đoạn 2021 - 2030: 11 đội; giai đoạn 2030 - 2050: 13 đội).  b) Bổ sung bảng số liệu sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Tên đơn vị hành chính và tên đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH hiện có ở đơn vị hành chính đó | Trực thuộc cấp Công an nào | Quy hoạch vị trí bố trí đơn vị | | | | Quy hoạch phát triển | | | | Giữ nguyên vị trí | | Định hướng quy hoạch | | Tổng số đơn vị thành lập mới | Thời kỳ 2021 - 2030 | Tầm nhìn đến năm 2050 | | 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | | 6 | 7 | 8 | | I | CẤP TỈNH |  | 02 | | 02 | | 04 | 02 | 02 | | 1 | Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH | Cấp tỉnh | - | | 01 (Đường Thuỷ Dương - Thuận An, khu đất có ký hiệu TH2 và TH3 - nằm trong khuôn viên trụ sở Công an tỉnh) | | - | - | - | | 2 | Các đội Cảnh sát PCCC&CNCH trực thuộc Phòng | Cấp tỉnh | 02 | | - | | 04 | 02 | 02 | | 2.1 | Đội Chữa cháy và CNCH số 1 | Cấp tỉnh | - | | 01 (Đường Thuỷ Dương - Thuận An, khu đất có ký hiệu TH2 và TH3 - nằm trong khuôn viên trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và trụ sở chung của Công an tỉnh) | | - | - | - | | 2.2 | Đội Chữa cháy và CNCH số 2 | Cấp tỉnh | 01 | | - | | - | - | - | | 2.3 | Đội Chữa cháy và CNCH số 3 | Cấp tỉnh | 01 | | - | | - | - | - | | 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | | 6 | 7 | 8 | | 2.4 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông tại phường Vỹ Dạ (quy hoạch mới) | Cấp tỉnh | - | | - | | 01 | 01 | - | | 2.5 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH đặc biệt tinh nhuệ (quy hoạch mới) | Cấp tỉnh | - | | - | | 02 | 01 | 01 | | 2.6 | Trạm CC&CNCH tại Ga Huế thuộc Đội Chữa cháy và CNCH số 1 (quy hoạch mới) | Cấp tỉnh | - | | - | | 01 | - | 01 | | II | CẤP HUYỆN |  | 05 | | 04 | | 16 | 07 | 09 | | 1 | Thành phố Huế |  | 01 | | - | | 02 | 01 | 01 | | 1.1 | Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an TP Huế | Cấp huyện | 01 | | - | | - | - | - | | 1.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại phường Thuận An, cảng Thuận An (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 1.3 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại xã Thuỷ Bằng (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 2 | Thị xã Hương Thuỷ |  | 01 | | - | | 02 | 01 | 01 | | 2.1 | Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an TX Hương Thuỷ | Cấp huyện | 01 | | - | | - | - | - | | 2.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại phường Thuỷ Phương (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 2.3 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KCN Phú Bài (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 3 | Thị xã Hương Trà |  | 01 | | - | | 02 | 01 | 01 | | 3.1 | Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an TX Hương Trà | Cấp huyện | 01 | | - | | - | - | - | | 3.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KCN Tứ Hạ (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 3.3 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại xã Bình Tiến (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 4 | Huyện Phong Điền |  | - | | 01 | | 03 | 01 | 02 | | 4.1 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Phong Điền | Cấp huyện | - | | 01 (Tổ dân phố Khánh Mỹ, thị trấn Phong Điền - trong khuôn viên trụ sở Công an huyện) | | - | - | - | | 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | | 6 | 7 | 8 | | 4.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KCN Phong Điền (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 4.3 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại CCN Sơn Xuân, xã Phong Xuân (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 4.4 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại CCN Điền Lộc, Bến cảng Điền Lộc (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 5 | Huyện Phú Lộc |  | 01 | |  | | 03 | 01 | 02 | | 5.1 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Phú Lộc | Cấp huyện | 01 | | - | | - | - | - | | 5.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KKT, KCN, Cảng Chân Mây (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 5.3 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại xã Vinh Hưng (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 5.4 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KCN La Sơn (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 6 | Huyện A Lưới |  | 01 | |  | | 02 | 01 | 01 | | 6.1 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện A Lưới | Cấp huyện | 01 | | - | | - | - | - | | 6.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KKT A Đớt, cửa khẩu A Đớt (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 6.3 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại CCN Kon Tôm (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 7 | Huyện Phú Vang |  | - | | 01 | | 01 | 01 | - | | 7.1 | Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an huyện Phú Vang | Cấp huyện | - | | 01 (Thị trấn Phú Đa - nằm trong khuôn viên trụ sở ở vị trí mới của Công an huyện) | | 01 | - | - | | 7.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KCN Phú Đa (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | 01 | - | | 8 | Huyện Quảng Điền |  | - | | 01 | | 01 | - | 01 | | 8.1 | Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an huyện Quảng Điền | Cấp huyện | - | | 01 (Đường Nguyễn Vịnh, thị trấn Sịa - nằm trong khuôn viên trụ sở Công an huyện) | | - |  |  | | 8.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại KCN Quảng Vinh (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | | 6 | 7 | 8 | | 9 | Huyện Nam Đông |  |  | | 01 | | 01 | - | 01 | | 9.1 | Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an huyện Nam Đông | Cấp huyện | - | | 01 (Tổ dân phố 1, thị trấn Khe Tre - nằm trong khuôn viên trụ sở Công an huyện) | | - | - | - | | 9.2 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH tại CCN Hương Hoà (quy hoạch mới) | Cấp huyện | - | | - | | 01 | - | 01 | | III | TRÊN TUYẾN CAO TỐC ĐI QUA ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ | Cấp huyện | - | | - | | 04 | 02 | 02 | | 1 | Đối với phân đoạn Cam Lộ - La Sơn (Trạm dừng nghỉ Tuần) | Cấp huyện | - | | - | | 02 | 01 | 01 | | 2 | Đối với phân đoạn La Sơn - Tuý Loan | Cấp huyện | - | | - | | 02 | 01 | 01 | | TỔNG CỘNG | | | | 07 | | 06 | 24 | 11 | 13 |   2.2. Định hướng Quy hoạch hệ thống cấp nước chữa cháy  a)Giai đoạn 2023 - 2025  - Trên cơ sở Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cấp nước nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025 để tiến hành quy hoạch, lắp đặt bổ sung trụ nước chữa cháy tại các đơn vị cấp xã thuộc khu vực nông thôn trong danh mục đã được phê duyệt.  - Rà soát, quy hoạch, lắp đặt bổ sung, hoàn thiện các trụ nước chữa cháy tại toàn bộ khu vực lõi dân cư thuộc đô thị loại 1 (thành phố Huế) đảm bảo khoảng cách giữa các trụ không quá 150m theo quy định. Quy hoạch, cải tạo 110 trụ nước xe chữa cháy không thể lấy nước được do áp lực yếu, lưu lượng thấp hoặc bị hư hỏng.  - Rà soát, chỉnh trang, nâng cấp toàn bộ 17 bến, bãi lấy nước hiện có trên dọc tuyến sông Hương, các sông, hồ trong thành phố Huế để phục vụ lấy nước chữa cháy.  - 100% các khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng mới phải được quy hoạch hệ thống cấp nước phục vụ PCCC (bao gồm hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị và các nguồn nước; quy hoạch bổ sung 04 khu công nghiệp và 05 cụm công nghiệp chưa có hệ thống cấp nước cần bổ sung; quy hoạch, lắp đặt bổ sung trụ nước chữa cháy đảm bảo khoảng cách giữa các trụ <150m đối với 01 khu kinh tế, 02 khu công nghiệp, 02 cụm công nghiệp hiện hữu đã có hệ thống cấp nước chữa cháy; quy hoạch, lắp đặt bổ sung trụ nước chữa cháyđối với69/141 đơn vị cấp xã chưa có hệ thống cấp nước chữa cháy.  b) Giai đoạn 2025 - 2030  - Rà soát, quy hoạch, lắp đặt bổ sung trụ nước chữa cháy tại toàn bộ khu vực lõi dân cư thuộc trung tâm các huyện, thị xã và các đô thị loại II đến V đảm bảo khoảng cách giữa các trụ không quá 150m theo quy định.  - Tiếp tục đề xuất quy hoạch, lắp đặt bổ sung trụ nước chữa cháy tại các đơn vị cấp xã thuộc khu vực nông thôn đảm bảo tiêu chí mỗi thôn, tổ dân phố có tối thiểu từ 1 - 2 trụ nước chữa cháy.  - Rà soát, quy hoạch chỉnh trang đối với 69 bến bãi lấy nước tại các địa phương (ngoại trừ thành phố Huế); quy hoạch thi công bổ sung các bến lấy nước theo phương án sau:  + Đối với nguồn nước tự nhiên (sông, hồ...) có tiếp giáp với đường giao thông liên xã trở lên, đều được quy hoạch xây dựng bến, bãi lấy nước chữa cháy; số lượng bến, bãi trên các nguồn nước tự nhiên đảm bảo tối thiểu là 1 và các bến cách nhau tối đa 450 m (bằng chiều dài tổng số vòi chữa cháy mà một xe chữa cháy cơ bản được trang bị: 25 vòi x 20 m/vòi).  + Các công viên có hồ nước trong khu đô thị bắt buộc phải có bến lấy nước cho xe chữa cháy.  + Với những nơi không có nước, không có nước vào mùa khô phải đào ao hồ và xây bể dự trữ nước chữa cháy. Có thể kết hợp và khai thác hệ thống nước chữa cháy với nước sinh hoạt.  + Các hồ thủy lợi, hồ nhân tạo, hồ tự nhiên và các khu dân cư ven sông, vị trí các cầu đường bộ bắc qua sông gần khu dân cư, công nghiệp phải bố trí các bến lấy nước cho xe chữa cháy và máy bơm chữa cháy. Vị trí lấy nước phải thuận tiện giao thông cho xe chữa cháy ra vào.  c) Giai đoạn sau 2030 đến năm 2050  Trên cơ sở phát triển kinh tế, xã hội đề xuất bổ sung quy hoạch các vị trí đảm bảo khoảng cách giữa các trụ không quá 150m theo quy định.  - Quy hoạch bổ sung các bể lấy nước theo phương án những khu vực tập trung nhiều cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ mà ở đó các nguồn nước máy và nguồn nước tự nhiên không có hoặc không đảm bảo phục vụ cho chữa cháy thì ở đó cần xây dựng các bể chứa nước chữa cháy; các bể chứa nước này đặt ngầm tại các công viên hay các địa điểm công cộng khác.  2.3. Định hướng Quy hoạch hệ thống giao thông phục vụ công tác PCCC&CNCH  a) Giai đoạn 2023 - 2030  - 100% các đường giao thông trong quy hoạch phải bảo đảm yêu cầu quy hoạch phục vụ PCCC (bảo đảm chiều cao, chiều rộng thông thủy, tải trọng của đường, cầu, cống và bãi quay đầu cho các phương tiện xe chữa cháy, xe chuyên dùng lưu thông hoạt động).  - Quy hoạch cải tạo 40% đường, phố, hẻm (tổng số 1.461) có bục, bệ barie, mái che, mái vẩy chắn ngang, dây dẫn điện... cản trở hoạt động xe chữa cháy.  - Quy hoạch, cải tạo kiên cố hoá, đảm bảo tải trọng cho xe chữa cháy và xe thang hoạt động đối với 30% cây cầu trong tổng số 524 cây cầu không đảm bảo chiều rộng 3,5m và tải trọng (dưới 10 tấn).  - Quy hoạch cải tạo 25% trong tổng số 2238 tuyến đường giao thông nội đô, nội khu không có bãi cho xe chữa cháy triển khai đội hình chữa cháy, chiếm 49,4%; 25% trong tổng số 2.474 tuyến đường giao thông đô thị, giao thông nông thôn, giao thông liên khu vực không đảm bảo chiều rộng tối thiểu 3,5m, chiều cao tối thiểu 4,5m cho xe chữa cháy, xe thang hoạt động.  - Quy hoạch xây dựng mới các bến thuỷ phục vụ cho ca nô, tàu chữa cháy và CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH hoạt động thuận tiện.  b) Tầm nhìn đến năm 2050:  - Quy hoạch đảm bảo 100% các đường giao thông trong quy hoạch phải bảo đảm yêu cầu quy hoạch phục vụ PCCC (bảo đảm chiều cao, chiều rộng thông thủy, tải trọng của đường, cầu, cống và bãi quay đầu cho các phương tiện xe chữa cháy, xe chuyên dùng lưu thông hoạt động).  - Quy hoạch cải tạo 50% tuyến đường, phố, ngõ, hẻm không bảo đảm các yêu cầu phục vụ PCCC chưa được quy hoạch, cải tạo thời kỳ 2023 - 2030 phải được quy hoạch trong thời kỳ này.  - Quy hoạch, cải tạo đối với 30% các vị trí giao nhau với đường sắt để xe chữa cháy và xe CNCH đi qua dễ dàng; tiếp cận mọi vị trí đường sắt bằng đường bộ.  2.4. Định hướng Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCCC và CNCH  Thời kỳ 2023 - 2030:  - Quy hoạch hạng mục Trung tâm TTLL chỉ huy điều hành PCCC và CNCH cấp tỉnh; xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy chữa cháy; truyền tin báo sự cố và thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về PCCC và truyền tin báo sự cố là hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin quản trị tập trung, nhằm thu thập, số hóa, lưu trữ, xử lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các thông tin, dữ liệu về công tác PCCC&CNCH; phát hiện và truyền tin báo cháy, sự cố, hỗ trợ thông tin chỉ huy điều hành chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ từ cơ sở đến trung tâm của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH từ cấp huyện, cấp tỉnh đến cấp trung ương. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố gồm: cơ sở dữ liệu về phòng cháy và chữa cháy; cơ sở hạ tầng thông tin và thiết bị truyền tin báo sự cố.  Dự án quan trọng cấp tỉnh của lĩnh vực ANTT đề nghị bổ sung thêm nội dung sau (phù hợp với nội dung Dự thảo Quy hoạch hạ tầng PCCC tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến 2050 do Công an tỉnh xây dựng, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư):  3. Đề nghị bổ sung nội dung liên quan Dự án quan trọng cấp tỉnh của lĩnh vực PCCC bao gồm:  3.1. Dự án xây dựng trụ sở của 22 đội Cảnh sát PCCC&CNCH theo quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.  3.2. Dự án xây dựng trung tâm chỉ huy, điều hành PCCC và CNCH để kết nối thông tin từ hệ thống báo cháy tự động (*hoặc hệ thống báo cháy nhanh*) và hệ thống giám sát an ninh phục vụ phòng cháy và chữa cháy của các cơ sở, nhà máy, xí nghiệp, kho tàng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại và các công trình quan trọng trên địa bàn tỉnh.  3.3. Dự án đầu tư, nâng cao năng lực đảm bảo an toàn về PCCC tại khu vực dân cư tập trung có nguy hiểm về cháy, nổ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2023 - 2030.  3.4. Dự án đầu tư, nâng cao năng lực công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2023 - 2030.  3.5. Dự án đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cấp nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn đoạn 2023 - 2030. | Đã chỉnh sửa theo góp ý trong mục IV.8 Thực trạng mạng lưới cơ sở phòng cháy, chữa cháy  Đã chỉnh sửa theo góp ý trong mục IX.3 Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở phòng, chữa cháy  Đã chỉnh sửa theo góp ý trong mục 2.2. Định hướng Quy hoạch hệ thống cấp nước chữa cháy  Đã chỉnh sửa theo góp ý trong mục 2.3. Định hướng Quy hoạch hệ thống giao thông phục vụ công tác PCCC &CNCH  Đã chỉnh sửa theo góp ý trong mục 2.4. Định hướng Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCCC &CNCH  Đã chỉnh sửa theo góp ý trong mục Dự án quan trong cấp tỉnh |
|  | D. Dự thảo Quyết định Quy hoạch thuộc ngành/lĩnh vực, lãnh thổ  Đề nghị nghiên cứu, cập nhật nội dung liên quan đến Quy hoạch hạ tầng PCCC đã được đề cập trong hợp phần ANQP (thể hiện trong dự thảo Báo cáo thực trạng và quan điểm, mục tiêu về lĩnh vực quốc phòng, an ninh; định hướng phát triển vùng, khu đặc biệt về quốc phòng, an ninh trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh và đề xuất tích hợp các nội dung thuộc ngành/lĩnh vực, địa phương phụ trách - Phần 1 và 2. Lưu ý cần cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung theo phần 1, 2, 3 của Công văn này). | Nội dung này đã tổ chức lấy ý kiến Bộ Công an và đã tiếp thu theo các nội dung quy định |

## BCHQS QK 4 (CV số 548/BCH-TM ngày 15/2/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | 1. Về nội dung của quy hoạch: Bộ CHQS tỉnh thống nhất với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương, phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.  2. Về những vấn đề liên quan đến quốc phòng: Bộ CHQS tỉnh đề nghị đơn vị tư vấn cập nhật số liệu quy hoạch sử dụng đất quốc phòng theo số liệu tại biên bản ngày 13/4/2021 giữa UBND tỉnh và Bộ Tư lệnh Quân khu 4; trong đó:   * Hiện trạng đất quốc phòng do các đơn vị quân đội đang quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế: 140 điểm đất; diện tích 1.322,8ha. * Đất quốc phòng dự kiến chuyển giao cho địa phương quản lý: 23 điểm, diện tích 156,2ha. * Đất dự kiến xin giao vào mục đích quốc phòng đến năm 2030: 60 điểm, diện tích 1.210,5ha. * Bô sung điểm đất xây dựng Sở Chỉ huy/Ban CHQS thành phố Huế (dự kiến bàn giao cho địa phương 1,2ha (SCH cũ) tại Đường Trần Cao Vân, thành phố Huế; đề nghị địa phương giao vào mục đích quốc phòng khoảng 2,7ha tại Phường Thủy Vân, thành phố Huế để xây dựng SCH/Ban CHQS thành phố Huế). * Tổng quy hoạch sử dụng đất quốc phòng đến năm 2030: 177 điểm, diện tích 2.378,4ha.   Các nội dung còn lại trong Dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế tương đối chặt chẽ, phù hợp; Bộ CHQS tỉnh thống nhất và không có ý kiến bổ sung thêm. | Về nội dung QHSDD báo cáo tổng hợp đã tiếp thu đầy đủ ý kiến của Bộ Quốc phòng |

## TT Giám định chất lượng xây dựng (CV số 15/GDH-VP ngày 22/2/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | Với mục đích xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh. Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tham gia góp ý một số nội dung sau:  1. Xem xét lại vị trí chợ đầu mối hiện nay tại phường Phú Hậu, chức năng chính của chợ đầu mối là nơi tập trung nguồn hàng, nơi tập trung đông người, nhiều phương tiện giao thông tải trọng lớn; Phú Hậu là vùng đất thấp trũng, hạ tầng giao thông kết nối đến chợ đầu mối Phú Hậu: đều là những đường có dân cư ngụ hai bên, nhỏ hẹp, cua gấp khúc, mật độ giao thông cao, điều này thật sự chưa phù hợp theo TCVN 9211:2012 Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế: đối với chợ đầu mối được xây dựng mới nên đặt ở vùng ngoại vi đô thị; | Quy hoạch tỉnh không bao gồm việc xác định vị trí cụ thể của chợ đầu mối PHú Hậu. |
|  | 2. Mục tiêu xây dựng Bệnh viện Trung ương Huế là trung tâm y học chuyên sâu của cả nước, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế về y tế. Cổng bệnh viện là nơi có nhiều phương tiện và người tham gia giao thông; Tuy nhiên, hiện nay tổ chức lối ra vào Bệnh viện Trung ưỡng Huế chưa thật sự thuận lợi, nhỏ, chật chội, khó tìm kiếm, chưa thật sự xứng tầm một bệnh viện trung ương; Bên trong Bệnh viện Trung ương Huế có tổ chức các giếng trời với chức năng trồng cây xanh, lấy gió, hứng sáng, trao đổi khi giữa bên trong và bên ngoài cho bệnh viện; hiện nay bệnh viện đã che mái, sử dụng nhiều mục đích khác nhau, làm cho không gian bệnh viện ngột ngạt, nóng bức, không đối lưu được không khí; | Quy hoạch tỉnh chỉ thể hiện những nội dung mang tính định hướng, tổng thể, không đi vào các nội dung chi tiết |
|  | 3. Cần nghiên cứu giảm tiếng ồn đô thị: có chiến lược truyền thông giảm tiếng còi xe trong đô thị, nhiều người sử dụng còi xe rất tuỳ tiện, hiện nay đường phố của thành phố Huế rất ồn; cần xem xét thí điểm vài tuyến đường không tiếng còi xe; sau đó nhân rộng cho toàn thành phố; Cần cấm hát Karaoke gây ô nhiễm tiếng ổn, điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cuộc sống của người dân, cần quy định hát trong phòng kín, cách âm, việc này dễ thực hiện, làm điểm một phường, khu phố, sau đó nhân rộng toàn thành phố;  4. Cần nghiên cứu chống ngập ủng cho đô thị, nhiều tuyển đường của thành phố Huế xảy ra hiện tượng ngập úng khi có mưa lớn, năng lực tiêu thoát nước bề mặt tức thời chưa được đáp ứng; trước mùa mưa lũ cần tổ chức nạo vét, khơi thông cống rãnh, ao hồ, sông suối; | Quy hoạch tỉnh chỉ thể hiện những nội dung mang tính định hướng, tổng thể, không đi vào các nội dung chi tiết.  Phương án chống ngập úng đã đề cập trong báo cáo |
|  | 5. Nên nghiên cứu tổ chức công viên theo dạng sinh thái tự nhiên, (ở Singapore có những công viên ben ngoài và lối đi dạo được trau chuốt rất đẹp. nhưng bên trong để hoang dã), bảo tồn được đa dạng sinh học, có thể ứng dụng cho Cồn Dã Viên;  6. Đồi Thiên An là thắng cảnh nổi tiếng của Huế, rừng thông với những cung đường rất đẹp; tuy nhiên, hiện nay đang có trồng cây keo lá tràm trong đồi Thiên An, đoạn gần Đan viện, kiến nghị trồng lại cây thông; | Quy hoạch tỉnh chỉ thể hiện những nội dung mang tính định hướng, tổng thể, không đi vào các nội dung chi tiết |
|  | 7. Quyết định số 1261/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065: chưa đề cập dự báo và định hướng phương tiện, hạ tầng giao thông công cộng; một thành phố hiện đại không thể dựa trên nền tảng xe máy và xe ô tô cá nhân, tất yếu phải xây dựng phương tiện giao thông công cộng; hiện nay Huế đã xảy ra hiện tượng kẹt xe ở giờ cao điểm; | Báo cáo quy hoạch tỉnh hợp phần giao thông chỉ tập trung Phương án phát triển kết cấu hạ tầng. Quy hoạch VTHKCC; định hướng phát triển phương tiện giao thông công cộng nên thực hiện ở bước Đề án. |
|  | 8. Mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn của cả nước về giáo dục – đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao giai đoạn 2021- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tuy nhiên, chỉ có Trường Đại học Y dược Huế là còn danh tiếng, các trường khác hầu như không còn giữ được vị thế, đơn cử trưởng Đại học Sư phạm Huế từng thu hút rất nhiều sinh viên của cả nước, nhưng hiện nay điểm trúng tuyển đầu vào thấp hơn Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng (vốn được nâng cấp từ Trường Cao đẳng Sư phạm);  Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng kính gửi Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế các nội dung góp ý nhằm xây dựng Thừa Thiên Huế sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. | Báo cáo đã đề xuất các giải pháp, định hướng phát triển trung tâm giáo dục trong thời kỳ quy hoạch |

## Sở Du Lịch (CV số /SDL-QHPTDL ngày tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | 1. Về các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 1  1.1. Về Chuyên đề: Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và định hướng, giải pháp phát triển ngành du lịch, đặc biệt chú trọng phát triển sản phẩm du lịch, thị trường du lịch; kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, các khu, điểm du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung của Chuyên đề nói trên.  - Về Thị trường khách du lịch Huế ở Mục 3.b tại trang 47-48, đề nghị bổ sung: Đối với Huế là điểm đến không có một thị trường khách trọng điểm chiếm tỉ trọng cao nào mà thay vào đó là sự đa dạng và trải rộng ở nhiều khu vực và nhiều vùng lãnh thổ, việc hiểu biết về các khu vực này cả về tình hình du lịch và hành vi khách là cực kì quan trọng để xây dựng chiến lược, định hướng xúc tiến phù hợp tình hình. Dự báo lộ trình trở lại của các thị trường Huế cho biết thứ tự trở lại lần lượt Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Tây Âu, Châu Úc và Bắc Mỹ. Khu vực Đông Nam Á được dự đoán là sẽ quay trở lại sớm nhất khi có vị trí địa lý gần Việt Nam và có tình hình dịch bệnh tương đối khả quan. Đây cũng là thị trường quan trọng của Huế trong những năm qua. Trong khu vực Đông Nam Á, ngoại trừ Thái Lan liên tiếp nằm trong top các quốc gia có lượng khách quốc tế cao nhất đến Huế trong các năm qua, những quốc gia khác có lượng khách đến Huế chưa cao.  - Về Cơ sở vật chất kỹ thuậtở Mục 3.d tại trang 50, đề nghị bổ sung nội dung: Đến nay có 13 điểm du lịch cấp tỉnh được công nhận (theo Luật Du lịch 2017, chứ không phải “*theo Luật Quy hoạch 2017”),* danh sách cụ thể xem thêm ở mục 2.  1.2. Về chuyên đề: Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và phương án quy hoạch phát triển Vườn Quốc gia Bạch Mã thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Về cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung của Chuyên đề.  - Sở Du lịch đề nghị đánh giá thêm về hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng du lịch phục vụ khách du lịch tại Vườn quốc gia Bạch Mã đang bị xuống cấp nghiêm trọng, cần quan tâm và chú trọng hơn về công tác nâng cấp dịch vụ và đảm bảo chất lượng dịch vụ. Đồng thời, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư thêm các dịch vụ du lịch phù hợp với điểm đến Vườn quốc gia Bạch Mã, nhằm phát triển du lịch sinh thái bền vững và đảm bảo hệ động thực vật ở rừng nguyên sinh không bị tác động, ảnh hưởng từ hoạt động du lịch. | Tiếp thu ý kiến  Tiếp thu góp ý “theo Luật Du lịch 2017, chứ không phải “*theo Luật Quy hoạch 2017”* |
|  | 2. Về các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 2 (Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050)  - Tại Mục 2, Phần III, 3.3.4. Khu du lịch, trang 144, Sở Du lịch bổ sung một số nội dung:  Trong những năm qua, công tác quản lý các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, chú trọng. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 13 điểm du lịch đã được công nhận bao gồm điểm du lịch như Lương Quán - Nguyệt Biều (Thành phố Huế), Cầu ngói Thanh Toàn (Thị xã Hương Thủy), Làng nghề truyền thống hoa giấy Thanh Tiên - Tranh dân gian Làng Sình (Phú Vang), điểm du lịch sinh thái Đầm Chuồn (Phú Vang), Hồ Truồi (Phú Lộc), Thác Nhị Hồ (Phú Lộc), Trung tâm Văn hóa Huyền Trân (Thành phố Huế), Làng A Nôr (A Lưới), làng cổ Phước Tích (Phong Điền), Thượng nguồn Ô Lâu (Hầm Heo) (Phong Điền), điểm du lịch sinh thái YesHue Eco (Nam Đông), Không gian lưu niệm Lê Bá Đảng; Không gian trưng bày Văn hóa Lục Bộ.  Tuy nhiên, công tác quản lý các khu, điểm du lịch vẫn còn nhiều khó khăn trong việc vận hành và duy trì. Tại một số điểm du lịch đã có Ban quản lý và ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý nhưng còn nhiều hạn chế, bất cập chưa phát huy vai trò quản lý dẫn đến xảy ra một số vấn đề an ninh, an toàn cho du khách, tài nguyên du lịch bị tác động, môi trường một số khu vực trong điểm bị ô nhiễm.  Hệ thống giao thông kết nối các điểm du lịch chưa tương xứng; hạ tầng thông tin liên lạc còn yếu kém, do địa hình các điểm chủ yếu vùng núi, khe suối, … chỉ trang bị các điều kiện cơ bản phục vụ khách du lịch. Hoạt động du lịch vẫn mang tính tự phát, chưa phân chia rõ ràng các khu vực dịch vụ và khu vực vui chơi, thư giãn của khách. Việc tổ chức các sản phẩm du lịch còn đơn giản, chuyển từ cá thể sang dịch vụ du lịch tập trung nên chưa chú trọng đến vấn đề phát triển bền vững. Công tác tuyên truyền, quảng bá thông tin xúc tiến du lịch chưa được thực hiện thường xuyên, nội dung quảng bá chưa có sức thu hút lớn.  - Tại mục 10, Phần VI.1. Mục tiêu phát triển, trang 568. Trong đó có nội dung: “Về du lịch, tập trung phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, phấn đấu đến năm 2020 đưa Thừa Thiên Huế trở thành điểm đến hàng đầu trong khu vực; đến năm 2030 xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành một điểm đến ngang hàng với các thành phố di sản văn hóa thế giới.” Đây là quan điểm trong Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch - dịch vụ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Sở Du lịch đề nghị điều chỉnh mục tiêu phát triển du lịch theo quan điểm tại Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030: “Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành trung tâm văn hóa, du lịch đặc sắc của cả nước, Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, Thành phố Văn hóa ASEAN, Thành phố Du lịch sạch ASEAN, Thành phố bền vững môi trường ASEAN và đạt danh hiệu Thành phố sáng tạo về văn hóa. Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm văn hóa, du lịch lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á; là tiền đề xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm văn hóa, du lịch lớn, đặc sắc, thành phố Festival của Châu Á vào năm 2045.”  - Tại mục 8, Phần III, 3.3.2. Khu du lịch quốc gia Lăng Cô–Cảnh Dương, trang 441. Đề nghị bổ sung nội dung Phương án định hướng đến năm 2030, Thừa Thiên Huế phấn đấu sẽ có thêm khu du lịch quốc gia Thanh Tân *(theo chỉ tiêu cụ thể đã đề ra trong Đề án phát triển ngành du lịch Thừa Thiên Huế thành ngành kinh tế mũi nhọn)*.  - Tại Mục 10, Phần VI.2.1. Dự báo nhu cầu phát triển về du lịch, trang 570, đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu dự báo lượng du khách đến Thừa Thiên Huế đến năm 2030 thu hút khoảng 8-10 triệu lượt khách, trong đó quốc tế đạt 40% (do tình hình dịch bệnh, tình hình chính trị tại Châu Âu vẫn còn khó đoán và khó lường). | Tại Mục 2, Phần III, 3.3.4. Khu du lịch, trang 144: Tiếp thu ý kiến của Sở DL |
|  | 3. Về Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  Sở Du lịch thống nhất với nội dung Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch nêu trên. |  |

## Sở Giáo Dục Và Đào Tạo (CV số 438 /SGD&ĐT-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | 1. Trang 31, mục a. Giáo dục mầm non: Đề nghị điều chỉnh các nội dung sau:  - “15/21 trường, chiếm tỷ lệ 71,23%” điều chỉnh thành “15/21 trường, chiếm tỷ lệ **71,43**%”.  - “Hiện nay, tổng số nhóm lớp mầm non của tỉnh năm học 2020-2021 là 2.245 nhóm/lớp với quy mô đạt 64.325 trẻ, trong đó có 90,75% học sinh thuộc hệ công lập, trung bình mỗi nhóm/lớp hệ công lập có 29,48 trẻ/lớp và mầm non ngoài công lập có 22,46 trẻ/lớp” điều chỉnh thành “Tổng số nhóm lớp mầm non năm học 2020-2021 là 2.245 nhóm/lớp với quy mô đạt **64.587** trẻ, trong đó có **90,2**% học sinh thuộc hệ công lập, trung bình mỗi nhóm/lớp hệ công lập có **29,45** trẻ/lớp và mầm non ngoài công lập có **23,71** trẻ/lớp”.  - “(i) Nhóm nhà trẻ: Năm học 2020-2021, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 32,7% (12.293 trẻ/534 nhóm); cao hơn so với giai đoạn 2015-2016 (24,8%); (ii) Nhóm 3-5 tuổi: tỷ lệ huy động học sinh mẫu giáo đạt 92,5% (52.032 trẻ/1.711 lớp), tăng 5,1% so với năm học 2015-2016…” điều chỉnh thành “(i) Nhóm nhà trẻ: Năm học 2020-2021, huy động **12.529** trẻ/534 nhóm nhà trẻ, đạt tỷ lệ **32,6**%, tăng **7,8**% so với **năm học** 2015-2016; (ii) Nhóm 3-5 tuổi: huy động **52.058** trẻ/1.711 lớp mẫu giáo, đạt tỷ lệ **92,4**%, tăng **5,0**% so với năm học 2015-2016…”. | Tiếp thu góp ý |
|  | 2. Trang 32, Bảng 2.1: Đề nghị điều chỉnh số liệu nhóm/lớp, trẻ mầm non năm học 2020-2021 như sau: Tổng số nhóm/lớp mầm non: 2.245 nhóm/lớp (nhà trẻ: 534 nhóm, mẫu giáo: 1.711 lớp), trong đó: công lập: 1.978 nhóm/lớp, ngoài công lập: 267 nhóm/lớp.  3. Trang 34, Bảng 2.2: Đề nghị điều chỉnh số trẻ mầm non huyện Quảng Điền năm học 2020-2021 như sau: Điều chỉnh “*4.788 trẻ*” thành “*5.050 trẻ*” và tính lại số trẻ/lớp. | Tiếp thu góp ý |
|  | 4. Trang 45, Bảng 2.8: Đề nghị bổ sung số liệu lớp, học sinh cấp THPT năm học 2010-2011 như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Đơn vị | Năm học 2010-2011 | | | | Số lớp | Số học sinh | Số giáo viên | |  | Toàn tỉnh | 1.421 | 43.901 | 2.747 | | 1 | Thành phố Huế | 325 | 14.233 | 930 | | 2 | Huyện Phong Điền | 232 | 4.683 | 287 | | 3 | Huyện Quảng Điền | 153 | 3.463 | 209 | | 4 | Thị xã Hương Trà | 103 | 4.029 | 236 | | 5 | Huyện Phú Vang | 177 | 5.785 | 338 | | 6 | Thị xã Hương Thủy | 79 | 3.233 | 192 | | 7 | Huyện Phú Lộc | 188 | 5.726 | 341 | | 8 | Huyện Nam Đông | 68 | 1.224 | 78 | | 9 | Huyện A Lưới | 96 | 1.525 | 136 | | Báo Tiếp thu góp ý |
|  | 5. Trang 76, Bảng 2.19: Đề nghị bổ sung số liệu phòng học các trường mầm non năm học 2010-2011 và 2011-2012 như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Năm học 2010 - 2011 | Năm học 2011 – 2012 | | Số phòng học- Phòng | 1.590 | 1.675 | | Phân theo loại hình |  |  | | + Công lập | 752 | 884 | | + Ngoài công lập | 838 | 791 | | Phân theo loại phòng |  |  | | + Phòng kiên cố | 534 | 645 | | + Phòng bán kiên cố | 973 | 1030 | | + Phòng tạm | 83 | 0 | | Tiếp thu góp ý |
|  | 6. Từ trang 138 đến trang 143: Về các chỉ tiêu phát triển, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu điều chỉnh những góp ý sau:  6.1. Đề nghị định hướng chỉ tiêu phát triển cấp học mầm non phổ thông và GDTX 02 giai đoạn: Đến năm 2030 và Đến năm 2050 thay định hướng Đến năm 2025 và Đến năm 2030.  6.2. Đề nghị điều chỉnh định hướng chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 như sau:  - 93,0% trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia (đạt mức độ 2 trên 8,9%).  - 94,8% trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia (đạt mức độ 2 trên 20,9%).  - 92,0% trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc (đạt mức độ 2 trên 25,4%).  - 88,4% trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia (đạt mức độ 2 trên 11,6%).  6.3. Đề nghị bổ sung định hướng chỉ tiêu về phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi; xóa mù chữ; tỷ lệ học sinh ngoài công lập.  Trên đây là báo cáo rà soát bổ sung hoàn thiện các nội dung đề xuất tích hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, | Tiếp thu góp ý |

## Sở Khoa Học Và Công Nghệ (CV số 274/SKHCN-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | Sở KH&CN đã rà soát, bổ sung hoàn thiện trực tiếp vào dự thảo các nội dung được phân công gửi UBND tỉnh và Sở KHĐT tại Công văn số 223/SKHCN-KHTC ngày 06 tháng 02 năm 2023.  Để hoàn thiện dự thảo, Sở KH&CN xin tiếp tục tham gia góp ý, bổ sung vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo phụ biểu đính kèm. | Tiếp thu góp ý, danh mục dự án sẽ được rà soát cập nhật tham khảo phụ biểu đính kèm |

PHỤ LỤC

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI KỲ 2021-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tên dự án | Địa điểm | Diện tích dự kiến (ha) | Ghi chú |
|  | TỔNG CỘNG |  | 29.886 |  |
| VI | KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |  | 42 |  |
|  | Dự án đầu tư Khu Trung tâm của Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung | Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | 16,07 | Đã được quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 theo QĐ 2234/QĐ-UBND |

Ghi chú: Về vị trí, quy mô công trình, diện tích đất, tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.



## Sở Lao Động (CV số /SLĐTBXH-KHTC, ngày tháng 02 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp:  1. Tại trang 106 của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về phần đánh giá PCI:  Xem xét các chỉ số thành phần PCI, Huế có thay đổi tốt ở tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, tính năng động của đội ngũ lãnh đạo, thiết chế pháp lý. Những khía cạnh này cho thấy lòng tin của doanh nghiệp với hệ thống tư pháp được nâng lên, đánh giá của doanh nghiệp về đội ngũ lãnh đạo tốt lên, và bộ máy hành chính công hiệu quả và bớt nhũng nhiễu. Tuy nhiên, chỉ số về tính minh bạch, hỗ trợ doanh nghiệp, và đào tạo lao động có mức cải thiện rất nhỏ, thể hiện doanh nghiệp vẫn chưa tiếp cận được các nguồn lực một cách dễ dàng, bao gồm thông tin chính sách, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (tài chính, công nghệ, quản trị, xúc tiến thương mại…), cũng như hỗ trợ về tìm kiếm và đào tạo lao động. Tiếp cận nguồn lực kinh doanh bị hạn chế sẽ tạo rào cản cho phát triển doanh nghiệp trên địa bàn, giảm khả năng huy động nguồn lực từ khu vực ngoài nhà nước.  Quy hoạch của tỉnh Thừa Thiên Huế, Thừa Thiên Huế có sự thay đổi…..Tuy nhiên, chỉ số PCI có tổng số là 10 chỉ số thành phần, trong đó chỉ số đào tạo lao động đã được cải thiện đáng kể như giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh có chất lượng tốt; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo cao; doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng,…*(Lý do: rất ngoạn mục và đáng chú ý nhất, năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế là địa phương có chỉ số thành phần - chỉ số Đào tạo lao động xếp thứ 07/63 tỉnh, thành; tăng 28 bậc so với năm 2018, chỉ số Đào tạo lao động xếp thứ 31/63, giảm 24 bậc đã không duy trì được mục tiêu đề ra năm 2020; năm 2021-Chỉ số Đào tạo lao động xếp thứ 14/63, tăng 17 bậc. Do đó, có thể đánh giá rằng về chỉ số thành phần về đào tạo lao động).* | Phân tích các chỉ số thành phần PCI được thể hiện trong kế hoạch hằng năm của địa phương không thể hiện trong Báo cáo Quy hoạch |
|  | 2. Đề nghị bổ sung thêm Trang 108, tại mục I.4.2. Nguồn nhân lực:  Vào thời điểm năm 2021: dân số khoảng 1,13 triệu người, Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số là 52,9%. Tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ là 22,7% (cả nước là 23,03%). Như vậy, chất lượng lao động có việc làm của tỉnh cũng còn thấp, chưa tương xứng với những lợi thế về tự nhiên, xã hội tỉnh đang có. | Thời kỳ đánh giá quy hoạch chỉ từ 2011-2020 |
|  | 3. Tại trang 213: Mục I.1.1 Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp  Cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, nhu cầu học tập của người dân Thừa Thiên Huế cũng ngày được nâng cao, biểu hiện là sự phát triển không ngừng của hệ thống các trường đại học, cao đẳng và trung cấp trong thời gian qua. Tính đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 7 trường đại học, 8 trường cao đẳng và 4 trường trung cấp. Tuy nhiên, mạng lưới trường đại học, cao đẳng và trung cấp phân bố không đều giữa các huyện trong tỉnh. Phần lớn các trường đều tập trung ở thành phố Huế, chỉ có ba trường là Cao đẳng nghề số 23; cơ sở 1 của trường Cao đẳng nghề Thừa Thiên Huế nằm ở thị xã Hương Thủy và Trường TC KT-DL Duy Tân tại huyện Phú Vang. Phần này: Đề nghị Ban biên tập điều chỉnh:  a) Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã có Quyết định 1261/QĐ-BLĐTBXH, ngày 15/12/2022 về việc giải thể Trường cao đẳng số 23- Bộ Quốc Phòng.  b) Trường Trung cấp KT-DL Duy Tân có trụ sở đặt tại khu C Đô thị mới An Vân Dương, Phú Thượng, thành phố Huế.  Đối với các trường Cao đẳng:  Hệ thống trường cao đẳng phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung ở thành phố Huế. Toàn tỉnh có 9 trường cao đẳng, gồm: Trường cao đẳng nghề số 23, trường CĐN Thừa Thiên Huế, trường CĐ du lịch Huế, trường CĐ y tế Huế, Trường CĐ công nghiệp Huế, trường CĐ giao thông Huế, Phân Hiệu Trường CĐ xây dựng công trình đô thị và trường CĐ Âu Lạc Huế. **Giảm đi 01 Trường Cao đẳng nghề số 23 nên chỉ còn lại 08.**  Đối với các trường Trung cấp:  Hiện tỉnh Thừa Thiên Huế có 4 trường trung cấp, bao gồm trường Trung cấp công nghệ số 10, Trường TC KT-DL Duy Tân, Trường TC Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế và Trường TC Thể dục thể thao Huế. Hầu hết các trường đều phân bố ở thành phố Huế, riêng có trường **Trung cấp KT-DL Duy Tân nằm tại huyện Phú Vang (Phú Thượng đã thuộc Thành phố Huế)**. | * Tiếp thu góp ý và đã bổ sung |
|  | **4. Đề xuất đưa Danh mục Quy hoạch mạng lưới GDNN** tích hợp vào chung Quy hoạch của tỉnh theo Công văn số 3369/SLĐTBXH –KHTC ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc tham gia báo cáo, đề xuất các nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(Công văn đính kèm)*. |  |
|  | II. Lĩnh vực Lao động - Việc làm:  **1. Tại trang 209 của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**  “Cơ cấu lao động: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 22,19% tổngsố lao động (124.338 người); công nghiệp – xây dựng chiếm 33,36% (169.156 người); dịch vụ chiếm 44,45% (249.065 người). Nhìn chung từ 2011 – 2021, sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất.  Việc phân bố việc làm ở tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến dịch chuyển sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ và được phát triển, mở rộng và hấp thụ nhiều nhân lực hơn từ lực lượng lao động sẵn có. Trong khi đó, ngành nông nghiệp sẽ giảm bớt nhân lực dư thừa thông qua việc tăng năng suất lao động.  Tỷ lệ thất nghiệp của Thừa Thiên Huế năm 2021 là 3,6 % cao hơn 0,3% so với cả nước 3,2%”.  Đối chiếu với số liệu từ điều tra Cung lao động trên địa bàn tỉnh năm 2021 của các địa phương trên địa bàn tỉnh, về nội dung trênS ở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị điều chỉnh như sau:  “Cơ cấu lao động trong độ tuổi: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 22,19% tổng số lao động (124.338 người); công nghiệp – xây dựng chiếm 33,36% (169.156 người); dịch vụ chiếm 44,45% (249.065 người). Nhìn chung từ 2011 – 2021, sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất.  Việc phân bố việc làm ở tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến dịch chuyển sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ và được phát triển, mở rộng và hấp thụ nhiều nhân lực hơn từ lực lượng lao động sẵn có. Trong khi đó, ngành nông nghiệp sẽ giảm bớt nhân lực dư thừa thông qua việc tăng năng suất lao động.  Tỷ lệ thất nghiệp thành thị của Thừa Thiên Huế năm 2021 là 1,9 %  **2. Tại trang 291**  Bảng 1. Lao động trong các ngành của Thừa Thiên Huế năm 2021   |  |  | | --- | --- | | Tổng dân số (người) | 1.153.795 | | Dân số trong độ tuổi lao động (người) | 623728 | | % | 54,06% | | Lao động đang làm việc trong các ngành (người) | 560.348 | | % | 89,84% | | Lao động Nông -lâm-thủy sản (người) | 124.338 | | % | 22,19% | | Lao động công nghiệp - Xâydựng (người) | 186.945 | | % | 33,36% | | Lao động dịchvụ (người) | 249.065 | | % | 44,45% |   Đối chiếu với số liệu từ điều tra Cung lao động trên địa bàn tỉnh năm 2021 của các địa phương trên địa bàn tỉnh, về bảng tổng hợp trên Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị điều chỉnh như sau:   |  |  | | --- | --- | | Tổng dân số (người) | 1.153.795 | | Dân số có khả năng tham gia lao động (người) | 623728 | | % | 54,06% | | Lao động **trong độ tuổi** đang làm việc trong các ngành (người) | 560.348 | | % | 89,84% | | Lao động Nông -lâm-thủysản (người) | 124.338 | | % | 22,19% | | Lao động công nghiệp - Xâydựng (người) | 186.945 | | % | 33,36% | | Lao động dịchvụ (người) | 249.065 | | % | 44,45% |   3. Tại trang 297 có bảng số liệu liên quan đến lao động làm việc trong nền kinh tế  Bảng 6. Kết quả phát triển của nền kinh tế theo kịch bản 1 như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chỉ tiêu | 2021-2025 | 2026-2030 | | Tốc độ tăng trưởng GRDP | 6,5-7,7 | 7% - 8% | | Quy mô GRDP cuối kỳ (tỷ đồng - Giá 2010) | 43.800-46.600 | 64.532 – 70.807 | | Lao động làm việc trong nền kinh tế | 580.000-590.000 | 620.000 - 640.000 | | Quy mô dân số cuối kỳ (triệu người) | 1.153-1.184 | 1.280 - 1.300 | | ….. | 3410-3520 | 4.400-5.000 |   Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị điều chỉnh như sau:  Bảng 6. Kết quả phát triển của nền kinh tế theo kịch bản 1 như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chỉ tiêu | 2021-2025 | 2026-2030 | | Tốc độ tăng trưởng GRDP | 6,5-7,7 | 7% - 8% | | Quy mô GRDP cuối kỳ (tỷ đồng–Giá 2010) | 43.800-46.600 | 64.532 – 70.807 | | Lao động **trong độ tuổi** làm việc trong nền kinh tế | 580.000-590.000 | 620.000 – 640.000 | | Quy mô dân số cuối kỳ (triệu người) | 1.153-1.184 | 1.280 – 1.300 | | Thời kỳ đánh giá quy hoạch chỉ từ 2011-2020 |

## Sở Nội Vụ (CV số 290 /SNV-XDCQ ngày 21 tháng 02 năm 2023)

| **Cơ quan** | **Tài liệu** | **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | BCTH |  | 1. Thống nhất với dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến 2050; |  |
|  | QĐ |  | 2. Cơ bản thống nhất với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và có tham gia ý kiến trực tiếp vào phần mềm dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:  a) Tại trang 13 - 14:  “3. Phương hướng sắp xếp, tổ chức không gian  Không gian phát triển theo hướng đặc thù trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá và thiên nhiên, đặc biệt là quẩn thể di tích cố đô Huế được UNESCO công nhận năm 1993; Hình thành đô thị trung tâm với hai trục phát triển và các đô thị động lực, gồm: Thị xã Phong Điền; thị xã Hương Trà; **quận** Hương Thủy; xây dựng đô thị Chân Mây; kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang quốc gia Bắc-Nam và hành lang kinh tế Đông-Tây, hành lang đô thị hướng biển và thúc đẩy liên kết nội vùng.  Khu vực phía Bắc:  Phát triển các khu công nghiệp tại các **thị xã Phong Điền, Hương Trà và huyện Quảng Điền** với trọng tâm là các ngành công nghiệp thâm dụng lao động như may mặc, da giày; sản xuất, gia công các sản phẩm từ nhựa và cao su; sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, với hai cụm ngành trọng điểm là may mặc và chế biến silicat (thạch anh).  b) Tại trang 14 - 15:  “IV. Về phát triển hệ thống đô thị và các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp  1. Phát triển hệ thống đô thị  Đến năm 2025, xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có 9 đơn vị hành chính với 03 quận, 02 thị xã và 04 huyện; trong đó:  \* Thành lập 3 quận:  - Thành phố Huế: Chia thành 2 quận (gồm quận phía Bắc gồm 13 phường*[[1]](#footnote-1)* và quận phía Nam gồm 19 phường*[[2]](#footnote-2)*).  - Thành lập Quận Hương Thủy: gồm 07 phường (chuyển xã Dương Hòa về thị xã Hương Trà).  *\** ***Thành lập thị xã Phong Điền***:gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 06 phường [[3]](#footnote-3) và 06 xã [[4]](#footnote-4).  **\* *Sáp nhập huyện Phú Lộc và huyện Nam Đông*** thành 01 huyện mới gồm: 04 thị trấn[[5]](#footnote-5) và 23 xã với diện tích 1.368,233 Km2; dân số 160.788 người.  **\* *Thị xã Hương Trà*:** gồm 10 ĐVHC cấp xã, tăng 01 ĐCHC cấp xã (*do chuyển xã Dương Hòa từ thị xã Hương Thủy*); thành lập phường Hương Toàn trên cơ sở địa giới hành chính xã Hương Toàn.  \* Giữ nguyên trạng 03 đơn vị hành chính cấp huyện:  Huyện Quảng Điền (gồm 10 xã và 01 thị trấn); Huyện A Lưới (gồm 17 xã và 01 thị trấn); huyện Phú Vang (gồm 13 xã và 01 thị trấn).  Mô hình đô thị trực thuộc trung ương Thừa Thiên Huế gồm 9 ĐVHC cấp huyện với 03 quận, 02 thị xã và 04 huyện; có 131 ĐVHC cấp xã *(73 xã, 51 phường, 07 thị trấn).*  c) Đề nghị dự thảo bám sát mô hình thành phố Huế trực thuộc Trung ương để xây dựng phương án phát triển vùng liên huyện, vùng huyện trong tương lai.  d) Trong các tài liệu dự thảo, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “Thừa Thiên - Huế” thành “Thừa Thiên Huế”. | Tiếp thu góp ý |

## Sở Tài Chính (CV số /STC-QLNS ngày tháng năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | 1. Về yêu cầu nội dung quy hoạch:  Dự thảo Báo cáo đã cơ bản bám sát các đề mục về yêu cầu nội dung quy hoạch nêu tại phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ) tuy nhiên, dự thảo chưa bao quát hết nội dung, một số đề mục chưa đầy đủ và chủ yếu mang tính tổng hợp số liệu. Do đó, Sở Tài chính đề nghị rà soát, bổ sung nội dung chi tiết của các yêu cầu về nội dung nêu trên. | Tiếp thu rà soát các nội dung dự thảo QĐ phê duyệt. |
|  | 2. Về định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội:  Sở Tài chính đề nghị bổ sung thêm nội dung về phân bổ nguồn lực lao động (lao động chất lượng cao, lao động phổ thông…) cho các ngành kinh tế và dự kiến phương án phân bổ vốn đầu tư toàn xã hội, vốn đầu tư công theo ngành, lĩnh vực trọng yếu định hướng đến năm 2030.  3. Về phương án quy hoạch hệ thống đô thị:  Khu vực phía Tây thành phố Huế là khu vực có nhiều tiềm năng, nhiều di tích lịch sử văn hóa...Dự thảo cũng đã định hướng tập trung phát triển du lịch ở khu vực này. Vì vậy, Sở Tài chính đề nghị nghiên cứu thêm khả năng hình thành khu du lịch hoặc danh mục các dự án du lịch ở vùng này. | Tiếp thu góp ý |
|  | 4. Về phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung:  Nội dung này có nêu tại phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 nhưng chưa được cụ thể hóa tại Dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh. Do đó, Sở Tài chính đề nghị rà soát để xây dựng quy hoạch về các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung cho phù hợp với phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Nếu không cần thiết xây dựng quy hoạch về các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung này, đề nghị làm rõ lí do. | Tiếp thu góp ý |
|  | 5. Về phương án phát triển mạng lưới giao thông:  Quy hoạch về mạng lưới giao thông của tỉnh nêu tại Dự thảo Báo cáo chỉ mới đề cập đến mạng lưới quốc lộ, chưa đề cập đến hệ thống giao thông chính của tỉnh bao gồm cả hệ thống các đường tỉnh lộ và các đường nội thị. Do đó, Sở Tài chính đề nghị có phương án cụ thể hơn về quy hoạch mạng lưới giao thông (bao gồm cả tỉnh lộ và các đường nội thị có tính chất nối liên vùng) vì đây là xương sống của nền kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội trong nội bộ tỉnh cũng như sự phù hợp quy hoạch tỉnh với các tỉnh, thành phố trong cả nước | Phạm vi nghiên cứu phát triển kết cấu hạ tầng với lĩnh vực đường bộ báo cáo đã đề xuất phương án phát triển từ Đường tỉnh, cao tốc, quốc lộ và các đường vành đai, trục chính giao thông đô thi. Các đường nội thị không thuộc phạm vi nghiên cứu của Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. |
|  | 6. Xây dựng danh mục dự án của tỉnh Thừa Thiên Huế và thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án này:  Danh mục dự án cũng như thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án còn sơ sài, mới chỉ liệt kê danh mục theo địa phương (huyện, thị xã, thành phố), chưa đề cập đến các khu kinh tế, cụm công nghiệp. Danh mục dự án tại Dự thảo Báo cáo được xây dựng trên cơ sở danh mục sẵn có, chưa có sự nghiên cứu đầy đủ, bổ sung, làm mới của đơn vị tư vấn. Do đó, Sở Tài chính đề nghị có sự nghiên cứu công phu hơn về danh mục này vì đây là công cụ định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cần mạnh dạn đề xuất loại bỏ những dự án thuộc danh mục sẵn có nhưng đơn vị tư vấn nhận thấy không hiệu quả, không kêu gọi được đầu tư trong thời gian dài và đề xuất bổ sung những dự án tiềm năng, có tính khả thi cao, có khả năng tạo sự đột phá giúp tỉnh phát triển nhanh. | Tiếp thu góp ý |
|  | 7. Về phương pháp lập quy hoạch:  Sở Tài chính đề nghị đơn vị tư vấn mạnh dạn trong áp dụng phương pháp phản biện để có cái nhìn khách quan, đa chiều hơn về các tồn tại đối với các nội dung lập quy hoạch. |  |
|  |  |  |

## Sở Y Tế (CV số 513 /SYT-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | - Sở Y tế đã tổ chức Hội nghị và tiến hành lấy ý kiến góp ý các đơn vị trong toàn Ngành và có công văn số 3853/SYT-KHTC ngày 24/10/2022 gửi Sở KH&ĐT về việc góp ý hợp phần số 13 thuộc dự án Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phụ lục XVI-a Quy hoạch phát triển Y tế Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030 ngày 19/12/2022 gửi Sở KH&ĐT.  - Đã tiến hành cập nhật các ý kiến góp ý trực tiếp vào các nội dung dự thảo theo yêu cầu. | Tiếp thu đã chỉnh sửa theo góp ý |

## Sở Tư Pháp (CV số 247/STP-XDKTVBQPPL ngày 14 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | 1. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa trích yếu nội dự thảo Quyết định thành như sau: **Phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.**  2. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo theo mẫu số 1.3. mẫu Quyết định (quy định gián tiếp) mục II phụ lục III kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.  3. Tại căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo:  - Bổ sung:  “Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;.  *-* Chỉnh sửa:  “Căn cứ Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;  Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;  Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 sửa đổi một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;  Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;”  Thành:  “Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;  Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;  Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;  Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;”  - Bỏ: “Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch” vì đã hết hiệu lực.  4. Tại thẩm quyền đề nghị ban hành Quyết định, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa thành như sau: “Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số /BC-HĐTĐ ngày tháng năm 2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.”  5. Về bố cục: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa Điều 1 dự thảo Quyết định theo bố cục Điều, khoản, điểm để đảm bảo sự thống nhất về bố cục trong toàn bộ dự thảo Quyết định và bổ sung tiêu đề điều tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 dự thảo Quyết định theo quy định tại điểm d, đ khoản 6 mục II phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.  6. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét việc viết tắt tại dự thảo Quyết định đảm bảo theo quy định. | Đã chỉnh sửa theo góp ý |

## Sở Thông Tin Và Truyền Thông (CV số 299/STTTT- BCVT ngày 15 tháng 2 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | I. Đối với dự thảo Quyết định Phê duyệt quy hoạch  1. Tại mục III. Phát triển ngành, lĩnh vực  Đề nghị điều chỉnh điểm đ) Thông tin, truyền thông tai mục 2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác như sau:  “Tập trung đầu tư hạ tầng đô thị thông minh, trong đó chú trọng đầu tư hoàn thiện Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh phục vụ xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; triển khai chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực trong đó chú trọng các lĩnh vực: giao thông, y tế, giáo dục, nông nghiệp, văn hóa, du lịch, an toàn thông tin,... Hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung trên cơ sở Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế (HueCIT) là thành viên của Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung. Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số toàn diện.  Phát triển mạnh mẽ các loại hình thông tin báo chí, đặc biệt chú trọng phát triển các hình thức truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin....; ứng dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) trong thu thập và xử lý thông tin, sản xuất chương trình; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; đẩy mạnh phát hành xuất bản phẩm trên các nền tảng thương mại điện tử.” | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |
|  | 2. Tại mục V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT  - Đề nghị đổi tên tại mục 3.” Phương án phát triển mạng lưới viễn thông” thành “Phương án phát triển thông tin và truyền thông” và điều chỉnh nội dung như sau:  “Bưu chính chuyển dịch từ dịch vụ truyền thống sang dịch vụ số, bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số; góp phần triển khai chính quyền số, xã hội số.  Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, phục vụ tiến trình chuyển đổi số của Tỉnh và quốc gia, đảm bảo hạ tầng kết nối xây dựng đô thị thông minh, thiết lập các trung tâm dữ liệu phân tán và tập trung phục vụ lưu trữ dữ liệu cho các thiết bị Internet vạn vật (IoT) và phục vụ các lĩnh vực kinh tế số, xã hội số.  Xây dựng và nâng cấp các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) và các tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông rộng và đô thị thông minh.  Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/…) trên phạm vi toàn tỉnh;  Thực hiện ngầm hóa tầng mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại trung tâm thành phố Huế; các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường cũ (nội đô).” | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |
|  | II. Đối với Báo cáo tổng hợp quy hoạch   1. Về hiện trang   - Đề nghị điều chỉnh tiêu đề mục IV.3 **“**Thực trạng phát triển mạng lưới viễn thông” trang 165 thành “Thực trạng phát triển thông tin và truyền thông”  - Gộp chung nội dung IV 3.1“Hạ tầng và nền tảng số” vào hạ tầng Thông tin và Truyền thông tại mục IV.3.2 “Mạng lưới thông tin và truyền thông” và điểu chỉnh nội dung liên quan đến bưu chính như sau:  “- Mạng bưu chính: gồm mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính của các doanh nghiệp khác.  +Mạng bưu chính công cộng do Bưu điện quản lý, khai thác gồm 65 bưu cục; 111 điểm BĐVHX.nhằm cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; cung ứng dịch vụ bưu chính trong nước, quốc tế, dịch vụ tài chính, tiết kiệm, chuyển tiền, phát hành.  + Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước: mạng KT1 kết nối với mạng bưu chính công cộng.  +Mạng bưu chính của các doanh nghiệp khác: Tổng số điểm phục vụ là 172 điểm phân bố đến tận các huyện nhằm mở rộng vùng phục vụ, tăng chất lượng phục vụ.  Phương tiện vận chuyển phục vụ bưu chính đa dạng, kết hợp các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không. Đối với thị trường giao hàng chặng cuối có sự tham gia của rất nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp.” | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |
|  | 2. Về phương án phát triển thông tin và truyền thông  2.1 Tại phần Mục tiêu cụ thể, đề nghị điều chỉnh các nội dung sau  III.1.2.2 Hạ tầng Viễn thông - Hạ tầng số:  - Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, phục vụ tiến trình chuyển đổi số của Tỉnh và quốc gia, đảm bảo hạ tầng kết nối xây dựng đô thị thông minh, thiết lập các trung tâm dữ liệu phân tán và tập trung phục vụ lưu trữ dữ liệu cho các thiết bị Internet vạn vật (IoT) và phục vụ các lĩnh vực kinh tế số, xã hội số.  - Đến năm 2025, hạ tầng số đảm bảo dữ liệu sử dụng bình quân thuê bao băng thông rộng di động là 15 GB/tháng/thuê bao và 2030 là 27 GB/tháng/thuê bao. Bảo đảm bán kính phục vụ có một trạm truy nhập thông tin di động (bao gồm cả small cells 5G) tối thiểu đạt 0,22km.  - Tỷ lệ lắp đặt thiết bị IoT trong các lĩnh vực trọng điểm, như: giao thông, y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghiệp, và quản lý môi trường và đặc biệt là đô thị thông minh tăng 15%/năm.  - Đến năm 2025, phát triển hạ tầng mạng cáp quang băng thông rộng đến 100%, thôn, khu vực, tỷ lệ mỗi hộ gia đình có một đường Internet cáp quang đạt trên 80%. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 40%. Đến năm 2030, đạt 100% hộ gia đình có một đường Internet cáp quang.  - Ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại trung tâm thành phố Huế; 20-30% đối với các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường cũ (nội đô).  - Phát triển mới khoảng 3.000 trạm thu phát sóng (bao gồm gắn thiết bị trên hạ tầng sẵn có và gắn trên cột ăng ten xây dựng mới); tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng giai đoạn 2022-2025 đạt trên 30% (Cộ ăng ten xây dựng mới), giai đoạn 2026-2030 đạt trên 40% (cột ăng ten xây dựng mới). Đến năm 2023 phủ sóng thông tin di động 4G tại 100% dân số. Đến năm 2025 phủ sóng thông tin di động 5G với trên 50% dân số. Đến 2030, ưu tiên triển khai các công nghệ thông tin di động thế hệ sau 5G.  - Tắt sóng mạng thông tin di động công nghệ 2G theo lộ trình quy định của Bộ TT&TT.  - Đến năm 2025, 100% các hộ gia đình có ít nhất một thiết bị thông minh.  - Năm 2025, hoàn thành thực hiện chuyển đổi IPv6 trên 100%, thiết bị truy nhập có kết nối Internet của toàn bộ hệ thống thông tin kết nối Internet băng thông rộng của các Sở, Ban, Ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố phục vụ phát triển chính quyền số.”  III.1.2.6 Mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở”  “- Giữ nguyên số lượng 04 cơ quan báo chí. Giao quyền tự chủ tài chính 2 cơ quan báo chí, tỉnh thực hiện cơ chế đặt hàng đối với các nội dung phục vụ nhiệm vụ chính trị (trừ Tạp chí Sông Hương và Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển). Giai đoạn 2026 - 2030 hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt (Báo TT - Huế, Đài Phát thanh và Truyền hình TT - Huế) theo mô hình tòa soạn hội tụ, cơ quan truyền thông đa phương tiện, ứng dụng công nghệ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (IoT, AI, Big Data…)  - Tỷ lệ thuê bao truyền hình trả tiền đạt 20% (2025) và 30% (2030).  - Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tại 90% hệ thống thông tin cơ sở. Số lượng đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đạt tỷ lệ 40% (2025) và 90% (2030).  Truyền thông quảng bá hình ảnh TT - Huế ra quốc tế trên các nền tảng công nghệ truyền thông đa dạng đảm bảo hướng đối tượng;  - Ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động giám sát thông tin về tỉnh trên môi trường mạng (mạng xã hội, trang thông tin điện tử tổng hợp, báo chí).  - Lĩnh vực Xuất bản: Giữ nguyên số lượng 02 NXB. Duy trì nhịp độ tăng trưởng doanh thi hàng năm đạt 3,5-4%; Tăng số lượng sách xuất bản/người/năm đạt 4 bản đến 4.5 bản vào năm 2025; Phấn đấu tỷ lệ xuất bản phẩm điện tử (tính theo đầu sách) đạt 10% vào năm 2030.  - Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; đẩy mạnh phát hành xuất bản phẩm trên các nền tảng thương mại điện tử.” | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |
|  | 2. Tại phần Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông  \* Đề nghị điều chỉnh các nội dung như sau:  III.2.2 Phương án phát triển hạ tầng viễn thông – hạ tầng số (trang 479-481)  “- Xây dựng và nâng cấp các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) và các tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông rộng và đô thị thông minh.  -Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.  -Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/…) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G).  - Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực có liên quan như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị).  - Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng lưu trữ, dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc gia hướng đến mục tiêu đưa tỉnh trở thành trung tâm về lưu trữ và xử lý dữ liệu của khu vực miền trung.  - Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây và mạng phân phối dữ liệu để chiếm lĩnh thị phần điện toán đám mây trong tỉnh.  - Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).  -Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương thức cáp quang, di động, vệ tinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.  - Phổ cập điện thoại thông minh: Phổ cập điện thoại thông minh giá rẻ tới người dân trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2022-2025, huy động nguồn vốn từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích và các nguồn khác.  - Thúc đẩy việc triển khai chương trình “Mỗi người dân một máy smartphone”. Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G và thế hệ tiếp theo) trên phạm vi toàn tỉnh. Mở rộng vùng phủ sóng WLAN tại các khu vực công cộng, điểm du lịch, khu công nghiệp.  - Thúc đẩy việc triển khai chương trình “Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang”. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truyền dẫn quang tốc độ siêu cao, dung lượng lớn.  - Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước); triển khai roaming trong nước trên các hạ tầng di động (4G/5G).  - Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng cống bể ngầm để ngầm hóa tầng mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại trung tâm thành phố Huế; các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường cũ (nội đô).  -Triển khai các hoạt động thúc đẩy phổ cập điện thoại di động thông minh, hỗ trợ người dân tiếp cận nhanh với quá trình chuyển đổi số, khai thác hiệu quả các dịch vụ số.  - Quy hoạch các trung tâm dữ liệu, dự phòng lẫn nhau qua kênh truyền cáp quang dùng riêng, có đường truyền Internet băng rộng tốc độ cao kết nối trực tiếp với trạm trung chuyển Internet quốc gia.  - Xây dựng chính sách, khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.  - Nghiên cứu, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn yêu cầu tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT trong việc phát triển các lĩnh vực của kinh tế số như thương mại điện tử; chăm sóc sức khỏe từ xa; công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.  - Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn kết nối, dự phòng cho các kết nối vật lý, các nguồn cung cấp cơ sở thiết yếu (năng lượng, nước, cáp truyền thông) cho các các khu công nghệ cao, khu CNTT tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo”  III.2.6 Phương án phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cở sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở (trang 484-485)  “Đến năm 2025, giữ nguyên số lượng 04 cơ quan báo chí trong tỉnh. Giai đoạn 2026-2030 hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt (Báo TT - Huế, Đài Phát thanh và Truyền hình TT - Huế) theo mô hình tòa soạn hội tụ, cơ quan truyền thông đa phương tiện, ứng dụng công nghệ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (IoT, AI, Big Data…). Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tại 90% hệ thống thông tin cơ sở.  Hệ thống thông tin đối ngoại bám sát hoạt động đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước, đối ngoại nhân dân, hình thành được nhiều tư liệu, sản phẩm thông tin đối ngoại có giá trị, nâng cao vị thế đối ngoại, để tăng thứ hạng hình ảnh của tỉnh. Truyền thông quảng bá hình ảnh TT - Huế ra quốc tế trên các nền tảng công nghệ truyền thông đa dạng; đảm bảo hướng đối tượng;  Các nhà xuất bản, đơn vị phát hành xuất bản phẩm đầu tư, phát triển công nghệ mới vào hoạt động xuất bản, phát hành, chú trọng đưa các xu hướng hiện đại; phát triển các nền tảng xuất bản và phát hành XBP điện tử dùng chung; phát triển thí điểm sàn thương mại sách trực tuyến, kết hợp với hệ thống bưu chính đưa sách về vùng sâu, vùng xa góm phần giảm chênh lệch văn hóa đọc giữa các vùng.  Hiện đại hóa, nâng cao năng lực của các cơ sở in, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, từng bước đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường thế giới. | Tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý |

## Sở Nông Nghiệp Và PTNT (CV số 169 /SNNPTNT-XD ngày 03 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư các nội dung đã rà soát, bổ sung để tổng hợp, hoàn thiện báo cáo Quy hoạch tỉnh./.  (kèm theo các file điện tử đã rà soát, bổ sung)- 5 phụ lục | Đã tiếp thu toàn bộ theo công văn số 169 /SNNPTNT-XD, Phụ lục I |

## Huyện Phú Lộc (CV số 503/UBND-QH ngày 21 tháng 02 năm 2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
|  | UBND huyện tham gia một số nội dung như sau:  1. Về thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Phú Lộc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  a) Về thực trạng phát triển hạ tầng các khu kinh tế, khu/cụm công nghiệp (trang 29,30), đề nghị điều chỉnh các nội dung sau:  Quản lý phát triển các cụm công nghiệp: Huyện đã tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa một số vị trí để đăng ký thành lập các cụm công nghiệp mới và kêu gọi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp gồm: Cụm công nghiệp Cầu Hai (32,30 ha - thị trấn Phú Lộc); Cụm công nghiệp Giang Hải (25 ha - xã Giang Hải); Cụm công nghiệp Điền Hòa (30 ha - xã Lộc Điền và xã Lộc Hòa); Cụm công nghiệp La Sơn (75 ha - xã Lộc Sơn). Trong đó, đăng ký ưu tiên đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Vinh Hưng và Cụm công nghiệp La Sơn. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | b) Mục 3.1.a. Thực trạng hệ thống giao thông đường bộ (trang 44): Đề nghị bổ sung, điều chỉnh:  - Tuyến cao tốc La Sơn - Túy Loan đi qua địa bàn xã Lộc Sơn và Xuân Lộc; tuyến cao tốc La Sơn – Cam Lộ đi qua địa bàn xã Lộc Bổn và xã Lộc Sơn.  - Tuyến QL1A chạy qua với chiều dài 60,5 km, tạo thành trục xương sống của huyện.  - Tuyến QL49B chạy dọc các xã ven biển với chiều dài 25,8 km.  - Tuyến tỉnh lộ 14B (La Sơn - Nam Đông) dài 15,5km, Tỉnh lộ 14E dài 15,3km, Tỉnh lộ 15B dài 13,0km, Tỉnh lộ 21 dài 13,5km. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | c) Về thực trạng tổ chức không gian khu kinh tế (trang 48): Đề nghị điều chỉnh xã Vinh Giang và Vinh Hải thành xã Giang Hải, cụ thể: “Vùng kinh tế ven biển, đầm phá (bao gồm 4 xã Vinh Hưng, Vinh Mỹ, Giang Hải, Vinh Hiền)”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | d) Mục 4.2 Khu vực phát triển đô thị (trang 49), đề nghị điều chỉnh các nội dung sau:  Mạng lưới đô thị của huyện phân theo 2 khu vực với hình thái phân bố khác nhau:  - Dọc hành lang Quốc lộ 1: có thị trấn Phú Lộc, La Sơn với mật độ xây dựng đô thị cao.  - Dọc hành lang ven biển: với thị trấn Lăng Cô, là khu vực phát triển đô thị và dịch vụ du lịch gắn với cảnh quan ven biển và các đô thị mới Vinh Hưng, Vinh Hiền.  Nhìn chung, tỷ lệ đô thị hoá của huyện Phú Lộc trong giai đoạn 2011 – 2020 có tăng, năm 2020 đạt 23,02%, tăng 8,5% so với năm 2010 (năm 2020 xã Lộc Sơn được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V tại Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 13/3/2020). | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | e) Mục 2b. Định hướng phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn (trang 88, 89, 90): Đề nghị điều chỉnh các nội dung sau:  - Phối hợp và tạo điều kiện đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; Kêu gọi đầu tư lấp đầy Khu công nghiệp La Sơn và các Cụm công nghiệp: Vinh Hưng, La Sơn, Điền Hòa, Cầu Hai, Giang Hải.  - Mở rộng quy mô diện tích Khu công nghiệp La Sơn đến năm 2025 đạt 300ha theo Công văn số 962/TTg-KTN ngày 19/6/2014 về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đồng thời xem xét, nghiên cứu phương án mở rộng Khu công nghiệp La Sơn với quy mô diện tích phù hợp, đảm bảo nhu cầu cho giai đoạn tiếp theo.  g) Bổ sung Mục 3.1. Tầm nhìn định hướng chung nội dung: Thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có uy tín, năng lực để khai thác các tiềm năng có lợi thế của huyện như sông đầm, khe suối. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | h) Đề nghị bổ sung phần: 3.2.1 Đối với lĩnh vực thương mại - dịch vụ - logistics (trang 91):  Hình thành và phát triển các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện Phú Lộc.  Triển khai rà soát quỹ đất và quy hoạch các chợ du lịch, chợ đêm, chợ chuyên kinh doanh phục vụ khách du lịch; xem xét để phát triển một số cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn, hàng Việt tại các chợ.  Triển khai Kế hoạch hỗ trợ thúc đẩy thương mại điện tử; tập huấn, đào tạo chuyên sâu digital về marketing; mô hình chợ 4.0 không dùng tiền mặt.  Tổ chức Hội nghị giới thiệu sản phẩm địa phương để kết nối cung cầu. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | i) Mục 7.2 Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn (trang 111, 112): Đề nghị điều chỉnh các nội dung sau:  Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng theo quy hoạch các đô thị mới theo tiêu chí đô thị loại V: La Sơn, Vinh Hiền, Vinh Hưng, Lộc Thủy, Lộc Vĩnh và Lộc Tiến.  Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã Lộc Trì theo quy hoạch chung thị trấn Phú Lộc (mở rộng về hướng xã Lộc Trì) để tiến đến sáp nhập, thành lập thị trấn Cầu Hai. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | j) Mục 6.1. Phát triển mạng lưới giao thông, đề nghị bổ sung:  - Đầu tư xây dựng mới đường nối La Sơn, Vinh Hà, Vinh Hưng.  - Xây dựng mới tuyến đường La Sơn – Chây Mây: Điểm đầu nút giao cao tốc La Sơn – Túy Loan, điểm cuối QL.1 tại Phú Lộc, với tổng chiều dài khoảng 34,7 km, quy hoạch tuyến đạt quy mô tối thiểu đường cấp III, 2 làn xe. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Lộc theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 2. Về nội dung 2.6. Phụ lục 2 kèm theo Thông báo số 24/TB-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh: Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc (trang 643, 644)  a) Về tổ chức không gian, đề nghị điều chỉnh:  Huyện Phú Lộc bao gồm 2 khu vực: khu vực đô thị và khu vực nông thôn, trong đó khu vực đô thị có thị trấn Phú Lộc là trung tâm huyện lỵ, thị trấn Lăng Cô và đô thị La Sơn, Vinh Hiền, Vinh Hưng giữ vai trò là trung tâm các cụm xã; dự kiến tương lai hình thành 3 đô thị mới Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Tiến và đô thị Chân Mây-Lăng Cô; khu vực nông thôn có 09 xã.  Hướng phát triển chính của đô thị: Phát triển dọc theo các trục giao thông Quốc lộ 1: Chân Mây- Lăng Cô, La Sơn, thị trấn Phú Lộc và trục hành lang ven biển: đô thị Vinh Hưng, Vinh Hiền; xây dựng dải hành lang xanh ven biển bảo vệ đô thị, chống xói mòn bờ biển.  Hướng phát triển chính khu vực nông thôn: Đầu tư xây dựng các xã theo kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, tiến đến huyện Phú Lộc đạt chuẩn quốc gia xây dựng nông thôn mới vào năm 2025.  b) Về hệ thống đô thị: Đề nghị bổ sung các đô thị mới (đô thị loại V): Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Tiến thuộc Đô thị Chân Mây – Lăng Cô.  c) Hệ thống nông thôn, đề nghị điều chỉnh: Hệ thống nông thôn gồm 15 xã; đến năm 2025, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 6 xã đạt tiêu chí đô thị loại V: Lộc Sơn, Vinh Hiền, Vinh Hưng, Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Tiến), năm 2025 phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới. |  |

## Huyện Nam Đông (CV số 184 /UBND-KTHT ngày 14 tháng 02 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| Đô thị | Cơ bản thống nhất với dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND huyện đề nghị bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:  1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị  a) Đến năm 2030:  - Có 01 đô thị loại V (đô thị Khe Tre): Phát triển hoàn chỉnh khu đô thị trung tâm thị trấn Khe Tre (đô thị loại V) và phần mở rộng. Đô thị thị trấn Khe Tre và khu vực mở rộng sẽ phát triển hài hòa giữa khu vực phía Bắc và phía Nam sông Khe Tre. Khu vực mở rộng sẽ phát triển bổ sung các chức năng trung tâm đô thị cho khu vực thị trấn Khe Tre hiện tại. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị Khe Tre và phần mở rộng hướng đến các tiêu chí đô thị loại IV.  - Quy mô dân số dự báo đến năm 2030: 8.000 người.  - Quy mô đất đai:  + Quy mô đất đô thị thị trấn Khe Tre và phần mở rộng là 857,6 ha, trong đó: Thị trấn Khe Tre hiện tại có diện tích 431,6 ha và phần mở rộng khoảng 426 ha.  + Diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2030: 220 ha.  - Các định hướng đối với khu vực phát triển đô thị:  + Phát triển tạo sự kết nối với xã Hương Phú (về phía Đông) và xã Hương Xuân (về phía Tây), sông Tả Trạch trở thành trung tâm của cả khu vực.  + Giữ gìn và phát triển cảnh quan sinh thái kết hợp bảo vệ dãy đồi Khe Tre; phát triển các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao phù hợp với mục tiêu bảo vệ cảnh quan và di tích lịch sử.  + Giữ gìn các khu dân cư hiện hữu, phát triển các khu dân cư mới, khu hành chính của một số cơ quan, khu thương mại (chợ Khe Tre) và các dịch vụ phục vụ du lịch.  + Xây dựng khu đô thị trung tâm Khe Tre. Sắp xếp lại nhà ở dân cư trong khu vực. Xây dựng khu đô thị bao gồm nhà ở, thương mại, các dịch vụ tạo điểm nhấn của trung tâm đô thị.  + Phát triển đô thị vùng Le No: Xây dựng chợ Khe Tre mới, bến xe, phát triển dân cư, đầu tư hạ tầng giao thông, kè chống sạt lỡ từ Trung tâm Y tế huyện đến cầu Le No. Xây dựng hệ thống thoát nước, chỉnh trang vỉa hè, trồng cây xanh; xây dựng các tuyến đường đi bộ dọc sông Tả Trạch, Le No. Xây dựng các đập tràn tạo mặt nước sinh thái ở khu vực cầu Khe tre, Le No.  + Sắp xếp, xây dựng khu hành chính tập trung từ đường Tô Vĩnh Diện dọc đường Trường Sơn Đông đến đường Bế Văn Đàn.  b) Đến năm 2050:  Dự kiến đến năm 2050, huyện sẽ có 2 đô thị với quy mô diện tích 1.394,6 ha, trong đó đô thị Khe Tre 857,6 ha đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV và thành lập 01 đô thị mới vùng trung tâm xã Hương Xuân - Thượng Nhật có quy mô khoảng 537 ha, đạt chuẩn đô thị loại V.  Phát triển đô thị theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại. Đầu tư kết cấu hạ tầng ở trung tâm các xã theo các tiêu chí đô thị, cụ thể như sau:  - Đô thị Khe Tre mở rộng:  + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị Khe Tre và phần mở rộng hướng đạt các tiêu chí đô thị loại IV.  + Quy mô dân số dự báo đến năm 2050 khoảng 12.000 người.  + Quy mô đất đai: Quy mô đất đô thị của thị trấn Khe Tre và phần mở rộng là 857,6 ha (Ổn định bằng giai đoạn quy hoạch đến năm 2030). Quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 300 ha.  + Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị 250 m²/người.  + Tính chất: Là trung tâm huyện lỵ về hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Nam Đông. Là đô thị cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh, phát triển theo hướng đô thị sinh thái, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.  - Đô thị mới tại trung tâm xã Hương Xuân và xã Thượng Nhật:  + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đạt các tiêu chí đô thị loại V.  + Quy mô dân số: khoảng 5.000 người.  + Quy mô đất đai: khoảng 537 ha, trong đó: đất xây dựng đô thị khoảng 100 ha.  + Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị 200 m²/người.  + Tính chất: Là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai, được đầu tư xây dựng từng bước để đạt tiêu chí đô thị loại V và sẽ trở thành trung tâm tiểu vùng, có chức năng là trung tâm thương mại, du lịch hỗ trợ cho đô thị Khe Tre; Là đô thị phát triển theo mô hình nông thị sinh thái bền vững,...  2. Định hướng phát triển nông thôn  - Thu hẹp độ chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn. Phấn đấu đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm 2022.  - Quy hoạch và định hướng phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo hướng bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường.  - Tạo không gian xuất tiểu thủ công nghiệp gắn với không gian nông thôn truyền thống.  - Xây dựng các vùng sản xuất tập trung sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, chăn nuôi, trồng cây ăn quả với các giống cây chủ lực như: cam, dứa, chuối...với quy mô thích hợp nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.  - Phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.  - Duy trì các điểm dân cư hiện tại, bố trí xen ghép ở các khu dân cư hiện hữu.  - Tổ chức mới các điểm dân cư nông thôn khoảng 125 ha. Xây dựng nhà ở cho công nhân lao động cụm CN Hương Phú, Hương Hòa. Di dời các hộ gia đình ở Cụm dân cư Phú Mậu 1 do ảnh hưởng ô nhiễm của bãi rác và Cụm CN Hương Phú. | Về số lượng các đô thị đã được thống nhất với sở xây dựng theo định hướng phát triển đô thị toàn tỉnh. Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Nam Đông theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
| HTXH | 3. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội  a) Hệ thống giáo dục đào tạo.  - Duy trì mạng lưới trường học hiện có, giải phóng mặt bằng, mở rộng diện tích xung quanh đủ tiêu chuẩn. Đầu tư cơ sở vật chất trường học đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu dạy học.  - Xây dựng mới Trường THPT Nam Đông tại Hương Xuân. Chuyển trường THPT Nam Đông (tại Khe Tre) làm cơ sở 2 của trường THCS thị trấn Khe Tre.  - Mở rộng diện tích trường THCS Dân tộc nội trú.  - Các cơ sở giáo dục, đào tạo khác: Ổn định quy mô đất đai; bổ sung, nâng cấp các điều kiện cơ sở vật chất tiến tới 100% trường đạt chuẩn quốc gia 1 và tăng số trường đạt mức độ 2. Đến năm 2030, 100% các cơ sở giáo dục đảm bảo diện tích đất theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; 100% trường thực hiện chương trình Xanh-Sạch-Sáng-An toàn trong giáo dục của tỉnh. Định hướng xây dựng phát triển các trường học kiểu mẫu.  b) Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe.  Duy trì, đầu tư nâng cấp các Trung tâm Y tế huyện, các Trạm y tế xã, thị trấn trở thành các điểm y tế có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế.  c) Hệ thống văn hóa - thể thao.  - Đến năm 2030: Nâng cấp các trung tâm văn hóa, thể thao huyện, cấp và các nhà văn hóa xã, thôn theo đúng định hướng đã được phê duyệt tại các đồ án quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đến năm 2030 và các định hướng quy định tại các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030.  - Tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng mới Trung tâm văn hóa thể thao đa năng huyện tại các khu vực mở rộng đô thị Khe Tre đáp ứng các tiêu chí đô thị. Hình thành tổ hợp trung tâm văn hóa thể thao đa năng cấp vùng tại khu vực mở rộng đô thị Khe Tre, bao gồm các chức năng như: sân vận động, trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa trung tâm, nhà văn hóa thiếu nhi theo tiêu chí đô thị loại IV. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Nam Đông theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 4. Định hướng phát triển các ngành kinh tế  a) Nông nghiệp  - Xây dựng ngành nông nghiệp huyện Nam Đông phát triển theo hướng toàn diện, bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản.  - Xây dựng vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến: Trồng mới và duy trì cây cao su khoảng 2000 ha. Trồng rừng gỗ lớn khoảng 3000 ha, trồng cây dược liệu dưới tán rừng.  - Phát triển diện tích trồng cây ăn quả.  - Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung khoảng 50 ha (tại Hương Phú, Hương Xuân và các xã còn lại).  - Quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng đầu nguồn gắn với phát triển rừng, làm giàu rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng gắn với dịch vụ môi trường góp phần tạo sinh kế và nâng cao đời sống nhân dân.  - Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy lợi, đường đến các trung tâm sản xuất, các tổ hợp dịch vụ phục vụ bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.  b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề  + Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:  - Quy hoạch diện tích đất công nghiệp diện tích khoảng 160 ha. Mở rộng Cụm công nghiệp Hương Phú về phía Tây Bắc. Ổn định cụm công nghiệp Hương Hòa. Đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp mới. Kêu gọi đầu tư vào cụm công nghiệp, chú trọng chế biến gỗ công nghiệp, mộc mỹ nghệ; chế biến gỗ ván ép, viên nén; sản xuất vật liệu xây dựng; nội thất; phẩm nhựa; chế biến nông sản và các ngành nghề lợi thế khác.  - Phát triển ngành chế biến đá ốp lát, sản xuất vật liệu xây dựng quy mô diện tích khoảng 200 ha. Xây dựng nhà máy xi măng Nam Đông và vùng nguyên liệu với diện tích khoảng 100 ha.  - Tiếp tục tạo điều kiện doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy xi măng.  - Duy trì 2 nhà máy thủy điện công suất 17MW.  + Làng nghề:  - Khuyến khích phát triển các nghề và làng nghề truyền thống theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp hóa, thu hút thêm lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập góp phần xây dựng nông thôn mới.  - Ưu tiên khôi phục, tạo điều kiện, làng nghề truyền thống đã bị mai một: Dệt zèng, mây tre đan ở các xã đồng bào dân tộc thiểu số.  d) Thương mại:  - Đến 2030: Xây dựng chợ Khe Tre mới đạt chuẩn chợ loại I. Xây dựng khu vực chợ Khe Tre hiện và đồi Khe Tre thành khu đô thị, thương mại, dịch vụ vùng lõi trung tâm huyện. Xây dựng chợ Nam Đông thành chợ loại II.  - Đến năm 2050: Phát triển thêm các mô hình chợ như chợ Phiên hoặc chợ đêm tại Khe Tre. Xây dựng trạm dừng nghỉ bên phải tuyến cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn huyện khoảng 2 ha; Điểm thương mại, dịch vụ Logistics gắn với phát triển Cụm công nghiệp Hương Phú, điểm dừng nghỉ nút giao Quốc lộ 49E với đường Tỉnh 16 khoảng 2 ha.  - Phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững, gắn với phát triển du lịch và dịch vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ, phương thức lưu chuyển, giao dịch hàng hóa đảm bảo nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của người dân.  e) Dịch vụ du lịch:  - Khai thác lợi thế, tiềm năng về du lịch cảnh quan thiên nhiên, khe suối, thác nước, hồ chứa, rừng tự nhiên, đa dạng sinh học, bản sắc văn hóa dân tộc Cơ Tu, bảo tồn làng văn hóa dân tộc Cơ Tu, khai thác các điểm du lịch thác Phướng, thác Ka Zan, hồ thủy điện Thượng Lộ, hồ thủy điện Thượng Nhật, đập tràn Hai Nhất và hồ Tà Rinh, thác T7 Hương Sơn và hồ Tả Trạch, suối Khe Môn, thôn A Xăng xã Thượng Long, hồ Ka Tư xã Hương Phú, suối Khe Bó xã Thượng Quảng, khu dịch vụ du lịch - cắm trại thôn 11 xã Hương Xuân.  - Đầu tư Khu dịch vụ nghỉ dưỡng La Vân quy mô khoảng 120 ha tại xã Thượng Nhật.  - Đầu tư và kêu đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch, đầu tư đường giao thông, điện đến các điểm du lịch. Phát triển mạng lưới khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng; cửa hàng bán các thổ sản, quà lưu niệm, quà tặng,... | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Nam Đông theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 5. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật  a) Giao thông:  - Đường bộ cao tốc Bắc - Nam: Theo tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc.  - Quốc lộ: Hình thành Quốc lộ 49E trên cơ sở quy hoạch các tuyến tỉnh lộ 14B và tỉnh lộ 74 theo Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đề xuất bổ sung đường nối Nam Đông với Tây Giang tỉnh Quảng Nam vào Quốc lộ 49E.  - Tỉnh lộ: Đầu tư nâng cấp chất lượng mặt đường và quy mô đường tỉnh lộ 16 (nối với Phong Điền, Hương Trà). Mở rộng đoạn qua khu vực các đô thị, điểm trung tâm tiểu vùng, điểm dân cư nông thôn tập trung đạt tiêu chuẩn đường đô thị. Nâng cấp tỉnh lộ 14B.  - Đường huyện: Duy trì, nâng cấp các tuyến đường huyện hiện có. Đầu tư tuyến đường vành đai hỗ trợ quốc lộ 49E. Đầu tư các tuyến đường đô thị theo Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, đường đến các điểm du lịch; các tuyến đường kết nối thị trấn Khe Tre với các xã và khu dự kiến mở rộng đô thị. Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường xã, thôn xóm đạt chuẩn giao thông nông thôn.  - Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ bên phải tuyến cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn huyện; Điểm thương mại, dịch vụ Logistics gắn với phát triển Cụm Công nghiệp Hương Phú, xây dựng điểm dừng nghỉ nút giao Quốc lộ 49E với đường Tỉnh lộ 16.  - Chỉnh trang bến xe Khe Tre, Hương Giang. Chỉnh trang, bố trí đậu đỗ; bố trí các điểm xe buýt từ Thượng Quảng đến Hương Phú nối liền các tuyến Huế, Vinh Hiền, Đà Nẵng.  - Xây dựng bến xe Khe Tre tại vị trí quy hoạch gắn liền với chợ Khe Tre.  - Giao thông đường thủy chủ yếu phục vụ du lịch vận chuyển trong phạm vi nhỏ.  b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:  - Quy hoạch chiều cao nền: Lấy mực nước dâng lòng hồ Tả Trạch làm chuẩn. Cao độ thấp nhất cao hơn hoặc bằng mực nước lòng hồ thiết kế Hmax + 0,5m. Khu vực dân cư nông thôn san nền chỉ san đắp nền cho phần đất xây dựng công trình (nhà ở, nhà và công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phần đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên.  - Định hướng thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải ở khu dân cư mới xây dựng sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Khu vực hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước nữa riêng hoặc cải tạo thành hệ thống thoát nước riêng.  c) Quy hoạch cấp nước  - Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2030 là 4874 m³/ngđ.  - Quy hoạch nguồn cấp nước: Đến năm 2030: Nâng công suất Nhà máy nước Nam Đông và Thượng Long từ 2.000m3/ngđ lên 4.000m3/ngđ tại thời điểm phù hợp (để đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển nhà máy xi măng Nam Đông). Mạng lưới đường ống đảm bảo cấp nước liên tục cho nhu cầu dùng nước; đường ống trục chính cấp 1, cấp 2 dùng mạch vòng, mạng lưới phân phối dùng mạch kết hợp.  d) Quy hoạch cấp điện  - Tổng công suất phụ tải điện đến năm 2030 là: 17.600 KVA, đến năm 2050 là 45.000 KVA.  - Nguồn điện được cấp lưới điện 22kV từ trạm trung gian 35/22kV xuất tuyến 373 E6 và thủy điện Thượng Lộ, thủy điện Thượng Nhật.  - Xây dựng đường dây 110 kV đến trạm 110kv XM Nam Đông 25MVA và hoàn thiện lưới điện 22kv nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tổn thất điện năng.  - Định hướng xây dựng và cải tạo lưới điện: lưới điện trung áp của huyện sẽ được vận hành ở cấp điện áp 22 kV, điện áp 35 kV phục vụ đấu nối các nguồn điện trên địa bàn vào hệ thống.  - Chỉ đi cáp ngầm khu vực đô thị, đi nổi ở các khu nông thôn..  e) Thông tin liên lạc:  - Mục tiêu: Ngầm hóa hệ thống mạng cáp viễn thông đảm bảo cảnh quan đô thị và khu du lịch.  - Đến năm 2030: Hoàn thiện hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng phục vụ góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo 100% vùng phủ sóng Internet không dây tại khu vực thị trấn và khu vực trung tâm xã.  f) Quy hoạch hệ thống thủy lợi:  - Giải pháp phi công trình chống lũ: Đề xuất giải pháp về tổ chức xã hội: Tổ chức bộ máy theo dõi chỉ đạo và huy động lực lượng phòng chống bão lụt; tổ chức tuyên truyền, giáo dục;  - Giải pháp phòng chống, giảm nhẹ, phòng ngừa: Tăng cường năng lực cảnh báo, dự báo; xây dựng hệ thống cảnh báo lũ; trồng rừng và bảo vệ rừng.  - An toàn hồ đập: Cải thiện hệ thống quan trắc phục vụ công tác quản lý vận hành các hồ đập; lắp đặt hệ thống cảnh báo khu vực hạ du các công trình.  - Giải pháp công trình chống lũ: Thường xuyên kiểm tra hệ thống các tuyến kè sông, khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Nam Đông theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | h) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:  \* Thoát nước thải:  - Lưu vực đô thị: Nước thải sẽ được thu gom xử lý đạt yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.  + Khu dân cư mới xây dựng: Hệ thống thoát nước sử dụng hệ thống thoát nước riêng.  + Khu dân cư hiện hữu: Hệ thống thoát nước sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng.  + Nước thải sinh hoạt ở lưu vực đô thị được thu gom và đưa về trạm xử lý trước khi xả vào sông.  + Khu công nghiệp, khu dịch vụ du lịch: Hệ thống thoát nước sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Xử lý đạt yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.  - Lưu vực nông thôn: Khu vực nông thôn có dân cư thưa thì xử lý nước thải theo cục bộ bằng các bể tự hoại.  - Tổng lưu lượng thoát nước: tính bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước, ngoại trừ lượng nước thất thoát rò rỉ và lượng nước tưới cây rửa đường.  - Trạm xử lý nước thải dự kiến đặt 2 trạm ở ven sông Tả Trạch, diện tích trạm xử lý dự kiến 1ha.  \* Rác thải và vệ sinh môi trường, nghĩa trang:  - Rác sinh hoạt: Tiêu chuẩn thải rác sinh hoạt giai đoạn 2030 là 0,8kg/ng/ng, tỷ lệ thu gom đạt ≥85%. Tiêu chuẩn thải rác sinh hoạt giai đoạn 2050 là 0,9kg/ng/ng, tỷ lệ thu gom đạt ≥90%. Lượng chất thải rắn công nghiệp: 0,3T/ha.ngày; trong đó, chất thải rắn công nghiệp nguy hại tính bằng 20% lượng chất thải rắn công nghiệp.  - Bãi chôn lấp: Duy trì bãi chôn lấp chất thải rắn Hương Phú quy mô 4 ha. Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xử lý rác thải công nghệ cao (lò đốt rác). | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Nam Đông theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | - Nghĩa trang: Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí đảm bảo phù hợp theo quy hoạch hệ thống nghĩa trang trên toàn tỉnh. Mở rộng nghĩa trang Hương Hòa quy mô 3 ha, nghĩa trang Hương Phú 2 ha, xây dựng nghĩa trang nhân dân các xã theo quy hoạch chung xây dựng xã. |  |

## Huyện Phú Vang (CV số 168/UBND - TCKH, ngày 15 tháng 02 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| Vùng huyện | UBND huyện Phú Vang thực hiện góp ý một số nội dung như sau:  1. Quy mô:  - Quy mô đất đai: 235,31 km2 (toàn bộ diện tích huyện Phú Vang).  + Đất xây dựng đô thị dự kiến đến năm 2030: 1.300- 1.600ha;  + Đất xây dựng đô thị dự kiến đến năm 2045: 2.200- 2.500ha;  - Quy mô dân số:  + Hiện trạng (năm 2021): 137.962 người.  + Đến năm 2030: 213.000 người.  + Đến năm 2045: 310.000người.  2. Tính chất:  - Là vùng đô thị, nông thôn được kết nối đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thích nghi biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.  - Là vùng phát triển kinh tế dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng biển, kinh tế đầm phá, vùng phát triển dịch vụ - du lịch của tỉnh gắn với phát triển công nghiệp, TTCN chế biến, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Là vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn không gian cảnh quan sinh thái đầm phá, cân bằng tự nhiên ven bờ và phát triển kinh tế - xã hội.  3. Thời hạn quy hoạch:  - Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030.  - Giai đoạn dài hạn: đến năm 2045 (tầm nhìn đến năm 2065).  4. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch:  4.1. Quan điểm:  - Xây dựng huyện Phú Vang có nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao gắn với phát triển bền vững; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng dịch vụ - công nghiệp, xây dựng - nông nghiệp; phát triển dịch vụ, du lịch thành ngành kinh tế chủ đạo; công nghiệp giữ vai trò động lực; chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, làng nghề.  - Bảo vệ và khai thác có hiệu quả, bền vững, từng bước tái tạo môi trường, hệ sinh thái đầm phá Tam Giang gắn với việc sắp xếp sản xuất, khơi thông luồng lạch các đầm Sam, Chuồn.  - Xây dựng một xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; quốc phòng- an ninh vững mạnh, chính trị- xã hội ổn định; hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.  4.2. Mục tiêu:  - Hoàn thành mục tiêu huyện Phú Vang đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2025, cụ thể hóa cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thừa Thiên Huế đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 03/02/2012. Đồng thời rà soát để phù hợp với Quy hoạch chung Đô thị Thừa Thiên huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đang tổ chức lập.  - Phấn đấu tới năm 2025 trở thành huyện nông thôn mới và đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại IV, hướng tới sau năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại III.  - Xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới, đầu tư các công công trình phúc lợi, dịch vụ công cộng thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng.  - Phát triển vùng huyện Phú Vang đến năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2065 thành địa bàn phát triển mạnh về kinh tế biển, kinh tế đầm phá và du lịch- dịch vụ theo hướng đô thị, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.  5. Các chỉ tiêu cho từng giai đoạn phát triển:   | TT | Hạng mục | Đơn vị  tính | Hiện trạng | Quy hoạch | | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm 2021 | Năm 2030 | Năm 2045 | | 1 | Dân số toàn huyện | người | 137.962 | 213.000 | 310.000 | |  | - Dân số đô thị | người | 38.629 | 85.000 | 160.000 | |  | - Dân số nông thôn | người | 99.333 | 128.000 | 150.000 | | 2 | Dự báo tỷ lệ đô thị hoá | % | 28,0 | 40,0 | 51,6 | |  | (d.số thành thị /tổng dân số) | | 3 | Đất xây dựng đô thị | ha |  | 1.300-1.600 | 2.200-2.500 | | 4 | Số lượng đô thị | đô thị | 2 | 2-3 | 3-4 | | 5 | Chỉ tiêu cấp điện | w/người |  | 200 | 330 | | 6 | Chỉ tiêu cấp nước | lít/người/ngày |  |  |  | | - | Đô thị loại 4 |  |  | 120 | 150 | | - | Đô thị loại 5 |  |  | 100 | 120 | | 7 | Tỷ lệ thoát nước | % |  |  |  | | - | Đô thị loại 4 |  |  | 95 | 100 | | - | Đô thị loại 5 |  |  | 90 | 100 | | 8 | Chỉ tiêu điện thoại | máy/1000 dân |  | 320 | 420 | | 9 | Chỉ tiêu cây xanh đô thị | m2/người |  | 8-10 | 10-12 | | 10 | Chỉ tiêu đất giao thông | % |  |  |  | | - | Đô thị loại 4 |  |  | 16-18 | 18-20 | | - | Đô thị loại 5 |  |  | 14-16 | 16-18 |   6. Định hướng phát triển không gian vùng huyện  6.1. Mô hình phát triển không gian vùng  - Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, xây dựng các phương án phát triển kinh tế phân bố theo từng khu vực (Công nghiệp, Thương mại - dịch vụ, Nông nghiệp). Nghiên cứu, cập nhật, đề xuất phương án khả thi về cơ cấu, ngành nghề, khả năng tăng trưởng kinh tế của huyện.  - Đề xuất các mô hình phát triển không gian vùng phù hợp với điều kiện thực tế của huyện.  - Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm của các mô hình theo các yếu tố:  +Khả năng phát huy tiềm năng và vị thế của huyện.  + Khả năng liên kết không gian kinh tế của huyện trong tỉnh và vùng phụ cận  + Khả năng huy động và khai thác hiệu quả, bền vững các tiềm năng về tài nguyên, nguồn nhân lực, nguồn vốn,… của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội.  -Tham khảo các Mô hình phát triển không gian vùng như sau:  + Mô hình 1: Đơn cực tập trung với thị trấn Phú Đa (Trung tâm huyện lỵ) và vùng phụ cận đóng vai trò là cực động lực chủ đạo;  + Mô hình 2: Phát triển đồng đều trên cơ sở thúc đẩy các trục hành lang kinh tế - đô thị phát triển gắn với các trung tâm đô thị trên địa bàn toàn huyện.  + Mô hình 3: Phát triển đa cực tạo sự lan tỏa trong các tiểu vùng với các cực phát triển như Thị trấn Phú Đa, Vinh Thanh, Phú Mỹ, Phú Hồ …  6.2. Đề xuất phân vùng kiểm soát quản lý phát triển  Đề xuất phương án phân vùng để làm cơ sở để định hướng và chia nhỏ các khu vực kiểm soát phù hợp với quy mô quản lý và điều kiện phát triển từng khu vực, những vẫn đảm bảo tính thống nhất trong cấu trúc toàn vùng.  Tham khảo Phương án phân vùng theo 03 tiểu vùng:  - Tiểu vùng 1: Gồm các xã dọc ven biển từ Phú Thuận đến Vinh An với trung tâm tiểu vùng là khu vực Vinh Xuân – Vinh Thanh.  - Tiểu vùng 2: Gồm thị trấn Phú Đa và các xã Phú Gia, Vinh Hà với trung tâm tiểu vùng là thị trấn Phú Đa  - Tiểu vùng 3: Gồm các xã Phú An, Phú Mỹ, Phú Hồ, Phú Lương, Phú Xuân trong đó Phú Hồ, Phú Lương, Phú Mỹ là trung tâm tiểu vùng.  Tạo thành chuổi đô thị động lực phát triển cho Phú Vang gồm: Vinh Xuân – Vinh Thanh – Phú Đa – Phú Lương, Phú Hồ, Phú Mỹ. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Phú Vang theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  |  |  |

## Huyện Quảng Điền (CV số 155/UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | UBND huyện tham gia góp ý về dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo phân công tại mục II, nội dung 42 *“về thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quảng Điền”*), cụ thể như sau:  Cơ bản thống nhất với dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND huyện đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:  1. Phần căn cứ pháp lý (II.2.1-Phần mở đầu, trang 12), đề nghị bổ sung Quyết định 258/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về việc công nhận đô thị mới Thanh Hà, huyện Quảng Điền đạt tiêu chí đô thị loại V.  2. Mục 1.1.6 về đánh giá về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên (trang 34-35), tại ý thứ nhất, đề nghị sửa lại dòng đánh giá “Quảng Điền có hai tuyến tỉnh lộ quan trọng là tỉnh lộ 11A và tỉnh lộ 4” thành “Quảng Điền có Quốc lộ 49B và các tuyến tỉnh lộ Tỉnh lộ 19, Tỉnh lộ 11A, Tỉnh lộ 4B, Tỉnh lộ 8A, Tỉnh lộ 8C, Tỉnh lộ 11C, Tỉnh lộ 22 đi ngang qua”.  3. Tại mục 1.1.6b về khó khăn (trang 35), đề nghị bổ sung các ý:  - Quảng Điền là huyện vùng trũng, thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai lũ lụt.  - Vị trí của huyện Quảng Điền rất khó khăn trong việc kêu gọi các dự án đầu tư phát triển công nghiệp. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 4. Tại mục 2.1.3.2 không gian phát triển công nghiệp (trang 64), đề nghị bỏ đoạn “đang trình UBND tỉnh xin chủ trương dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm bàn ghế nội, ngoại thất làm từ gỗ, sợi nhựa và mây tre đan của Công ty TNHH xuất nhập khẩu An Phúc Hưng tại khu công nghiệp”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 5. Tại bảng 21, về diện tích khu công nghiệp Quảng Vinh (trang 64): Hiện nay, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh đang điều chỉnh mở rộng quy hoạch với diện tích 150 ha. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 6. Tại trang 65, ý thứ nhất, đề nghị sửa lại đoạn “Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã có hai cụm công nghiệp được thành lập, với tổng diện tích 50,52 ha. Trong đó: cụm công nghiệp Bắc An Gia là 16,50 ha, cụm công nghiệp Quảng Lợi là 34,02 ha” thành “Đến nay, trên địa bàn huyện chỉ có 01 cụm công nghiệp Bắc An Gia đã được thành lập. Tuy nhiên, diện tích hiện nay của cụm nhỏ, chỉ 2,2 ha, nằm cạnh khu dân cư và chợ. Do vậy, đề xuất xóa cụm này để hình thành mới tại cụm công nghiệp Quảng Lợi thuộc xã Quảng Lợi với quy mô 34,06 ha”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 7. Tại bảng 23 (trang 69), đề nghị bổ sung làng nghề chế biến mắm, nước mắm Tân Thành (xã Quảng Công) thuộc loại hình (nhóm ngành nghề) thực phẩm. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 8. Tại mục 2.1.4.2 về không gian phát triển dịch vụ (trang 79), đề nghị sửa ý thứ nhất “Về phân bố hệ thống chợ, trên toàn huyện hiện có 20 chợ, trong đó có 3 chợ hạng 3, bao gồm: chợ Chiều (xã Quảng Ngạn), chợ Ngư Mỹ Thạnh (xã Quảng Lợi), chợ Kim Đôi (xã Quảng Thành)” thành “Về phân bố hệ thống chợ, trên địa bàn toàn huyện hiện có 20 chợ, trong đó có 01 chợ hạng 2 (chợ Trung tâm thương mại Quảng Điền) và 19 chợ hạng 3 được phân bố ở các xã”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 9. Tại mục 2.3.1.1 về thực trạng đường bộ (trang 106), đề nghị sửa lại đoạn “Về đường bộ có đường tỉnh lộ nối với quốc lộ 1A-Sịa-An Lỗ; Sịa Tây Ba-Bao Vinh-Huế, Sịa-Phong Lai liền với nhiều xã Phòng Điền, tuyến đường ven biển Hương Trà, Quảng Điền, Phong Điền đến Hải Lăng (Quảng Trị)-đường 68, hầu hết các xã đều có đường ôtô đi lại thuận tiện” thành “về đường bộ, có Quốc lộ 49B và các tuyến Tỉnh lộ 4B, Tỉnh lộ 8A, tỉnh lộ 8C, tỉnh lộ 11A, Tỉnh lộ 11C, Tỉnh lộ 19, Tỉnh lộ 22 qua địa bàn huyện đã tạo mối liên hệ về giao thông với các huyện lân cận và giữa các xã trong huyện”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 10. Tại mục đánh giá về hiện trạng nghĩa trang nhân dân (trang 120), đề nghị chuyển cụm từ “Hiện tại, các địa phương đều có nghĩa trang” thành “Hiện tại trên địa bàn huyện đã có quy hoạch 01 khu nghĩa trang tập trung của huyện. Các xã có các nghĩa địa khác phân bố ở các xã”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 11. Tại mục 2.4.2 về khu vực đô thị (trang 123), đề nghị sửa lại ý thứ nhất “Hệ thống đô thị của Quảng Điền hiện nay có 1 thị trấn (tt.Sịa) - đô thị loại V, là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá – xã hội của huyện, một đô thị mới đang trong quá trình hình thành và phát triển – đô thị mới Thanh Hà, và 10 khu trung tâm hành chính xã. Dân số đô thị năm 2018 là 9.860 người (chiếm 12,27% dân số toàn huyện)” thành “ Hiện nay, hệ thống đô thị của Quảng Điền gồm có 02 đô thị loại V, trong đó có 01 đô thị là thị trấn Sịa, 01 đô thị mới đã được phân loại đạt tiêu chí đô thị loại V”. | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |
|  | 12. Tại mục 2.3 về phương án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện (từ trang 147-189): đề nghị bám sát các nội dung của Quy hoạch vùng huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh). | Sẽ tiếp thu cụ thể trong báo cáo Hợp phần của huyện Quảng Điền theo nội dung thống nhất sau cuộc họp rà soát |

## Công ty CP cấp nước Thừa Thiên Huế (CV số 239/HWS-TK ngày 28/3/2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | Quy hoạch cấp nước tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2197/UBND năm 2011 và điều chỉnh năm 2013,2015 tại các Quyết định 1332 và 1509/QĐ-UBND. Quá trình thực hiện từ 2011-2023, Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế luôn tuân thủ quy hoạch, tiếp thu ý kiến của các cơ quan ban ngành có liên quan, từng bước huy động các nguồn lực để xây dựng hệ thống cấp nước an toàn, bền vững. Đến nay, Công ty đã cấp nước an toàn cho hơn 96,35% dân số toàn tỉnh (gần 1,12 triệu người ~303.300 hộ khách hàng) từ đô thị đến nông thôn.  Trong năm 2023 và giai đoạn 2023-2026, để đáp ứng nhu cầu dùng nước của người dân và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, đảm bảo cấp nước an toàn và an ninh nước trong tình hình biến đổi khí hậu có chiều hướng phức tạp, Công ty có kế hoạch đầu tư một số công trình: (i) Nâng cấp cải tạo NMN Lộc An từ 8.000m3/ngđ lên 16.000m3/ngđ (Quy hoạch 2030: 30.000m3/ngđ); (ii) Nhà máy nước A Lin và A Sáp, huyện A Lưới (ii) Một số tuyến ống truyền tải nhằm tăng cường áp lực cho các khu vực phía Đông Nam TP Huế, TT Sịa, các xã ven biển và đầm phá thuộc huyện Phú Vang, khu 3 huyện Phú Lộc (có danh mục đinh kèm) phù hợp với định hướng và Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.  Tuy nhiên, do Quy hoạch cấp nước được điều chỉnh từ năm 2015, một số công trình cần thiết phải đầu tư nhưng chưa phù hợp Quy hoạch, một số công trình chưa được bổ sung vào Quy hoạch. Vì vậy, Công ty kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương cho phép thực hiện điều chỉnh cục bộ Quy hoạch cấp nước Tỉnh, kịp thời đầu tư đáp ứng nhu cầu dùng nước trước mắt và lâu dài, góp phần xây dựng hệ thống cấp nước an toàn bền vững, hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2025 sẽ cấp nước cho 100% dân số toàn tỉnh theo Nghị quyết 54/NQ-TW của Bộ Chính trị./ | Tiếp thu góp ý |

## UBMT Tổ quốc (CV số 239/HWS-TK ngày 28/3/2023)

| **Từ khoá** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Đối với dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  1.1. Tại Điểm a, Khoản 2, Mục II, Điều 1 quy định:  “a) Mục tiêu tổng quát  "Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là đô thị về di sản đặc trưng của Việt Nam; là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao; trung tâm kinh tế biển, cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng-an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế."  Đề nghị điều chỉnh cho phù hợp với Mục tiêu, tầm nhìn của Nghị quyết 54- NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Nghị quyết 54 NQ/TW), cụ thể chỉnh sửa Điểm a, Khoản 2, Mục II, Điều 1 của dự thảo thành:  “Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao. | Mục tiêu tổng quát đã được chỉnh sửa tại mục 2.1, chương 3. |
| 2 | 1.2. Tại Điểm a, Khoản 2, Mục III, Điều 1, đề nghị bổ sung nội dung cuối cùng như tại Điểm 3.2.1, Khoản 3.2, Mục III của dự thảo Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào sau đoạn Phát triển công nghiệp dược, sản xuất, chế tạo thiết bị, vật tư y tế cụ thể như sau:  “Phát triển công nghiệp dược, sản xuất, chế tạo thiết bị, vật tư y tế  Hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể phòng chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với đại dịch trong tương lai.” | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại phương hướng phát triển công nghiệp |
| 3 | 1.3. Đề nghị bổ sung Điểm 1.3, khoản 1, Mục IV, Điều 1 nội dung về tầm nhìn năm 2050 như tại điểm 1.3.1.3, 1.3.1, 1.3, khoản I, Mục 8 của dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:  “1.3. Tầm nhìn năm 2050  - Phát triển Thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc Trung ương đạt được Tầm nhìn theo Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, “là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của châu Á”.  - Tiếp tục hoàn thiện cấu trúc không gian đô thị theo mô hình thành phố hướng biển; phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị, trong đó khu vực nội thành (Đô thị lõi), gồm 04 quận (Quận phía Bắc, Quận phía Nam và Quận Hương Thuỷ, quận Hương Trà); khu vực ngoại thành, gồm 08 đô thị, trong đó có 02 thành phố Chân Mây - Lăng Cô và Phong Điền, tối thiểu đạt tiêu chuẩn độ thị loại III; 02 thị xã Quảng Điền và Phú Vang, tối thiểu đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; 02 thị trấn huyện lỵ Khe Tre (H. Phú Lộc - Nam Đông), thị trấn A Lưới (H. A Lưới), tối thiểu đạt tiêu chuẩn đô thị loại V và 02 thị trấn thuộc huyện, thị trấn Hồng Vân, thị trấn Lâm Đớt (H. A Lưới)”. | Tầm nhìn của báo cáo đã được chỉnh sửa tại mục 2.2, chương 3. |
| 4 | 1.4. Tại Khoản 1, Mục V, Điều 1, đề nghị bỏ 1 trong 2 nội dung về Quy hoạch hệ thống giao thông thủy nội địa vì bị trùng lắp 2 lần trong cùng Khoản 1. Đồng thời, nghiên cứu gộp 2 nội dung về Quy hoạch phát triển cảng biển vào cùng một đoạn để đảm bảo tính liền mạch, dễ hiểu. | Tiếp thu điều chỉnh nội dung Quy hoạch hệ thống giao thông thủy nội địa trong dự thảo quyết định, tại khoản 1, mục VI. |
| 5 | 1.5. Tại Điểm c, Khoản 6, Mục V, Điều 1, đề nghị bổ sung nội dung Trung tâm điều hành y tế thông minh vào sau nội dung Thành lập mới các trung tâm y học hiện đại như tại Khoản 6.1, Mục VI của dự thảo Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Nội dung Điểm c được chỉnh sửa thành:  “Tập trung xây dựng và nâng cao năng lực các thiết chế y tế trên địa bàn để trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của cả nước. Phát triển Bệnh viện Trung ương Huế, cùng với Bệnh viện Trường đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế về y tế. Phát triển Trường đại học Y Dược Huế theo mô hình “Trường - Viện” cấp quốc gia và hướng tới đạt chuẩn quốc tế. Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm miền Trung và tổ hợp y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm y tế và kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế. Đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trở thành Trung tâm cấp vùng. Hình thành Trung tâm Đào tạo về y học cổ truyền và điểm tham quan du lịch, quảng bá y học cổ truyền, Viện Thái Y. Thành lập Trung tâm giao dịch dược phẩm, trang thiết bị, vật tư y tế cấp vùng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Trung tâm Cứu hộ cứu nạn miền Trung; Trung tâm Pháp y tâm thần miền Trung. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học để ứng dụng các kỹ thuật điều trị chuyên sâu, tiên tiến. Thành lập mới các trung tâm y học hiện đại, Trung tâm điều hành y tế thông minh. | Tiếp thu điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng y tế tại khoản 3, mục VII. |
| 6 | 1.6. Tại Khoản 2, Mục X, Điều 1, đề nghị bổ sung nội dung việc tổ chức lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác và sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm và cáo hiệu quả; bảo đảm tính thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất vào sau nội dung Tăng cường kiểm tra, giám sát.  Nội dung Khoản 2 được chỉnh sửa thành:  “Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ đất sạch, mặt bằng sản xuất sẵn sàng thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến chế tạo; đấu giá quyền sử dụng đất theo thị trường đảm bảo công khai, minh bạch. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác và sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm và cáo hiệu quả; bảo đảm tính thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất; kịp thời phát hiện, kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, có sai phạm, gây lãng phí đất đai,...” | Tiếp thu điều chỉnh Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai tại khoản 2, mục XI. |
| 7 | 1.7. Tại Khoản 8, Mục X, Điều 1  Nghiên cứu điều chỉnh sửa đổi nội dung Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch nhằm nêu cao vai trò của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp giám sát thực hiện quy hoạch, kịp thời phát hiện, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền các hành vi sai trái, ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch để xử lý theo quy định. Phát huy tính dân chủ và sức mạnh toàn dân, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư; tăng cường giám sát của cộng đồng và sự tham gia của dân cư đối với thực hiện quy hoạch. | Tiếp thu điều chỉnh khoản 8, mục X. |
| 8 | 2. Đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  Tại Điểm 5.2.1, Khoản 5.2, Mục V của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh có nội dung về phát triển các trung tâm đô thị, Vùng động lực, đề nghị phân chia rõ thành Ba trung tâm đô thị và Ba trung tâm động lực tăng trưởng như tại Khoản 4, Mục II, Điều 1 của dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Đã tiếp thu điều chỉnh tại mục III. phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định các khu vực khuyến khích phát triển, các khu vực hạn chế phát triển (mục III, chương 5) |
| 9 | 3. Một số ý kiến khác  Trong dự thảo hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cần nghiên cứu bổ sung các nội dung về việc chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, bảo đảm kết nối thông suốt nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và quốc tế; đẩy mạnh phát triển hạ tầng chuyển đổi số.  Bên cạnh đó, đối với các quy hoạch đã được phê duyệt nhưng trong quá trình thực hiện thì việc giải phóng mặt bằng qua khu dân cư, phát triển đô thị vùng ven, quỹ đất xa trung tâm, giãn dân cư... phát sinh chi phí lớn. Do vậy, cần có phương án xem xét để điều chỉnh cho phù hợp nhằm góp phần tiết kiệm chi phí đầu tư, đẩy nhanh quá trình giải phóng mặt bằng, các dự án có thể thi công nhanh chóng hơn, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và rút ngắn quá trình quy hoạch của tỉnh. | Tiếp thu hoàn thiện theo góp ý |

1. Hương Thọ + Hương Hồ [↑](#footnote-ref-1)
2. Phú Mậu + Phú Thanh + Phú Dương [↑](#footnote-ref-2)
3. Phong An, Phong Hiền, Phong Hòa, Phong Hải + Điền Hải, Điền Lộc + Điền Hòa, TT.Phong Điền + Phong Thu [↑](#footnote-ref-3)
4. Phong Sơn, Phong Xuân, Phong Mỹ, Phong Chương, Phong Bình, Điền Hương + Điền Môn [↑](#footnote-ref-4)
5. Thành lập thị trấn từ xã Lộc Sơn [↑](#footnote-ref-5)